BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CTCP

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2023

TỔNG CÔNG TY
DẦU VIỆT NAM -
CÔNG TY CỔ PHẦN
2023-04-04 18:51:52

MỤC LỤC

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL 5

1. Thông tin tổng quát 5
2. Quá trình hình thành và phát triển 5
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 6
4. Mô hình quản trị công ty 8
5. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết 9
6. Ban lãnh đạo Tổng công ty 9
7. Định hướng phát triển 13

7.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh 14
7.2. Tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp 14
7.3. Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực 14

8. Các rủi ro 14

PHẦN II - QUẢN TRỊ CÔNG TY 16

1. Hội đồng quản trị 16
2. Ban Kiểm soát 18
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2022 20

3.1. Lương, phụ cấp đặc thù công việc, thù lao của HĐQT, Ban điều hành và BKS 20
3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ : không có 21
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ 21
3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty 21

PHẦN III - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 22

1. Bối cảnh chung 22
2. Kết quả sản xuất kinh doanh 23

2.1. Các chỉ tiêu sản lượng 23
2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 24

3. Tổ chức và nhân sự 25

3.1. Ban điều hành Tổng công ty 25
3.2. Những thay đổi trong năm của Ban điều hành 25
3.3. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động 25

4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án 28
5. Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp 28
6. Tình hình tài chính 29
7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 30

PHẦN IV - BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH 32

1. Đánh giá kết quả hoạt động SKXD của Tổng công ty 32

2. Những tiến bộ đạt được trong năm 33
2.1. Nắm bắt thời cơ, đẩy mạnh phát triển CHXD dưới nhiều hình thức 33
2.2. Triển khai hợp đồng lắp đặt trạm sạc pin xe điện tại CHXD 33
2.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số 34
2.4. Nâng tầm uy tín thương hiệu PVOIL 35
3. Tình hình tài chính 36
3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn 36
3.2. Tình hình Nợ phải trả 37
4. Kế hoạch SXKD năm 2023 37
4.1. Dự báo tình hình 37
4.2. Nhiệm vụ trọng tâm 37
4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu 38
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán 39

PHẦN V - ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY 41

1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Tổng công ty 41
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc 43
3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2023 44

PHẦN VI - BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 46

1. Thông điệp phát triển bền vững 46
2. Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối với các bên liên quan 47
3. Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT) 47
3.1. Duy trì hiệu quả Hệ thống ATSKMT 47
3.2. Công tác An toàn - An ninh, PCCC, ứng cứu tình huống khẩn cấp 48
3.3. Chăm sóc sức khỏe người lao động 49
3.4. Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải 49
3.5. Xây dựng văn hóa an toàn sức khỏe, môi trường 49
3.6. Các chỉ số an toàn sức khỏe và nghề nghiệp 50
3.7. Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT 2022 51
4. Tuân thủ về môi trường 51
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường 52
5.1. Tác động lên môi trường: 52
5.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu 52
5.3. Tiêu thụ năng lượng 52
5.4. Tiêu thụ nước 52
5.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường 53
6. Báo cáo các vấn đề về xã hội 53
6.1. Việc làm 53
6.2. Trách nhiệm sản phẩm, dịch vụ 53
6.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng 55

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT 56

PHẦN VII - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2022 57

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 58

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP 60

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 62

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT 67

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT 68

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 70

PHẦN I
THÔNG TIN CHUNG VỀ PVOIL

1. Thông tin tổng quát

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305795054
- Vốn điều lệ: 10.342.295.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 10.342.295.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 14-18, Toà nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-28) 3910 6990
- Số fax: (84-28) 3910 6980
- Website: www.pvoil.com.vn
- Mã cổ phiếu: OIL, giao dịch trên Upcom từ ngày 07/3/2018

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) là đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06/06/2008 của Tập đoàn trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim - thành lập tháng 04/1994) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm dầu (PDC - thành lập tháng 04/1996).

PVOIL là đơn vị duy nhất của Tập đoàn tham gia phát triển hoàn chỉnh khâu hạ nguồn của ngành Dầu khí trong các lĩnh vực xuất nhập khẩu, kinh doanh dầu thô và chế biến, tồn trữ, phân phối các sản phẩm dầu.

Trong gần 15 năm hoạt động dưới thương hiệu PVOIL, Tổng Công ty đã liên tục phát triển mở rộng hệ thống mạng lưới kinh doanh xăng dầu (KDXD) trong và ngoài nước thông qua mua bán sáp nhập doanh nghiệp. PVOIL cũng đã không ngừng tái cấu trúc, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo định hướng tối ưu bộ máy, tập trung vào các hoạt động cốt lõi nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động.

Những dấu mốc lịch sử trong quá trình hình thành và phát triển PVOIL như sau:

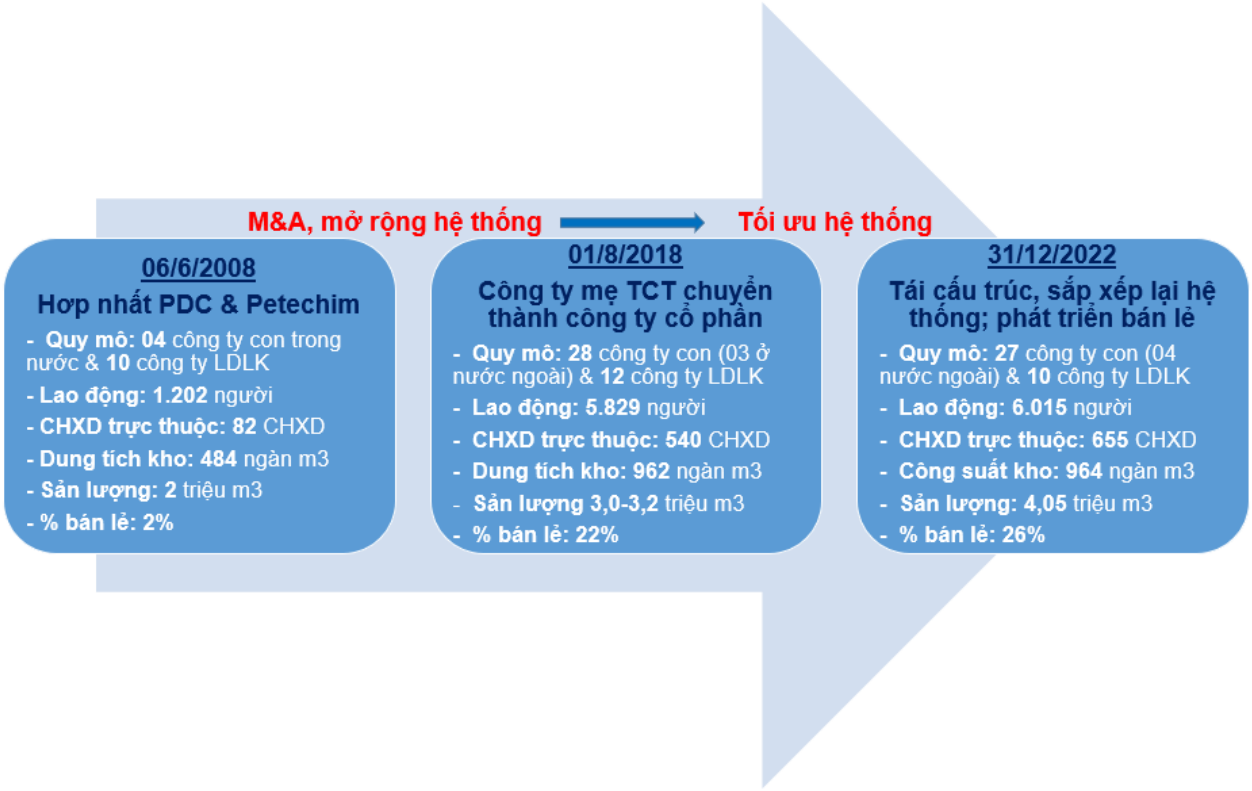

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Lĩnh vực kinh doanh chính

Lĩnh vực ủy thác xuất/ bán dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế

PVOIL là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tổ chức tiếp thị và thực hiện dịch vụ ủy thác xuất/ bán dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác tại các mỏ nước ngoài. Với bề dày 37 năm kinh nghiệm thực hiện dịch vụ, PVOIL đã trực tiếp xuất bán an toàn và hiệu quả hơn 370 triệu tấn dầu thô các loại khai thác từ 16 mỏ dầu trong và ngoài nước.

PVOIL cũng đảm nhiệm việc cung cấp dầu thô nguyên liệu cho Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (Nhà máy lọc dầu Dung Quất) với sản lượng bình quân 7 triệu tấn/năm từ nguồn trong nước và nhập khẩu theo yêu cầu.

Lĩnh vực sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn, nhiên liệu sinh học

Sản xuất xăng dầu: PVOIL thực hiện sản xuất, pha chế xăng dầu với sản lượng khoảng 500.000 m3/năm từ nguồn condensate khai thác trong nước của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Toàn bộ lượng xăng sản xuất tiếp tục được đưa vào pha chế xăng sinh học E5 RON 92.

Sản xuất Nhiên liệu sinh học (NLSH): PVOIL có hệ thống pha chế xăng E5 trên cả nước với tổng công suất đạt trên 1,5 triệu m^3 E5/năm. PVOIL hiện cung ứng ra thị trường gần 500.000 m3 xăng E5 thương phẩm/năm.

Sản xuất dầu mỡ nhờn: PVOIL LUBE, công ty con của PVOIL, với giá trị thương hiệu kế thừa từ VIDAMO - một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở Việt Nam sản xuất và kinh doanh dầu mỡ nhờn. Sản phẩm của PVOIL LUBE với hơn 140 loại dầu mỡ bôi trơn được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chất lượng cao, chủ yếu cung cấp cho các khách hàng công nghiệp và các nhà thầu dầu khí và đang dần mở rộng đến đối tượng khách hàng lẻ thông qua mạng lưới phân phối xăng dầu của PVOIL. Sản phẩm dầu mỡ nhờn của PVOIL được sản xuất tại nhà máy Bình Chiểu (Tp. Hồ Chí Minh) công suất 20.000 tấn/năm.

Kinh doanh sản phẩm dầu Trong lĩnh vực kinh doanh phân phối xăng dầu tại thị trường nội địa, PVOIL xếp vị trí thứ 2 về sản lượng tiêu thụ, chiếm khoảng 20% thị phần. Tại Lào, PVOIL đứng đầu về sản lượng nhập khẩu, chiếm 23% thị phần và trong top 3 doanh nghiệp kinh doanh phân phối xăng dầu lớn nhất.

Trong suốt gần 15 năm hoạt động, thông qua hoạt động mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), PVOIL đã phát triển mạnh mẽ hệ thống phân phối KDXD rộng khắp cả nước và tại nước bạn Lào.

3.2 Địa bàn kinh doanh và hệ thống phân phối

Trong nước:

PVOIL có hệ thống phân phối xăng dầu tại 64/64 tỉnh thành trên cả nước với gần 2.200 cửa hàng xăng dầu (CHXD), trong đó có 655 CHXD trực thuộc và 1.500 CHXD đại lý/nhượng quyền thương mại.

Nước ngoài:

- ***Tại Lào***, PVOIL có 02 công ty con là PVOIL Laos kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu và PVOIL Laos Trading kinh doanh phân phối xăng dầu tại 16/18 tỉnh/thành của Lào với hệ thống phân phối gần 120 CHXD.
- ***Tại Singapore***, PVOIL có công ty con là PVOIL Singapore chuyên kinh doanh dầu thô và sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế.
- ***Tại Campuchia,*** PVOIL thành lập công ty con là PVOIL Campuchia để nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy chế biến condensate tại đây.

3.3 Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh

	655 cửa hàng xăng dầu tại 56 tỉnh/thành trên cả nước. **15 cửa hàng xăng dầu tại Lào**
	30 kho xăng dầu trên cả nước, tổng sức chứa 964 ngàn m3 **08 kho xăng dầu tại Lào với tổng sức chứa 10.300 m3**

- 135 xe bồn tổng dung tích trên 2.000 m3
- 04 xà lan tổng dung tích 3.500 m3

4. Mô hình quản trị công ty

Kể từ ngày 01/8/2018, Công ty mẹ Tổng Công ty Dầu Việt Nam chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với mô hình tổ chức bộ máy như sơ đồ sau:

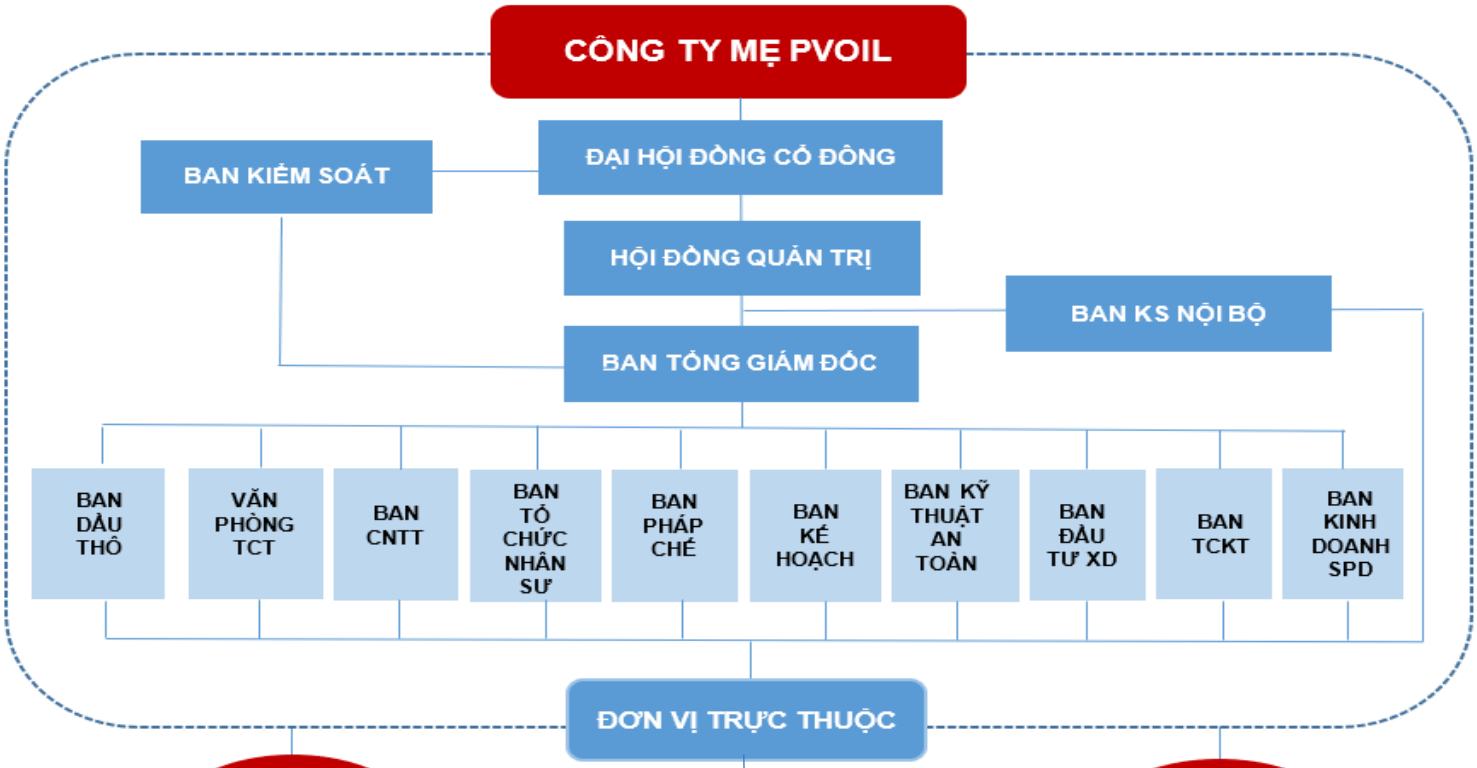

KDXD trong nước

1. PVOIL Hà Nội
2. PVOIL Hải Phòng
3. PVOIL Phú Thọ
4. PVOIL Nam Định
5. PVOIL Thái Bình
6. PVOIL Cái Lân
7. PVOIL Thanh Hóa
8. PVOIL Vũng Áng
9. PVOIL Miền Trung
10. PVOIL Phú Yên
11. PVOIL Bình Thuận
12. PVOIL Vũng Tàu
13. PVOIL Sài Gòn
14. Timexco
15. Petec
16. PVOIL Tây Ninh
17. Petro Mekong
18. PVOIL Bạc Liêu
19. PVOIL Trà Vinh

Công ty con ở nước ngoài

1. PVOIL Singapore
2. PVOIL Lào
3. PVOIL Lào Trading
4. PVOIL Cam puchia

Công ty SXKD khác

1. PVOIL Trans
2. PVOIL Lube
3. Thái Bình PSC
4. PVOIL Phú Mỹ

Các đơn vị trực thuộc

1. XN Tổng kho XD Miền Đông
2. XN Tổng kho XD Đình Vũ
3. XN Tổng kho XD Nhà Bè
4. CN PVOIL Quảng Ngãi
5. CN PVOIL Nghi Sơn – Thanh Hóa
6. CN PVOIL Vũng Tàu
7. Ban Quản lý Dự án PVOIL
8. Chi nhánh PVOIL Hà Tĩnh
9. Chi nhánh PVOIL Thừa Thiên Huế
10. VPĐD Myanmar

Các công ty LD-LK

1. CTCP Vật tư Xăng dầu Comeco
2. CTCP Thương mại dịch vụ Thạch Hãn
3. Công ty TNHH NLSH Phương Đông (OBF)
4. Công ty CP NLSH Dầu khí Miền Trung (BSR-BF)
5. Công ty CP Hóa dầu và NLSH Dầu khí (PVB)
6. Công ty hóa chất Chất dẻo Vina
7. CTCP TM Dầu khí Petechim
8. CTCP Điều Phú Yên
9. Cty TNHH Kho ngầm VN
10. CTCP XDDK Ninh Bình

5. Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

- Các công ty con: Chi tiết xin xem tại thuyết minh BCTC kiểm toán (trang 71-73 báo cáo này)
- Các công ty liên doanh, liên kết: Chi tiết xin xem tại thuyết minh BCTC kiểm toán (trang 74 báo cáo này)

6. Ban lãnh đạo Tổng công ty

6.1. Hội đồng quản trị

Cơ cấu Hội đồng quản trị PVOIL được ĐHĐCĐ lần đầu (ngày 30/7/2018) thông qua gồm 7 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập.

Ông Cao Hoài Dương, Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 30/01/1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Hóa học; Thạc sĩ Hóa Công nghệ

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có 30 năm đóng góp cho ngành dầu khí. Trải qua các vị trí từ chuyên viên, lãnh đạo cấp trung đến tham gia quản lý điều hành của ngành Dầu khí như: Phó Tổng giám đốc Liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng giám đốc Tổng công ty Đạm và Hóa chất Dầu khí (Đạm Phú Mỹ). Với tư duy chiến lược sắc bén và kiến thức sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, ông khẳng định uy tín, vai trò qua từng vị trí công tác với nhiều đóng góp quan trọng. Tháng 01/2016, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt nam điều động về Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV giữ cương vị Thành viên HĐTV kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ông tiếp tục đảm nhận vị trí Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP từ ngày 01/8/2018 đến 23/9/2020. Ông được HĐQT tín nhiệm bầu giữ chức chủ tịch HĐQT PVOIL từ 23/9/2020 đến nay.

Ông Cao Hoài Dương đang nắm giữ 284.667.029 cổ phần (tương đương 27,52% vốn điều lệ) tại PVOIL. Trong đó, 284.661.929 cổ phần là đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và 5.100 cổ phần là sở hữu của cá nhân.

Ông Đoàn Văn Nhuộm, Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Ngày sinh: 07-11-1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Trắc địa công trình

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có trên 35 năm đóng góp cho ngành Dầu khí, đã tham gia quản lý điều hành nhiều đơn vị lớn trong ngành như Giám đốc Công ty kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, Tổng Giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo), Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Vận tải dầu khí (PV Trans). Ông đã có nhiều năm gắn bó với PVOIL, nguyên là Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ (PDC) – tiền thân của PVOIL và là Tổng Giám đốc PVOIL từ tháng 10/2014-12/2015. Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, tháng 9/2020, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam điều động về PVOIL giữ cương vị Tổng Giám đốc Tổng công ty. Tháng 01/2021, ông được ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của PVOIL bầu chọn làm thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty.

Ông Đoàn Văn Nhuộm đang nắm giữ 237.872.785 cổ phần (tương đương 23% vốn điều lệ) đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL và không có cổ phần sở hữu cá nhân.

Ông Trần Hoài Nam, Thành viên HĐQT PVOIL

Phó Tổng giám đốc CTCP Hàng không Vietjet, Phó Tổng GĐ HD Bank

Ngày sinh: 14/08/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý công nghiệp

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Với kinh nghiệm quản lý và điều hành tại các công ty quy mô lớn (như Viện Đo lường Việt Nam, Ngân hàng Citibank Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM, Công ty CP Thương mại Dầu khí - PETECHIM, Công ty Cổ phần Hàng không VietJet…), ông Nam được ĐHĐCĐ lần thứ nhất Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP tin tưởng và bầu chọn làm thành viên HĐQT (không chuyên trách) từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Ông Lê Văn Nghĩa, Thành viên HĐQT PVOIL

Chủ tịch HĐQT PetroMekong, PVOIL Cái Lân, Comeco (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 05/07/1966

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý và giám sát hoạt động tài chính doanh nghiệp, quản trị rủi ro trước khi về đầu quân cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Gia nhập Tổng công ty Dầu Việt Nam từ 02/2011, ông lần lượt nắm giữ các chức vụ như Phó, Trưởng ban Kiểm soát nội bộ, thành viên HĐTV Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Ông tiếp tục cương vị thành viên HĐQT PVOIL sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Ông Lê Văn Nghĩa đang nắm giữ 155.135.025 cổ phần tại PVOIL (tương đương 15% vốn điều lệ của PVOIL). Trong đó, 155.134.425 cổ phần là đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và 600 cổ phần là sở hữu của cá nhân ông.

Ông Nguyễn Mậu Dũng, Thành viên HĐQT PVOIL

Chủ tịch HĐQT PVOIL Bình Thuận, PVOIL Nam Định (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 02/01/1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Gia nhập ngành từ hơn 30 năm trước, ông Nguyễn Mậu Dũng đã nắm giữ nhiều vị trí quản lý quan trọng tại các đơn vị lớn và công ty mẹ Tập đoàn dầu khí Việt Nam như: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty xây dựng Dầu Khí (PVC), Phó tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam (PVGAS), Trưởng ban Thương mại thị trường Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN). Ông Dũng được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giới thiệu và ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của PVOIL bầu làm thành viên HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP vào tháng 01/2021.

Ông là người đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL với 155.134.425 cổ phần (tương đương 15% vốn điều lệ của PVOIL) và hiện không sở hữu cổ phần tại PVOIL.

Ông Hạng Anh Minh, Thành viên độc lập HĐQT

Ngày sinh: 10/11/1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý dự án

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông Minh đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí và từng nắm giữ các chức vụ quan trọng như Phó Ban Đầu tư tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC). Từ ngày 01/8/2018 đến nay, ông được ĐHĐCĐ tín nhiệm và bầu chọn làm thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Ông Lê Ngọc Quang, Thành viên độc lập HĐQT

Ngày sinh: 21/03/1966

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Lọc hóa dầu; Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp

Ông có hơn 30 năm gắn bó với ngành Dầu khí ở nhiều vị trí công tác khác nhau, với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong các lĩnh vực thương mại, quản lý dự án …. Uy tín, kinh nghiệm và những đóng góp tích cực của ông trong ngành dầu khí là cơ sở để ĐHĐCĐ Tổng Công ty tin tưởng và bầu chọn ông giữ chức vụ thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

6.2. Ban điều hành

Tổng Giám đốc Đoàn Văn Nhuộm

Ngày sinh: 07-11-1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Trắc địa công trình

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có trên 35 năm đóng góp cho ngành dầu khí, đã tham gia quản lý điều hành nhiều đơn vị lớn trong ngành Dầu khí như Giám đốc Công ty kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam, Tổng Giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo), Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Vận tải dầu khí (PV Trans). Ông đã có nhiều năm gắn bó với PVOIL, nguyên là Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ (PDC) – tiền thân của PVOIL và là Tổng Giám đốc PVOIL từ tháng 10/2014-12/2015. Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, tháng 09/2020, ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam điều động về PVOIL giữ cương vị Tổng Giám đốc Tổng công ty và tham gia thành viên HĐQT của Tổng công ty từ tháng 01/2021 đến nay.

Ông Đoàn Văn Nhuộm đang nắm giữ 237.872.785 cổ phần đại diện vốn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVOIL và không có cổ phần sở hữu cá nhân.

Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Anh Toàn

Chủ tịch HĐQT PVOIL Phú Yên, PVOIL Vũng Áng (kiêm nhiệm)

Chủ tịch HĐTV PVOIL Lào, PVOIL Lào Trading (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 17/9/1962

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Gia nhập ngành dầu khí từ năm 1994, ông đã trải qua các các vị trí Phó/Trưởng phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Petec, Trưởng Ban Sản phẩm dầu Tổng công ty trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV từ tháng 6/2011. Từ 01/8/2018 đến nay ông tiếp tục tham gia quản lý và điều hành tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP ở cương vị Phó Tổng Giám đốc.

Ông hiện đang sở hữu 1.700 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Võ Khánh Hưng

Giám đốc PVOIL Cambodia, Thành viên HĐQT Petechim (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 28/9/1965

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật Hóa dầu; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: PTGĐ Võ Khánh Hưng gắn bó với Petechim – đơn vị tiền thân của PVOIL ngay từ những ngày đầu thành lập (tháng 8/1992), ông Hưng là một trong những gương mặt tiêu biểu về sự cống hiến trong từng bước tiến của Tổng công ty. Trong suốt hơn 30 năm công tác, ông đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao phó. Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV từ tháng 6/2008 và tiếp tục nắm giữ cương vị này sau khi Tổng Công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP đến nay. Ông hiện đang sở hữu 2.200 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Tuấn Tú

Chủ tịch HĐQT Petec, Thành viên HĐQT PVB, BSR-BF, OBF (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 30/3/1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán; Cử nhân Anh văn; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông Tú đã có gần 30 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí, nắm giữ nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính kế toán. Gia nhập Tổng Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) - tiền thân của PVOIL từ tháng 05/2006 với cương vị Kế toán trưởng. Từ tháng 06/2011 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Hiện ông đang tiếp tục phát huy vai trò, nhiệm vụ ở cương vị này khi Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/8/2018.

Ông hiện đang sở hữu 1.000 cổ phần tại PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Đăng Trình

Chủ tịch HĐQT PVOIL Tây Ninh (kiêm nhiệm)

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 20/7/1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có gần 17 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí, 13 năm ở lĩnh vực tài chính kế toán. Ông được tin tưởng và bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng

Tổng công ty từ tháng 12/2014 và đã có nhiều đóng góp vào quá trình hoàn thiện công tác kế toán quản trị tại Tổng công ty. Từ ngày 01/8/2018 khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình CTCP, ông tiếp tục giữ chức Kế toán trưởng và sau đó từ ngày 03/6/2019 đến nay được bổ nhiệm và giữ chức Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty. Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Phó Tổng Giám đốc Vũ Hoài Lam

Chủ tịch HĐQT PVOIL Hà Nội, PVOIL Ninh Bình (kiêm nhiệm)

Ngày sinh: 22/4/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế lao động; Thạc sĩ Kinh tế Thương mại

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Với nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức quốc tế uy tín, tháng 5/2011 ông được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Ông tiếp tục giữ cương vị này sau khi Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình CTCP - từ ngày 01/8/2018 đến nay.

Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Ngọc Ninh

Ngày sinh: 07/10/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Kinh nghiệm nghề nghiệp: Ông có 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Dầu khí ở lĩnh vực tài chính kế toán. Từng giữ các chức vụ Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng phòng Đầu tư, Trưởng phòng Giao dịch Công ty cổ phần Tài chính Dầu khí. Tháng 11 năm 2011 ông về công tác tại Tổng công ty Dầu Việt Nam ở vị trí Phó ban TCKT và sau đó tháng 10/2017 được bổ nhiệm chức Trưởng ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty. Với năng lực và kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và quản lý công nợ, từ ngày 09/9/2019 đến nay ông được bổ nhiệm và giữ chức Kế toán trưởng Tổng công ty. Hiện ông không có cổ phần sở hữu tại PVOIL.

7. Định hướng phát triển

PVOIL kiên định với định hướng phát triển Tổng công ty dựa trên các quan điểm sau:

- ☞ Phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Tập trung vào 02 lĩnh vực hoạt động chính là XNK kinh doanh dầu thô và sản xuất, kinh doanh sản phẩm dầu.
- ☞ Tiếp tục kiên định với định hướng phát triển hệ thống phân phối, đảm bảo tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng và phát huy tối đa cơ sở hạ tầng đã đầu tư.
- ☞ Phát triển ổn định, bền vững, an toàn và hiệu quả; gắn hoạt động SXKD với bảo vệ môi trường và hướng tới lợi ích chung của toàn xã hội.
- ☞ Không ngừng hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý, ứng dụng CNTT, tự động hóa và mô hình quản trị tiên tiến nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

Mục tiêu phát triển giai đoạn 2021-2025

❖ Mục tiêu tổng quát

- PVOIL Là đơn vị duy nhất thực hiện nhiệm vụ xuất khẩu và kinh doanh dầu thô của Tập đoàn, cung cấp dầu thô từ nguồn nội địa và nhập khẩu cho NMLD Dung Quất.

- Tăng trưởng sản lượng KDXD bình quân 5%/năm, giữ ổn định thị phần.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối theo hướng gia tăng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, phấn đấu tỷ trọng bán lẻ và đại lý trực tiếp đạt tối thiểu 50% vào năm 2025.

❖ **Mục tiêu cụ thể**

- Sản lượng KDXD đến 2025 đạt 3,8-4,0 triệu m3/tấn; Tỷ trọng bán lẻ đạt tối thiểu 30% vào năm 2025.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ bình quân 6%.

7.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Lĩnh vực ủy thác dầu thô và kinh doanh dầu quốc tế: Xuất/bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô Việt Nam và dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam khai thác ở nước ngoài; cung cấp đầy đủ dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất theo yêu cầu. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dầu quốc tế, khẳng định thương hiệu PVOIL trong lĩnh vực này.

Lĩnh vực sản xuất, pha chế: Triển khai sản xuất pha chế xăng sinh học đáp ứng nhu cầu thị trường và theo lộ trình của Chính phủ; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm DMN thương hiệu PVOIL LUBE.

Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu: Giữ ổn định thị phần và hệ thống phân phối; tập trung gia tăng tỷ trọng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp, bền vững (bán lẻ và bán khách hàng công nghiệp) và xúc tiến phát triển các dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD.

7.2. Tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp

Xác định công tác tái cấu trúc là yêu cầu cấp bách nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống, hướng tới các mục tiêu phát triển dài hạn, PVOIL đã tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu giai đoạn 2020 – 2025 với mục tiêu chính là rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị thành viên kinh doanh xăng dầu (KDXD) để đảm bảo hiệu quả hoạt động, tiết giảm chi phí quản lý vận hành, tránh trùng lắp, cạnh tranh nội bộ trên cùng địa bàn, lĩnh vực kinh doanh.

7.3. Nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực

Công tác nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực được chú trọng, thông qua các giải pháp:

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản trị điều hành hướng tới mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế và áp dụng khoa học công nghệ, số hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ khách hàng.
- Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực và phát triển nguồn nhân lự

8. Các rủi ro

Rủi ro lãi suất: Lãi suất là một chỉ số tài chính quan trọng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của PVOIL do một phần vốn lưu động và đầu tư là vốn vay. Trong năm 2022, lãi suất cho vay ngắn hạn trên thị trường tăng mạnh, đặc biệt trong những tháng cuối năm. Tuy nhiên, nhờ có dòng tiền tốt và tín nhiệm cao với các ngân hàng nên PVOIL luôn thu xếp được các khoản vay với lãi suất ưu đãi, giúp giảm thiểu chi phí kinh doanh.

Rủi ro tỷ giá: Là doanh nghiệp nhập khẩu, kinh doanh xăng dầu nên PVOIL chịu ảnh hưởng về biến động tỷ giá. PVOIL đã áp dụng hình thức giao dịch kỳ hạn để hạn chế rủi ro. Tuy nhiên, từ cuối năm 2018, nguồn cung từ 2 NMLD trong nước đã đáp ứng hơn 70% nhu cầu nội địa và PVOIL ưu tiên tiêu thụ nguồn hàng này, chỉ nhập khi thiếu hụt nên đã giảm thiểu được rủi ro về tỷ giá.

Rủi ro về giá dầu: Giá dầu thô và xăng dầu trên thế giới biến động liên tục, rất khó lường, phức tạp và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình địa chính trị, tình hình kinh tế tại các nước như Mỹ, Trung Quốc, châu Âu; diễn biến nhu cầu và nguồn cung trên toàn thế giới cũng như các yếu tố tài chính, tâm lý thị trường. Bên cạnh đó, trong hơn 2 năm qua, đại dịch COVID-19 đã tác động mạnh mẽ và chưa từng có đến nền kinh tế toàn cầu cũng như làm sai lệch những nguyên tắc cơ bản của thị trường dầu mỏ, giá dầu giảm sâu rồi lại phục hồi mạnh mẽ chỉ trong thời gian ngắn. Để ứng phó, PVOIL đặc biệt chú trọng công tác phân tích, dự báo, theo dõi sát diễn biến thị trường và có chính sách điều hành linh hoạt.

Rủi ro về điều hành kinh doanh xăng dầu (KDXD) của Chính phủ: Hoạt động kinh doanh của Công ty có liên quan mật thiết với giá dầu thô và xăng dầu trên thị trường thế giới và điều hành giá của Chính phủ. Điều hành KDXD của Chính phủ trong những năm gần đây đã thể hiện sự minh bạch và tiếp cận thị trường, tuy nhiên vẫn còn những bất cập, tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp (công thức giá, biên độ điều chỉnh giá; sử dụng các công cụ điều tiết khác như quỹ bình ổn và thuế; bắt buộc về tồn kho lưu thông 20 ngày; ấn định mức chi phí và lợi nhuận định mức trong KDXD).

Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường: Kinh doanh xăng dầu là ngành nghề có rủi ro cao về cháy, nổ, hỏa hoạn, ô nhiễm môi trường… Khi có sự cố xảy ra sẽ để lại hệ lụy nặng nề đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Để hạn chế và kiểm soát rủi ro đặc thù này, PVOIL đã đầu tư, trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định, tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ, thuê đơn vị chuyên ngành triển khai các giải pháp phòng, chống tràn dầu và mua đầy đủ các loại bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm cháy nổ…

Rủi ro về pháp luật: Là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của PVOIL bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Tổng công ty. Để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, PVOIL luôn theo dõi và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan trong hệ thống, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Tổng công ty.

Rủi ro khác: Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của PVOIL có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt… mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tác động kép của đại dịch Covid-19 và suy giảm giá dầu làm nhu cầu tiêu thụ xăng dầu sụt giảm mạnh, giá dầu thô xăng dầu biến động bất thường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xăng dầu, dầu khí trong đó có PVOIL.

PHẦN II
QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Xin xem tại Mục 6.1 Phần I của báo cáo này

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà thành lập ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc HĐQT và được giao chức năng, nhiệm vụ là bộ phận tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động hệ thống. Tháng 01/2022, HĐQT PVOIL đã bổ sung nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm toán nội bộ cho Ban Kiểm soát nội bộ, đồng thời ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ theo thông tư số 66/2020/TT-BTC ngày 10/7/2020 của Bộ Tài Chính.

1.3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2022

- HĐQT đã tổ chức xây dựng và ban hành Chương trình công tác năm 2022 của HĐQT theo Quyết định số ngày 765/QĐ-DVN ngày 29/12/2021 nhằm cụ thể hóa các nội dung công tác và mục tiêu cần thực hiện trong năm 2022 của HĐQT.
- HĐQT hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ PVOIL và Luật Doanh nghiệp; Định kỳ tổ chức đánh giá Chương trình công tác và việc thực hiện chức năng lãnh đạo, quản lý các mặt hoạt động của Tổng công ty; Rà soát, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT và tổ chức phân công nhiệm vụ phù hợp với thế mạnh, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm công tác của từng thành viên HĐQT.
- Trong năm 2022, lãnh đạo PVOIL hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2022 trong bối cảnh suy thoái kinh tế và lạm phát toàn cầu, thị trường dầu mỏ trong và ngoài nước diễn biến “dị biệt”, thuận lợi và khó khăn đan xen chưa từng có tiền lệ, nguồn cung bị “đứt gãy” và thiếu hụt, giá xăng dầu tăng giảm bất thường.
- Trong năm, HĐQT đã tiến hành 06 cuộc họp, ban hành 90 nghị quyết để quản lý/chỉ đạo các hoạt động của PVOIL trên mọi lĩnh vực; Tổ chức giám sát và đánh giá kịp thời kết quả thực hiện nội dung các nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; Tổ chức và trực tiếp tham gia giám sát toàn diện tình hình SXKD của các đơn vị trong hệ thống PVOIL, chỉ đạo đơn vị khắc phục những tồn tại và yếu kém.
- HĐQT luôn đề cao tinh thần làm việc trách nhiệm, dân chủ, xử lý nhanh chóng, kịp thời các vấn đề, đề xuất kiến nghị của Ban Tổng Giám Đốc; ban hành các nghị quyết, quyết định phù hợp thẩm quyền. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ theo nguyên tắc đa số, dựa trên kết quả biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc biểu quyết thông qua hình thức phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT; Tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2022 và thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng.
- Cuối năm 2022, HĐQT đã tổ chức họp kiểm điểm, nghiêm túc đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo cũng như kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT; Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022; Kiểm điểm sâu sát về việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được cấp có thẩm quyền kết luận hoặc được chỉ ra ở các kỳ kiểm điểm trước.

1.4. Các cuộc họp HĐQT trong năm 2022:

TT	Thời gian	TV tham dự	Nội dung	Kết quả
1	17/02/2022	7/7	1. Báo cáo kết quả SXKD tháng 1 năm 2022 2. Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021 của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP	Thảo luận và thống nhất tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo hình thức trực tuyến vào sáng ngày 28/4/2022.
2	14/03/2022	7/7	1. Công tác nhân sự tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP	Thảo luận và thống nhất thông qua chủ trương về công tác cán bộ tại PVOIL Vũng Áng và PVOIL Thanh Hóa.
3	22/06/2022	6/7	1. Thảo luận về phương án đầu tư mua cổ phần chuyển đổi PVOIL Trà Vinh và PVOIL Bạc Liêu thành Công ty TNHH MTV. 2. Thảo luận về kết quả SXKD tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2022. 3. Báo cáo cập nhật tình hình SXKD của các đơn vị PVOIL Lào và PVOIL Lào Trading. 4. Thảo luận về tình hình khắc phục tình trạng giám sát tài chính đặc biệt tại các đơn vị thành viên.	Cuộc họp thảo luận các nội dung và giao cho Thư ký lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản liên quan đến các kiến nghị của Tổng giám đốc trình HĐQT.
4	07/07/2022	7/7	1. Đánh giá kết quả triển khai công tác 6 tháng đầu năm 2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP	Cuộc họp thảo luận về những việc đã hoàn thành và đề ra các mục tiêu cần tập trung chỉ đạo trong 6 tháng cuối năm 2022.
5	08/09/2022	7/7	1. Thảo luận về phương án đầu tư mua cổ phần của các cổ đông để chuyển đổi PVOIL Thanh Hóa thành Công ty TNHH MTV.	Cuộc họp thảo luận và giao cho Thư ký lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản liên quan đến các kiến nghị của Tổng giám đốc trình HĐQT.
6	18/11/2022	7/7	1. Cập nhật tình hình liên quan đến các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP. 2. Xem xét việc giao các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023 cho Công ty mẹ – PVOIL và định hướng giao kế hoạch SXKD năm 2023 cho các đơn vị thành viên.	Cuộc họp thảo luận và giao nhiệm vụ cho Tổng giám đốc Tổng công ty triển khai các công việc liên quan.

1.5. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Cơ cấu Hội đồng quản trị PVOIL gồm 7 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập. Mỗi thành viên độc lập HĐQT bên cạnh việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được qui định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, trong năm 2022 còn thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của HĐQT như sau:

- Ông Hạng Anh Minh: Theo dõi, giám sát hoạt động 8 công ty con của PVOIL gồm: PVOIL Thanh Hóa, PVOIL Nghi Sơn, PVOIL Vũng Áng, Petec, PVOIL Trà Vinh, PVOIL Bạc Liêu, PVOIL Lào, PVOIL Lào Trading.
- Ông Lê Ngọc Quang: Theo dõi, giám sát hoạt động 8 công ty con của PVOIL gồm: PVOIL Hải Phòng, PVOIL Đình Vũ, PVOIL Thái Bình, Thái Bình PSC, PVOIL Bình Thuận, PVOIL Phú Mỹ, PVOIL Nhà Bè, Timexco.

Trong năm 2022, các Thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, có ý kiến và biểu quyết độc lập về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; Tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của các ĐVTV theo phân công công việc của HĐQT.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty; Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Các khóa đào tạo mà thành viên HĐQT đã tham gia liên quan đến quản trị công ty trong năm 2022 như sau:

- Tháng 5/2022: Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc tham gia “Diễn đàn Quản trị cấp cao” tại Hà Nội.
- Tháng 9/2022 và tháng 11/2022: 02 Thành viên HĐQT tham gia chương trình đào tạo Chứng nhận Thành viên HĐQT DCP14 và DCP15.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Nguyễn Đức Kện	Trưởng ban KS	Cử nhân tài chính – ngân hàng	0%
2	Trần Thị Phượng	Kiểm soát viên	Thạc sĩ QTKD, chứng chỉ Kế toán viên	0%
3	Phạm Thanh Sơn	Kiểm soát viên	Thạc sĩ QTKD	0%

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nội dung theo kế hoạch hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt; chấp hành các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, các chỉ đạo của cổ đông lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quy chế quản lý người đại diện và Quy chế quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác; luôn sẵn sàng thực hiện công tác kiểm tra và báo cáo giải trình về những vấn đề khi được cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, toàn bộ các thành viên Ban Kiểm soát đều tham dự, có báo cáo đầy đủ các nội dung theo quy định và luôn có các nhận xét, đánh giá và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông nhằm không ngừng hoàn thiện công tác quản trị và kiểm tra, giám sát tại Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp trong năm 2022, đồng thời thường xuyên trao đổi nội bộ để thống nhất nội dung các báo cáo giám sát định kỳ/đột xuất. Các cuộc họp cụ thể như sau:

TT	Thời gian	TV tham dự	Nội dung	Kết quả
1	14/11/2022	3/3	Xem xét và cho ý kiến về bản dự thảo "Báo cáo kết quả thực hiện năm 2022, kế hoạch hoạt động năm 2023 và việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được PVN giao của Ban Kiểm soát".	3/3 thành viên đồng ý
2	22/11/2022	3/3	Xem xét và cho ý kiến về bản dự thảo "Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2022 Công ty mẹ và hợp nhất PVOIL" trình Tập đoàn DKVN.	3/3 thành viên đồng ý thống nhất

❖ ***Tóm tắt kết quả giám sát trong năm 2022***

Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong năm, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của diễn biến giá dầu bất lợi trong 6 tháng cuối năm nhưng Tổng công ty đã nỗ lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh để có được kết quả như báo cáo của Ban điều hành tại phần III của báo cáo này.

Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp: được đặc biệt chú trọng, đẩy mạnh phù hợp với định hướng được ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua.

Công tác quản trị: Tổng công ty đã ban hành và cập nhật thường xuyên hệ thống quy chế, quy định phục vụ quản lý điều hành và phù hợp với quy định về quản trị công ty cổ phần đại chúng.

Công tác tài chính kế toán: Báo cáo tài chính phản ánh hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tổng công ty lập và nộp báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước; thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban kiểm tra chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.

Kết quả giám sát đối với HĐQT: HĐQT đã triển khai thực hiện các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty được thường xuyên, liên tục. Trong năm 2022, HĐQT đã tiến hành nhiều cuộc họp trong đó có 06 cuộc họp được ghi Biên bản, ban hành 90 nghị quyết để quản lý/chỉ đạo các hoạt động của Tổng công ty trên tất cả các lĩnh vực: bao gồm 33 Nghị quyết về công tác Tổ chức - Nhân sự - Lao động- Tiền lương; 34 nghị quyết Chỉ đạo các cuộc họp HĐTV/HĐQT/ĐHĐCĐ thường niên/bất thường; 12 nghị quyết liên quan đến Sản xuất kinh doanh – Đầu tư; 09 nghị quyết liên quan đến Đầu tư vốn - Thoái vốn – Tái cấu trúc; 02 nghị quyết liên quan đến công tác Tài chính.

HĐQT đã triển khai thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty; kịp thời chỉ đạo và theo dõi, giám sát Ban Điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị.

HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm, tổ chức các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản để ra các quyết định. HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp làm rõ các kiến nghị của Ban Điều hành để ra các nghị quyết, quyết định phù hợp. HĐQT thường xuyên hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc: Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các Ban/đơn vị trực thuộc và công ty thành viên của PVOIL triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT Tổng công ty đề ra; tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi được HĐQT phân cấp theo đúng Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

Tổng giám đốc đã tích cực tìm các giải pháp tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng công ty và tại mỗi đơn vị; Chú trọng đẩy mạnh công tác tìm kiếm các cơ hội để hợp tác kinh doanh; Hợp tác chế biến xăng nền Ron 91 từ Condensate với PVGas đã đem lại hiệu quả.

Tổng giám đốc chú trọng đẩy mạnh công tác tìm kiếm các cơ hội để hợp tác kinh doanh và tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư cửa hàng xăng dầu để phát triển mở rộng hệ thống bán lẻ; Triển khai hợp tác kinh doanh phát triển hệ thống trạm sạc pin cho các loại xe điện với Vinfast tại các CHXD của PVOIL/ĐVTV PVOIL; Tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa, chuyển đổi số và ERP vào lĩnh vực kinh doanh.

Tổng giám đốc đã tích cực chỉ đạo rà soát và báo cáo HĐQT xử lý đối với các dự án đầu tư tồn đọng, tích cực triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu, sắp xếp tổ chức các đơn vị thành viên giai đoạn 2020-2025 được cấp có thẩm quyền chấp thuận. Năm 2022 đã hoàn thành việc mua lại cổ phần của các cổ đông và chuyển đổi PVOIL Trans, PVOIL Bạc Liêu, PVOIL Trà Vinh thành Công ty TNHH MTV. Tích cực triển khai công tác thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp theo đề án tái cơ cấu và trong năm 2022 đã thực hiện thoái xong toàn bộ vốn tại Công ty CP vận tải dầu khí Đông Dương (PVTrans-PTT).

Tổng giám đốc đã thường xuyên hỗ trợ, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình.

Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban điều hành: Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan và cử nhân sự hỗ trợ Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp quan trọng của HĐQT/Ban điều hành, bên cạnh đó HĐQT/Ban điều hành cũng thường xuyên trao đổi với Ban kiểm soát để tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác điều hành và có các giải pháp xử lý một cách cẩn trọng, hợp lý, hợp pháp cho Tổng công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát năm 2022

3.1. Lương, phụ cấp đặc thù công việc, thù lao của HĐQT, Ban điều hành và BKS

a) *Tiền lương, phụ cấp đặc thù công việc:*

ĐVT: triệu đồng

TT	Chức danh	Số người BQ		Tiền lương, phụ cấp		% TH/KH	Ghi chú
		KH	TH	KH	TH		
1	HĐQT chuyên trách (gồm TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc)	6	6	6.183	7.420	120%	
2	Ban kiểm soát (chuyên trách)	3	3	2.620	3.144	120%	
3	Ban điều hành (các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng)		6		6.932		
	Tổng cộng		15		17.496		

b) Thù lao của HĐQT không chuyên trách:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Thù lao 01 tháng	Quỹ thù lao thực hiện 2022	Quỹ thù lao Kế hoạch 2023
1	Thành viên HĐQT	01	15	180	180

(Chi tiết xin xem Báo cáo tài chính năm 2022 của công ty mẹ Tổng công ty)

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

- Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa Tổng công ty với Người nội bộ: Không phát sinh
- Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa Tổng công ty với Người có liên quan đến người nội bộ: Trong năm PVOIL có phát sinh giao dịch với (i) một số công ty mà Người nội bộ của PVOIL nắm giữ/kiêm nhiệm các các chức danh quản lý và (ii) với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và Chi nhánh/đơn vị trực thuộc/các công ty con của PVN – là bên có liên quan của các thành viên HĐQT đại diện vốn của PVN tại PVOIL. Chi tiết xin xem Phụ lục 02 - Báo cáo tình hình quản trị năm 2022 và Thuyết minh số 36 - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của PVOIL.
- Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa các công ty con, các công ty mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với Người nội bộ: không phát sinh.
- Giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm giữa các công ty con, các công ty mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát với những Người có liên quan đến Người nội bộ: Trong năm 2022 một số công ty con của PVOIL có phát sinh giao dịch với các công ty mà Người nội bộ của PVOIL giữ/kiêm nhiệm các các chức danh quản lý. Chi tiết xin xem Phụ lục 03 – Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2022.

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng, cụ thể:

- Tổ chức họp đại hội cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được đảm bảo về nhân sự, hoạt động đúng chức trách nhiệm vụ quy định.
- Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường

đối với công ty đại chúng.

- HĐQT ban hành đầy đủ và cập nhật thường xuyên các quy chế, quy định phục vụ quản trị Tổng công ty.
- Thực hiện đầy đủ và đúng hạn Báo cáo thường niên và Báo cáo quản trị áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

PHẦN III
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Bối cảnh chung

Năm 2022 là năm dị biệt đối với thị trường dầu mỏ thế giới và trong nước, với những thuận lợi, khó khăn đan xen và chưa từng có tiền lệ.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, giá dầu thế giới tăng vọt do nhu cầu phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19, trong khi nguồn cung bị thắt chặt do năng lực sản xuất của các thành viên OPEC+ chưa kịp phục hồi. Chiến sự giữa Nga-Ukraine cùng với việc Trung Quốc tiếp tục đóng cửa vì mục tiêu "Zero Covid" đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng trên toàn cầu, càng làm cho tình trạng khan hiếm dầu trên thị trường thêm trầm trọng; chênh lệch giữa giá dầu thô so với giá sản phẩm dầu tăng cao đột biến và chưa có trong tiền lệ. Giá dầu trung bình 6 tháng đầu năm đạt 107,6 USD/thùng, tăng 65% so với cùng kỳ, kéo theo giá các mặt hàng xăng dầu cũng tăng mạnh từ 64% - 97% so với cùng kỳ.

Từ đầu quý 3, giá dầu thế giới liên tục giảm do OPEC+ đồng ý tăng sản lượng để kìm hãm giá, triển vọng tăng trưởng của các nền kinh tế lớn suy yếu dần kèm theo bóng ma lạm phát bao trùm khiến các ngân hàng trung ương đồng loạt tăng lãi suất và việc Trung Quốc tiếp tục thực thi chính sách "Zero Covid" khiến nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh. Giá dầu chỉ phục hồi nhẹ vào giữa tháng 10/2022 khi OPEC+ cắt giảm sản lượng rồi tiếp tục xu hướng giảm.

Bình quân năm 2022, giá dầu thô Dtd. Brent ở mức 101,19 USD/thùng, tăng 68,6% so với giá dầu xây dựng KH (60USD/thùng) và bằng 143% so với bình quân năm 2021 (70,73 USD/thùng)

Trong nước, nhờ kiểm soát tốt dịch Covid-19 sau các chiến dịch tiêm chủng quy mô lớn, các hoạt động sản xuất giao thương phục hồi mạnh mẽ, kéo theo sự phục hồi về nhu cầu tiêu thụ xăng dầu. Tuy vậy, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với muôn vàn khó khăn, lạm phát tăng vọt kéo theo sự điều chỉnh lãi suất liên tục với biên độ lớn, nhiều nền kinh tế lớn tại châu Âu và Mỹ đứng trước nguy cơ suy thoái, ảnh hưởng đến mọi mặt hoạt động của nền kinh tế. Tăng trưởng GDP đạt 8,02%, lạm phát được kiểm soát ở mức 3,15% trong năm 2022. Tuy nhiên, nền kinh tế đang đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức.

Đối với hoạt động KDXD, Chính phủ tiếp tục điều hành theo các Nghị định 83/2014/NĐ-CP và Nghị định số 95/2021/NĐ-CP. Kể từ ngày 01/01/2022, chu kỳ điều hành giá giảm xuống còn 10 ngày (thay vì 15 ngày) và áp dụng công thức giá cơ sở theo quy định mới. Trong 6 tháng đầu năm, giá xăng dầu liên tục tăng và lập đỉnh, Chính phủ đã có 2 lần điều chỉnh giảm thuế Bảo vệ môi trường từ 500 đến 1.000 đồng/lít, áp dụng cho đến hết 31/12/2022. Giá các mặt hàng xăng dầu bình quân năm 2022 tăng từ 42% đến 72% so với bình quân năm 2021.

Diễn biến giá dầu thế giới và điều hành giá bán lẻ của Nhà nước trong năm 2022 như sau:

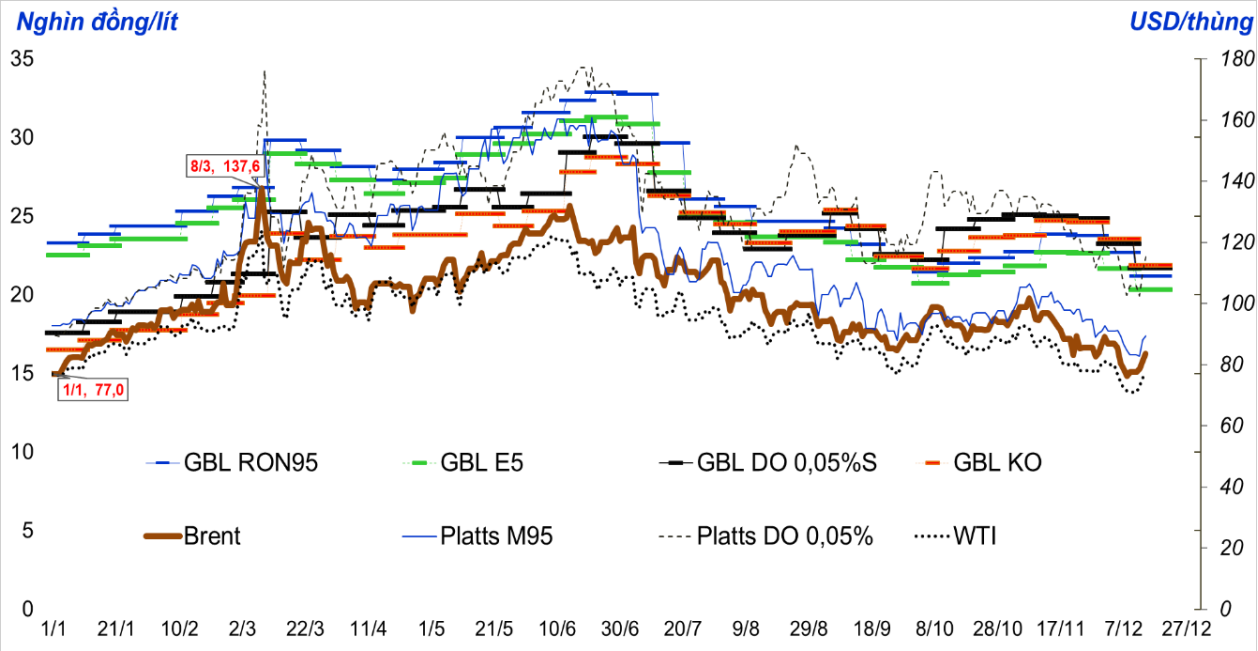

Trong bối cảnh thị trường đầy thách thức, PVOIL đã quán triệt và triển khai quyết liệt trong toàn hệ thống các nhiệm vụ trọng tâm của năm, cụ thể: *1) Tích cực và chủ động phòng chống dịch bệnh Covid-19; 2) Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2022 trên cơ sở phát huy tối đa chuỗi liên kết sản xuất, vận chuyển phân phối dầu thô và các sản phẩm xăng dầu với các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, gia tăng sản lượng kinh doanh trên cả 3 kênh phân phối; 3) Chú trọng triển khai công tác chuyển đổi số; 4) Tiếp tục triển khai quyết liệt công tác tái cấu trúc doanh nghiệp; 5) Chủ động thích ứng với quá trình chuyển dịch năng lượng.*

Trong giai đoạn tháng 9 đến tháng 11 năm 2022, nguồn cung trên thị trường đặc biệt khan hiếm, chi phí nhập khẩu tăng cao, kinh doanh thua lỗ, nhiều cửa hàng xăng dầu tư nhân hoạt động cầm chừng, hạn chế bán hàng, thậm chí dừng hoạt động làm ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng, đi lại của người dân. Với trách nhiệm là Thương nhân đầu mối lớn của Nhà nước, PVOIL đã chủ động triển khai đồng bộ nhiều giải pháp đảm bảo nguồn hàng nhằm đáp ứng nhu cầu tăng cao đột biến trong hệ thống phân phối của mình, góp phần bình ổn thị trường và đảm bảo an ninh năng lượng theo chỉ đạo của Chính phủ.

Nhờ ứng phó tốt với những biến động của giá dầu và nguồn cung trên thị trường, triển khai quyết liệt, đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp, PVOIL đã gia tăng được sản lượng và tối đa hiệu quả kinh doanh trong 6 tháng đầu năm, đồng thời kiểm soát và hạn chế tối thiểu thiệt hại trong 6 tháng cuối năm, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 được ĐHĐCĐ giao.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

2.1. Các chỉ tiêu sản lượng

Kết quả cụ thể từng lĩnh vực như sau:

TT	Chỉ tiêu	TH 2021	Năm 2022		So sánh (%)	
			KH	TH	Cùng kỳ	KH
1	Sản lượng xuất khẩu/ bán dầu thô và nhập khẩu dầu thô cho NMLD Dung Quất	9.698	10.334	10.404	107%	101%
	- Xuất/bán (gồm bán cho BSR)	*8.987*	*7.912*	8.642	96%	109%
	- Nhập khẩu dầu thô cho BSR	*711*	*2.422*	1.762	248%	73%
2	Sản xuất xăng dầu, DMN	503	484	601	119%	124%
	Trong đó: xăng E5	*501*	*480*	*598*	119%	125%
3	Kinh doanh xăng dầu	3.154	3.150	4.048	128%	129%
	Tỷ trọng bán lẻ	*25,1%*	*28,9%*	*26,1%*		

2.1.1 Xuất nhập khẩu dầu thô

PVOIL đã xuất bán an toàn, hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các chủ mỏ khác khai thác trên thềm lục địa Việt Nam với sản lượng đạt 8,64 triệu tấn, hoàn thành 109% kế hoạch năm và giảm 4% so với cùng kỳ.

PVOIL cũng đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời toàn bộ dầu thô nguyên liệu cho NMLD Dung Quất với tổng sản lượng 7,5 triệu tấn. Trong đó, cung cấp từ nguồn nội địa 5,8 triệu tấn và từ nguồn nhập khẩu 1,7 triệu tấn. Trong năm, Nhà máy tăng cường sử dụng dầu thô nội địa nên sản lượng nhập khẩu giảm so với kế hoạch.

2.1.2 Sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn

Sản lượng sản xuất trong năm đạt 601 nghìn m^3/tấn, hoàn thành 124% kế hoạch và tăng 19% so với cùng kỳ, chủ yếu là xăng sinh học E5 RON92. Trong năm, PVOIL đã tiếp nhận toàn bộ lượng condensate theo Hợp đồng Liên danh với PV Gas để sản xuất xăng nền pha chế E5, giúp gia tăng sản lượng, bổ sung thêm nguồn cung trong những thời điểm thị trường khan hiếm và góp phần đáng kể vào lợi nhuận của năm.

2.1.3 Kinh doanh xăng dầu

Trong bối cảnh thị trường diễn biến phức tạp, nhờ áp dụng đồng bộ các giải pháp kinh doanh, tận dụng tối đa các cơ hội thị trường, phát huy tốt chuỗi liên kết nguyên liệu – sản xuất – tồn chứa, phân phối trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu với các đơn vị trong ngành, sản lượng kinh doanh xăng dầu năm 2022 của PVOIL đạt mức tăng trưởng ấn tượng.

Sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống đạt 4.048 nghìn m3/tấn, hoàn thành 129% kế hoạch năm và tăng trưởng 28% so với năm trước, trong đó sản lượng kênh bán lẻ tăng 32% so với cùng kỳ và hoàn thành 114% kế hoạch năm.

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ĐVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2021	Năm 2022		So sánh (%)	
			KH	TH	Cùng kỳ	KH
I	**Hợp nhất**					
1	Tổng doanh thu	58.299	45.000	104.833	180%	233%
2	Lợi nhuận trước thuế	928	500	912	98%	182%
3	Lợi nhuận sau thuế	773	400	723	94%	181%

TT	Chỉ tiêu	TH 2021	Năm 2022		So sánh (%)	
			KH	TH	Cùng kỳ	KH
4	Nộp NSNN	8.641	8.480	6.706	78%	79%
II	**Công ty mẹ**					
1	Doanh thu	33.391	27.000	73.742	221%	273%
2	Lợi nhuận trước thuế	698	400	657	94%	164%
3	Lợi nhuận sau thuế	569	320	555	98%	173%

Tổng doanh thu hợp nhất cả năm đạt 104.833 tỷ đồng, hoàn thành 233% kế hoạch và tăng trưởng 80% so với cùng kỳ. Doanh thu của PVOIL đến từ hai lĩnh vực chính là KDXD (chiếm 67%) và kinh doanh dầu thô quốc tế (chiếm 33%). PVOIL lập kỷ lục về doanh thu trong năm 2022 nhờ gia tăng mạnh về sản lượng tiêu thụ, đồng thời với giá xăng dầu, dầu thô đều tăng cao so với kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 912 tỷ đồng, gấp 1,8 lần kế hoạch giao; Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ đạt 657 tỷ đồng, gấp 1,6 lần kế hoạch giao.

Nộp NSNN hợp nhất cả năm (không bao gồm số liệu nộp ngân sách của các đơn vị tại nước ngoài cho chính phủ nước sở tại) đạt 6.706 tỷ đồng, hoàn thành 79% kế hoạch năm và bằng 78% so với cùng kỳ (do Nhà nước giảm thuế bảo vệ môi trường).

Trong bối cảnh thị trường diễn biến phức tạp, nhiều khó khăn, thách thức, PVOIL đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 ĐHĐCĐ giao, trong đó các chỉ tiêu quan trọng gồm sản lượng kinh doanh xăng dầu, doanh thu, lợi nhuận đều hoàn thành vượt mức rất xa kế hoạch năm và xác lập các mốc kỷ lục mới. Có được các kết quả trên là do PVOIL đã ứng phó tốt với những biến động về giá dầu và nguồn cung trên thị trường, áp dụng đồng bộ các giải pháp kinh doanh, tận dụng tối đa các cơ hội thị trường, phát huy tốt chuỗi liên kết nguyên liệu – sản xuất – tồn chứa, phân phối trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu với các đơn vị trong ngành.

3. Tổ chức và nhân sự

3.1. Ban điều hành Tổng công ty

Xin xem mục 6.2 phần I của báo cáo này

3.2. Những thay đổi trong năm của Ban điều hành

Trong năm 2022 PVOIL không có thay đổi về nhân sự Ban điều hành.

3.3. Báo cáo về lao động và chính sách đối với người lao động

3.3.1. Lao động, tiền lương

Tổng số CBNV toàn Tổng công ty tính đến ngày 31/12/2022 là **6.015** người.

Cơ cấu nguồn nhân lực của PVOIL như sau:

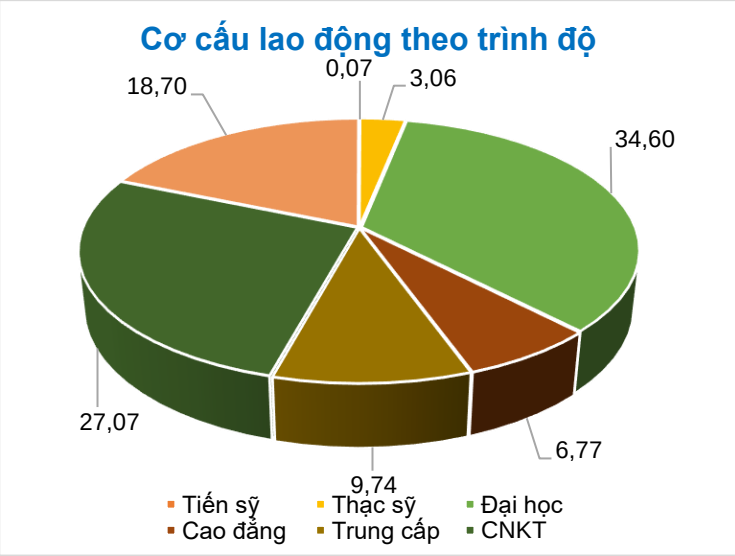

Với đặc thù kinh doanh của PVOIL, phần lớn lực lượng lao động làm việc trực tiếp tại các Kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu nên tỷ lệ lao động nữ thấp, chiếm khoảng 1/4 tổng số lao động toàn Tổng Công ty.

Năm 2022 là năm có nhiều biến động của thị trường xăng dầu, PVOIL đã phải căng mình để đảm bảo cung cấp đầy đủ lượng hàng cho toàn hệ thống trong giai đoạn thị trường khan hiếm xăng dầu, vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn hiệu quả, vừa thực hiện nhiệm vụ chính trị là ổn định thị trường xăng dầu. Trong bối cảnh khó khăn đó, tập thể Lãnh đạo và toàn thể Người lao động PVOIL luôn phát huy tinh thần đoàn kết, chung sức, chung lòng, quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giao. Nhờ sự nỗ lực và với kết quả ấn tượng, đời sống, thu nhập của Người lao động PVOIL năm 2022 tăng đáng kể. Thu nhập bình quân toàn Tổng Công ty đạt 17,73 triệu đồng/người/tháng, tăng hơn 20% so với năm 2021.

3.3.2. Chính sách đối với Người lao động

Chính sách lao động tiền lương

PVOIL thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung các quy chế, quy định liên quan đến công tác lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng… đảm bảo phù hợp các quy định của Nhà nước, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và đặc thù của PVOIL.

- Đảm bảo được việc làm cho Người lao động, bố trí công việc phù hợp với chuyên môn, khả năng của Người lao động; không có lao động phải ngừng việc hoặc mất việc làm;
- Về cơ bản chính sách tiền lương hiện tại Tổng Công ty đảm bảo được trả theo chức danh công việc đảm nhiệm, năng lực của mỗi CBNV, có tính cạnh tranh và công bằng;
- Các loại phụ cấp được áp dụng phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc và đặc thù công việc của từng vị trí;
- Hàng năm, Công ty mẹ và một số đơn vị thành viên đã triển khai giao mục tiêu và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPIs) cho CBNV nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm và hiệu quả công việc của từng cá nhân/bộ phận từ đó đề ra kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ CBNV cũng như tránh được việc cào bằng trong trả lương, trả thưởng từ đó góp phần khuyến khích việc nâng cao năng suất, chất lượng/hiệu quả trong công việc;
- Tổng công ty luôn nỗ lực triển khai các chính sách về nhân sự, tiền lương nhằm đảm bảo ổn định thu nhập, tạo động lực cho người lao động tiếp tục phấn đấu, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển PVOIL, gồm:

- Chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe: thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước; Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ trả sau...; Khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBNV, lao động nữ; tầm soát các bệnh ung thư thường gặp... tại các trung tâm sức khỏe có chất lượng và uy tín.
- Tổ chức đối thoại định kỳ để lắng nghe, giải đáp ý kiến của Người lao động cũng như là một kênh để công khai, thông báo, phổ biến đến Người lao động về tình hình SXKD, các quy chế, quy định, nội quy của Tổng công ty, việc trích lập các quỹ.
- Các chính sách phúc lợi khác: tổ chức tham quan, nghỉ mát kết hợp teambuilding; tổ chức các hoạt động phong trào (văn nghệ, thể thao,..) nhân dịp kỷ niệm các ngày Lễ trong năm nhằm gắn kết và nâng cao sức khỏe tinh thần cho đội ngũ CBNV.

PVOIL tổ chức giải bóng đá cho CBCNV và dã ngoại mùa hè cho con em CBCNV

Chính sách đào tạo:

Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của PVOIL gắn liền với định hướng trong công tác đào tạo năm 2022 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong đó chú trọng đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo/quản lý cho cán bộ cấp trung; thực hiện chuyển đổi số và đào tạo theo định hướng phát triển chuyên môn nghiệp vụ cần thiết để nâng cao hiệu quả công việc.

Hình thức đào tạo đa dạng phù hợp với yêu câù của từng khóa học và tối ưu chi phí như: đào tạo inhouse, đào tạo public, đào tạo nội bộ và e-learning.

Trong năm 2022, PVOIL triển khai đào tạo được 15.396 lượt người với chi phí gần 14 tỷ đồng.

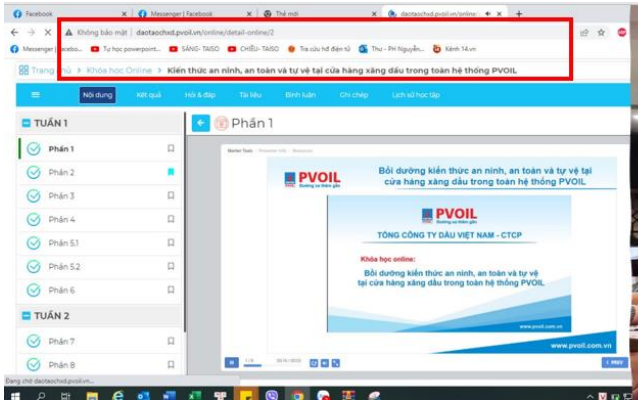

Đào tạo e-learning "Kiến thức an ninh, an toàn và tự vệ tại cửa hàng xăng dầu trong toàn hệ thống PVOIL"

Khóa đào tạo kiểm toán nội bộ

4. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

PVOIL tiếp tục kiên định đẩy mạnh việc triển khai phát triển CHXD, các dự án chuyển tiếp và các dự án để nâng cao công tác quản trị, năng lực cạnh tranh thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin; nâng cao chất lượng dịch vụ tại các tổng kho, CHXD.

Trong năm, PVOIL đã phát triển mới được 54 CHXD, hoàn thành 108% kế hoạch năm. Tổng giá trị giải ngân toàn hệ thống là 331 tỷ đồng, đạt 61% kế hoạch năm.

Chi tiết thực hiện đầu tư như sau:

TT	Hạng mục đầu tư	KH 2022	TH 2022	% TH/KH
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng	131	46	35%
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD	217	181	83%
3	Mua sắm khác	192	104	54%
	TỔNG CỘNG	**540**	**331**	**61%**
	Trong đó: - Công ty mẹ	*303*	*151*	*50%*
	- Công ty con	*245*	*180*	*73%*
	Đầu tư từ nguồn vốn CSH	*447*	*285*	64%

5. Công tác tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp

Công tác tái cấu trúc, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị thành viên KDXD nhằm tối ưu hoạt động và hiệu quả doanh nghiệp tiếp tục được thúc đẩy trong năm 2022 với các hoạt động cụ thể như sau:

- Hoàn thành chuyển đổi PVOIL Trans, PVOIL Bạc Liêu và PVOIL Trà Vinh thành Công ty TNHH MTV; các Đơn vị sau chuyển đổi đã đi vào hoạt động ổn định. Xây dựng và phê duyệt phương án chuyển đổi PVOIL Thanh Hóa thành Công ty TNHH MTV và đang triển khai thực hiện (dự kiến hoàn thành trong Quý 1/2023).
- Tiếp tục triển khai phương án sáp nhập các đơn vị: PVOIL Tây Ninh – PVOIL Sài Gòn và PVOIL Thái Bình – PVOIL Hải Phòng;
- Thuê tư vấn xây dựng phương án tái cấu trúc hoạt động dài hạn đối với 02 công ty tại Lào (PVOIL Lào và PVOIL Lào Trading)

- Tiếp tục thúc đẩy công tác thoái vốn tại các công ty liên kết ngoài lĩnh vực kinh doanh chính; hoàn thành thoái vốn tại công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (PVTrans-PTT).
- Các Dự án Nhiên liệu sinh học (NLSH): Tiếp tục phối hợp với các cổ đông của BSR-BF, OBF và PVB triển khai phương án xử lý đối với các dự án nhiên liệu sinh học theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền và tuân thủ trình tự, quy định của pháp luật; Đồng thời, liên tục cập nhật thông tin về các dự án và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu.
- Công tác quyết toán cổ phần hóa: Tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước để xử lý các vướng mắc liên quan đến (i) quyết toán cổ phần hóa PETEC và (ii) sắp xếp, xử lý đất đai theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

6. Tình hình tài chính

6.1. Tình hình tài chính (hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2021 (tỷ đồng)	Năm 2022 (tỷ đồng)	So sánh (%)
1	Tổng giá trị tài sản	27.197,6	28.810,2	106%
2	Doanh thu thuần	57.836,0	104.213,8	180%
3	Lợi nhuận từ hđ kinh doanh	899,0	895,2	100%
4	Lợi nhuận khác	28,8	17,0	59%
5	Lợi nhuận trước thuế	927,8	912,2	98%
6	Lợi nhuận sau thuế	772,9	723,2	94%

TT	Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2021 (tỷ đồng)	Năm 2022 (tỷ đồng)	So sánh (%)
1	Lợi nhuận trước thuế	927,8	912,2	98%
2	Chi phí khấu hao	346,5	336,2	97%
3	Chi phí lãi vay	144,6	179,7	124%
	EBITDA	**1.418,9**	**1.428,1**	**101%**

6.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,37	1,35
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,21	1,18
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,59	0,61
	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,43	1,54
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	24,81	36,29
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,13	3,62
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	1,3%	0,7%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7,1%	6,4%
	Hệ số LNST/Tổng tài sản BQ (ROA)	%	3,1%	2,6%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,6%	0,9%

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phiếu PVOIL được đăng ký giao dịch tại Sàn Upcom – Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 07/3/2018 với thông tin chi tiết như sau:

- Mã chứng khoán: OIL
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Room tối đa cho khối ngoại: 6,621%
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.034.229.500 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 201.425.936 cổ phiếu

7.1. Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VĐL
I	**Cổ đông trong nước**				
	Tổ chức	**12**	884.323.168	8.843.231.680.000	85,51%
	Cá nhân	**12.641**	86.773.265	867.732.650.000	8,39%
II	**Cổ đông nước ngoài**				
	Tổ chức	**6**	58.327.284	583.272.840.000	5,64%
	Cá nhân	**71**	4.805.783	48.057.830.000	0,46%
III	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	0	0	0%
	Tổng cộng	**12.730**	**1.034.229.500**	**10.342.295.000.000**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 28/3/2023

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổng công ty đến 31/12/2022:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VĐL
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	01	832.803.564	8.328.035.640.000	80,52%
2	SK Energy Co.Ltd.	01	54.121.507	541.215.070.000	5,23%

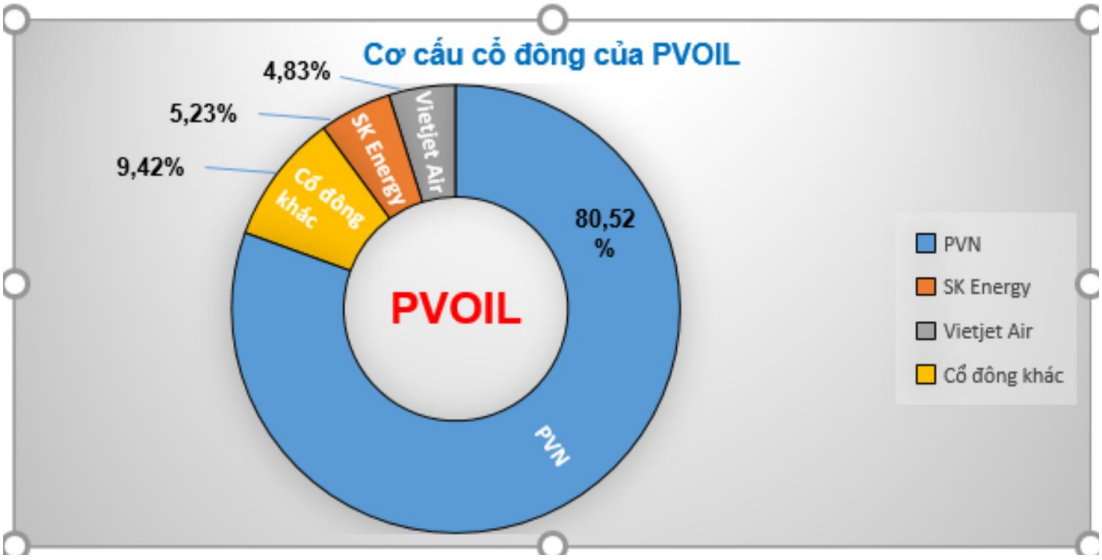

7.2. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

7.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

7.4. Các chứng khoán khác: không có

PHẦN IV
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động SKXD của Tổng công ty

Trải qua một năm dị biệt của thị trường dầu mỏ thế giới và trong nước, PVOIL đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, kế hoạch được ĐHĐCĐ giao trong mọi lĩnh vực, cụ thể:

- ***Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tài chính,* đặc biệt là chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.**
- ***Ủy thác XNK dầu thô :*** Xuất bán an toàn và hiệu quả toàn bộ lượng dầu thô và condensate được giao; cung cấp đầy đủ, kịp thời dầu thô cho vận hành NMLD Dung Quất.
- ***Kinh doanh phân phối xăng dầu :*** Gia tăng sản lượng kinh doanh xăng dầu ấn tượng trong năm 2022 ở tất cả các kênh phân phối, đồng thời với việc gia tăng hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh thị trường trong nước và thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, nguồn cung khan hiếm.
- ***Thực hiện tốt và có hiệu quả các chuỗi liên kết nguyên liệu – sản xuất – tồn chứa,*** phân phối trong lĩnh vực dầu thô và sản phẩm dầu với các đơn vị trong ngành. Phối hợp chặt chẽ và hiệu quả với các nhà máy lọc dầu trong nước trong công tác đảm bảo nguồn và cung ứng xăng dầu, đặc biệt trong những thời điểm thị trường khan hiếm.
- ***Hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu phát triển CHXD với 54 cửa hàng phát triển mới.***
- ***Công tác tái cấu trúc, sắp xếp lại hệ thống KDXD*** tiếp tục được đẩy mạnh và đạt kết quả khả quan.
- ***Công tác nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực quản trị, quảng bá thương hiệu,*** ứng dụng CNTT và chuyển đổi số được chú trọng triển khai và đạt hiệu quả, giúp nâng cao vị thế và giá trị thương hiệu PVOIL, tạo nền tảng vững chắc cho các mục tiêu phát triển dài hạn.

Lễ vinh danh tập thể, cá nhân xuất sắc năm 2022

2. Những tiến bộ đạt được trong năm

Để tồn tại và vươn lên phát triển bền vững trong một thị trường cạnh tranh khốc liệt và đầy bất ổn, nội tại doanh nghiệp còn nhiều khó khăn đòi hỏi Ban lãnh đạo PVOIL phải thực sự linh hoạt trong quản lý điều hành để có các đối sách phù hợp, đồng thời phải không ngừng tìm tòi đổi mới sáng tạo để tìm kiếm cơ hội phát triển, khẳng định vị thế. Dấu ấn của PVOIL trong những năm qua tiếp tục được phát huy hiệu quả trong năm 2022 là thành tựu trong việc đa dạng hóa, hiện đại hóa trong hoạt động kinh doanh và liên tục cải thiện vị thế, uy tín thương hiệu trên thị trường.

2.1. Nắm bắt thời cơ, đẩy mạnh phát triển CHXD dưới nhiều hình thức

Trong chiến lược phát triển của mình, PVOIL luôn kiên định với định hướng phát triển mở rộng hệ thống CHXD bán lẻ, đẩy mạnh sản lượng bán hàng vào các kênh tiêu thụ trực tiếp (bán lẻ, bán khách hàng công nghiệp) nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động và tính ổn định, bền vững của hệ thống phân phối.

PVOIL đã thực hiện rất tốt công tác phát triển CHXD trong giai đoạn 2014 về trước. Chỉ trong một thời gian ngắn, số lượng cửa hàng đã tăng gần 5 lần, tỷ trọng bán lẻ được cải thiện vượt bực - từ 2% lên gần 18% vào cuối năm 2015. Tuy nhiên, kể từ khi Nghị định 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu ra đời và có hiệu lực từ ngày 01/11/2014, thị trường KDXD trong nước mở ra cho nhiều thành phần tham gia, số lượng thương nhân đầu mối và thương nhân phân phối là tư nhân tăng mạnh, cạnh tranh ngày càng khốc liệt và cơ hội để phát triển hệ thống KDXD, bao gồm hệ thống bán lẻ trở nên vô cùng khó khăn.

Sau 02 năm đại dịch Covid-19 hoành hành, qua năm 2022 hoạt động KDXD bị kiểm soát chặt chẽ, tín dụng tiếp tục bị siết chặt, lãi suất tăng cao…, khiến cho nhiều doanh nghiệp tư nhân KDXD gặp khó khăn, buộc phải sang nhượng/cho thuê dài hạn cửa hàng. PVOIL đã nắm bắt cơ hội và đẩy mạnh công tác phát triển CHXD trong năm với 54 CHXD, tăng gấp hơn 2 lần so với số lượng phát triển bình quân năm giai đoạn 2015-2021 và sẽ tiếp tục đẩy mạnh phát triển CHXD trong thời gian tới.

Hình ảnh một số CHXD khai trương trong năm 2022

2.2. Triển khai hợp đồng lắp đặt trạm sạc pin xe điện tại CHXD

Để thích ứng với xu thế chuyển dịch năng lượng, PVOIL đã đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tranh thủ cơ hội cũng như hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của quá trình chuyển dịch năng lượng trên cơ sở tận dụng tối đa những lợi thế sẵn có về thị phần cũng như

hạ tầng phân phối xăng dầu, góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận thông qua các dịch vụ phi xăng dầu (non-oil) tại CHXD.

PVOIL đã ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh trạm sạc Vinfast tại các CHXD của PVOIL. Vào ngày 04/07/2022, Vinfast đã chính thức khánh thành và đưa vào hoạt động trạm sạc xe điện đầu tiên tại cửa hàng xăng dầu PVOIL tại huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, mở đầu cho chuỗi gần 300 trạm sạc xe điện VinFast được lắp đặt tại các cửa hàng xăng dầu PVOIL trên toàn quốc trong năm 2022.

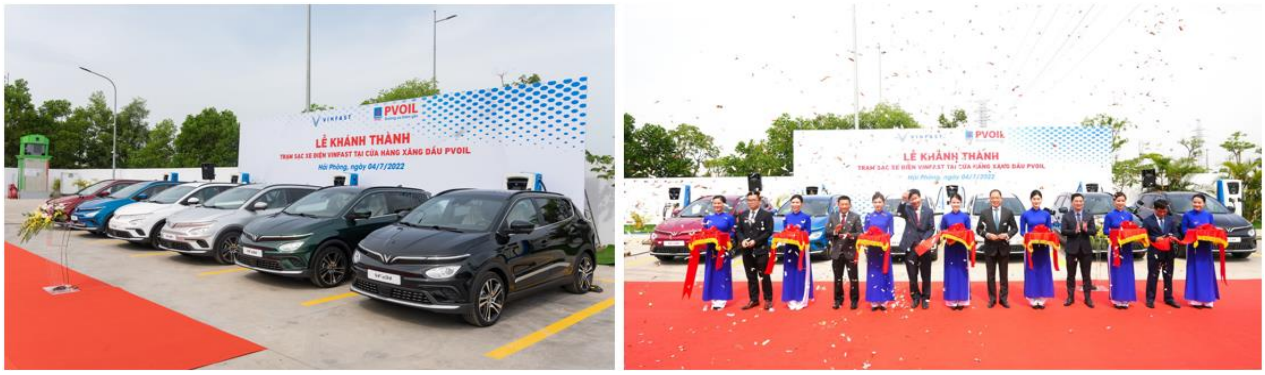

Lễ khánh thành trạm sạc xe điện đầu tiên tại CHXD PVOIL Hải Phòng

Đến cuối năm 2022, Vinfast đã khảo sát thống nhất sơ bộ mặt bằng lắp đặt trạm sạc xe điện tại 286 CHXD với gần 1.700 trụ sạc, đã triển khai thi công lắp đặt tại 256 CHXH và hoàn thành, bàn giao cho PVOIL quản lý 112 trạm sạc với 675 trụ sạc. Tính đến tháng 3/2023, Vinfast đã triển khai lắp đặt tại 267 CHXD, hoàn thành và bàn giao 147 trạm sạc với 875 trụ sạc. Theo hợp đồng thì PVOIL được thu phí kể từ thời điểm Vinfast hoàn thành, bàn giao trạm sạc.

2.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số

Tổng công ty đang tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT, tự động hóa và chuyển đổi số một cách toàn diện vào tất cả các lĩnh vực SXKD với mục tiêu chính là gia tăng hiệu quả vận hành, nâng cao trải nghiệm, làm hài lòng khách hàng và tạo được lợi thế cạnh tranh cho PVOIL trên thị trường với các hoạt động tiêu biểu trong năm như sau:

- Mở rộng ứng dụng chữ ký điện tử trong toàn hệ thống PVOIL (vận hành chính thức trên toàn hệ thống từ ngày 15/06/2022).
- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp và bổ sung tính năng PVOIL B2B để khai thác hiệu quả hơn phần mềm phục vụ khách hàng bán buôn và khách hàng công nghiệp.
- Nghiên cứu, xây dựng phương án triển khai ERP giai đoạn 2021-2025; giải pháp hiện đại hóa trụ bơm cửa hàng xăng dầu; ứng dụng phục vụ bán hàng cho khách hàng cá nhân (PVOIL 4U).

PVOIL B2B dành cho khách hàng bán buôn

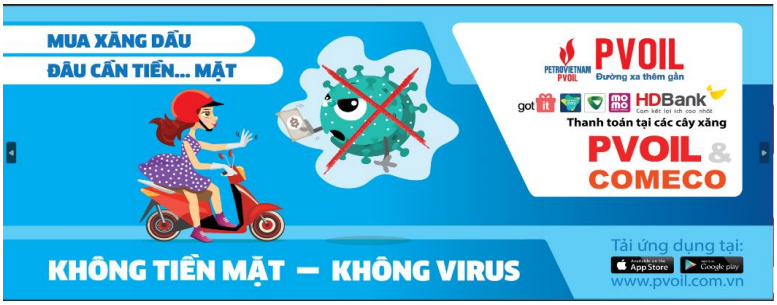

PVOIL Easy tích hợp các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt

2.4. Nâng tầm uy tín thương hiệu PVOIL

Trong những thời điểm nguồn hàng khan hiếm (vào nửa cuối năm 2022), nhiều doanh nghiệp KDXD hoạt động cầm chừng, thậm chí ngừng bán hàng vì không hiệu quả. Với trách nhiệm của một đầu mối lớn, PVOIL đã đảm bảo cung ứng liên tục, kịp thời nguồn xăng dầu chất lượng với số lượng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, góp phần bình ổn thị trường và nâng cao uy tín thương hiệu.

PVOIL đảm bảo cung ứng xăng dầu ra thị trường trong mọi thời điểm

Trong năm 2022, Công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu tiếp tục được đẩy mạnh thông qua các hoạt động thường xuyên như: Chỉnh trang CHXD theo chuẩn nhận diện thương hiệu, tham gia tài trợ chính cho giải đua xe địa hình VOC PVOIL Cup 2022. Ngoài ra, PVOIL cũng đã triển khai quảng cáo thương hiệu PVOIL trên sản phẩm nước uống của Thái Bình PSC, sản phẩm dầu nhớt của PVOIL Lube và trên phương tiện vận tải của PVOIL Trans.

Tài trợ cho VOC PVOIL Cup 2022

Với việc đảm bảo nguồn cung ứng trong mọi điều kiện thị trường, liên tục cải thiện chất lượng dịch vụ và duy trì hiệu quả các hoạt động quảng bá thương hiệu, hình ảnh PVOIL ngày càng thân thuộc với người tiêu dùng cả nước, thương hiệu PVOIL đã được khẳng định về uy tín và chất lượng trên thị trường.

3. Tình hình tài chính

3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn

Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.990.894.028.577	11%	4.081.852.242.021	14%
Hàng tồn kho	2.578.271.658.502	9%	2.941.456.384.799	10%
Tài sản cố định	3.747.949.930.914	14%	3.651.453.863.973	13%
Đầu tư tài chính dài hạn	801.330.548.617	3%	762.803.468.765	3%
Tài sản khác	17.079.117.720.859	63%	17.372.612.105.570	60%
Cộng tài sản	**27.197.563.887.469**	**100%**	**28.810.178.065.128**	**100%**

Tổng tài sản hợp nhất của PVOIL tại thời điểm 31/12/2022 là 28.810 tỷ đồng, tăng 1.613 tỷ đồng (6%) so với đầu năm 2022, bao gồm: tài sản ngắn hạn 23.233 tỷ đồng, tài sản dài hạn 5.577 tỷ đồng. Trong đó:

Tài sản ngắn hạn tăng 1.683 tỷ đồng, tập trung chủ yếu tại chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho.

Tài sản dài hạn giảm 70 tỷ đồng, tập trung ở chỉ tiêu tài sản cố định do khấu hao trong kỳ .

Nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng
Nợ phải trả ngắn hạn	15.724.500.056.614	58%	17.214.876.762.847	60%
Nợ phải trả dài hạn	287.921.996.006	1%	268.092.921.250	1%
Vốn chủ sở hữu	11.185.141.834.849	41%	11.327.208.381.031	39%
Cộng nguồn vốn	**27.197.563.887.469**	**100%**	**28.810.178.065.128**	**100%**

Vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích cổ đông không kiểm soát của PVOIL tại thời điểm 31/12/2022 là 10.210 tỷ đồng, tăng 199 tỷ đồng so với thời điểm 01/01/2022 nhờ có lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

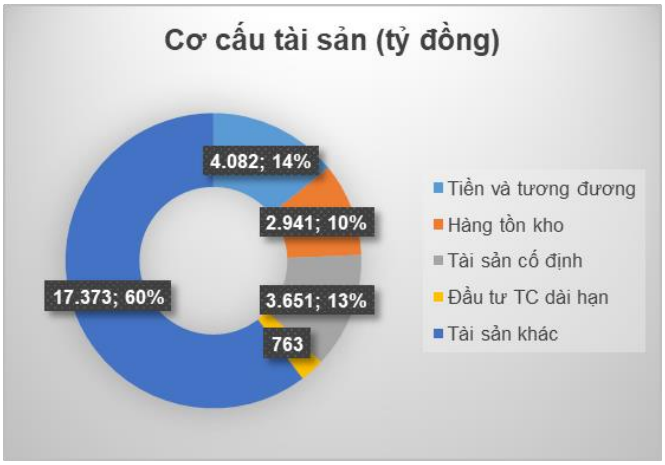

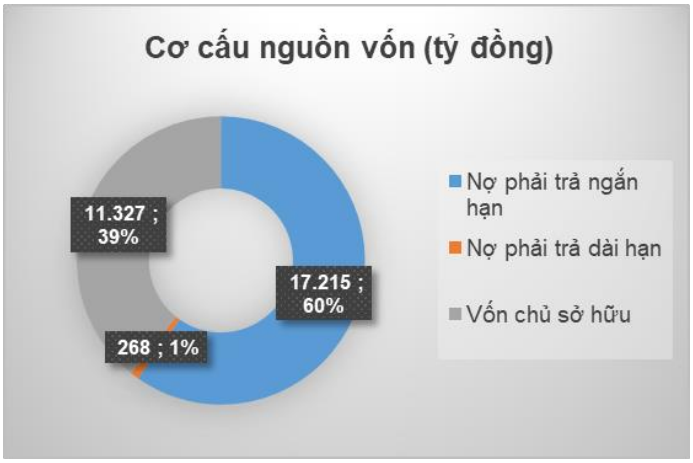

3.2. Tình hình Nợ phải trả

Tổng nợ phải trả hợp nhất thời điểm 31/12/2022 là 17.483 tỷ đồng, tăng 1.471 tỷ đồng (9%) so với thời điểm đầu năm, tập trung chủ yếu ở chỉ tiêu nợ ngắn hạn. Cụ thể:

- ✓ Phải trả người bán ngắn hạn 9.264 tỷ đồng, trong đó: Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn 4.428 tỷ đồng, Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn DKVN 2.628 tỷ đồng, Brunei Shell Petroleum Company Sdn Bhd 669 tỷ đồng, Elico Oil Pte Ltd 230 tỷ đồng, Glencore Singapore Pte Ltd 212 tỷ đồng, các đối tượng khác 1.097 tỷ đồng.
- ✓ Phải trả ngắn hạn khác 4.588 tỷ đồng chủ yếu là các khoản thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất nhập khẩu ủy thác, thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ.
- ✓ Vay và nợ ngắn hạn 2.701 tỷ đồng; Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại 31/12/2022 đang âm (513) tỷ đồng, Quỹ được trích lập, sử dụng theo quy định của Bộ Tài chính tại các thời điểm khác nhau phù hợp với hướng dẫn tại các Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 và số 90/2016/TTLT-BCT-BTC ngày 24/06/2016 của Liên Bộ Công thương – Tài chính.
- ✓ Các khoản phải trả khác bao gồm tiền thuế, lương và các khoản phải trả khác chưa đến hạn… tổng số 930 tỷ đồng.

4. Kế hoạch SXKD năm 2023

4.1. Dự báo tình hình

Năm 2023 được dự báo là năm vô cùng khó khăn đối với kinh tế thế giới: nhiều nền kinh tế lớn nguy cơ rơi vào suy thoái, nhu cầu tiêu thụ sụt giảm, lạm phát tiếp tục duy trì ở mức cao, lãi suất chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Bên cạnh đó, cuộc chiến Nga – Ukraine tiếp tục diễn biến phức tạp. Tất cả những yếu tố nói trên được dự báo là những tác nhân chính ảnh hưởng tới giá dầu trong năm 2023. Giá dầu thô Brent theo dự báo của một số tổ chức uy tín giao động ở mức từ 85-100 USD/thùng.

Trong nước, dự báo tăng trưởng GDP sụt giảm mạnh và lạm phát gia tăng đáng kể so với thực hiện năm 2022. Trong kịch bản lạc quan, dự báo tăng trưởng GDP cũng chỉ đạt ở mức 6,83%, tỷ lệ lạm phát 3,69%, tăng trưởng xuất khẩu ở mức 8,43%.

Hoạt động kinh doanh xăng dầu trong nước dưới sự điều hành của Chính phủ theo Nghị định 95/2021/NĐ-CP, dự kiến sẽ được sửa đổi bổ sung theo hướng tháo gỡ bất cập, lành mạnh hóa thị trường.

Nguồn cung từ hai NMLD trong nước giảm đáng kể do hai nhà máy đều có kế hoạch dừng vận hành để bảo dưỡng tổng thể định kỳ trong năm.

4.2. Nhiệm vụ trọng tâm

- ***Lĩnh vực Dầu thô:*** đảm bảo xuất khẩu/bán toàn bộ khối lượng dầu thô/condensate khai thác được trong và ngoài nước an toàn, hiệu quả; cung cấp đầy đủ dầu thô từ nguồn trong nước cho NMLD Dung Quất.
- ***Sản xuất xăng dầu***: Sản xuất E5 RON 92, dầu mỡ nhờn thương hiệu PVOIL với mục tiêu gia tăng sản lượng đi đôi với chất lượng và hiệu quả pha chế, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của hệ thống và cung ứng cho các doanh nghiệp đầu mối khác.
- ***Kinh doanh xăng dầu***: Tổ chức kinh doanh xăng dầu tuân thủ các quy định của Nhà nước, chính sách của Tổng công ty; phấn đấu gia tăng sản lượng kinh doanh trên cả 3 kênh phân phối để mở rộng thị phần, song song với đảm bảo hiệu quả kinh doanh;

- ***Công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp:*** Tiếp tục triển khai tái cấu trúc, sắp xếp lại hệ thống theo hướng tối ưu và hiệu quả; phối hợp với PVN, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, các cơ quan có liên quan để xử lý tồn đọng, thúc đẩy công tác quyết toán cổ phần hóa PVOIL.
- ***Công tác đầu tư phát triển hệ thống:*** Tăng cường nắm bắt cơ hội, đẩy mạnh đầu tư phát triển CHXD dưới nhiều hình thức. Tiếp tục tìm kiếm và phát triển các dịch vụ phi xăng dầu tại CHXD.
- ***Công tác quản trị hệ thống:*** Tăng cường hiệu quả công tác quản lý dòng tiền và công nợ, tiết giảm chi phí; tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD và tổng kho xăng dầu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý điều hành.

Hội nghị triển khai Kế hoạch kinh doanh năm 2023

4.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

Các chỉ tiêu sản lượng và tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2023	So với TH 2022
I	**Các chỉ tiêu sản lượng**			
1	Sản lượng xuất khẩu/bán dầu thô và nhập khẩu dầu thô cho NMLD Dung Quất	1000 tấn	9.185	88%
2	SX xăng dầu, dầu mỡ nhờn	1000 m3/tấn	484	81%
3	Sản lượng kinh doanh xăng dầu	1000 m3/tấn	3.300	82%
	Tỷ trọng bán lẻ	*%*	*28,4%*	*2,3 điểm %*
II	**Các chỉ tiêu tài chính**			
II.1	***Hợp nhất***			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	50.000	48%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2023	So với TH 2022
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	600	66%
3	Lợi nhuận sau thuế		480	66%
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	6.400	95%
II.2	***Công ty mẹ***			
1	Doanh thu	Tỷ đồng	33.000	45%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	500	76%
3	Lợi nhuận sau thuế		400	72%

Ghi chú: Doanh thu năm 2023 được tính trên giá dầu thô 70 USD/thùng

Kế hoạch đầu tư XDCB

PVOIL tiếp tục tập trung đầu tư phát triển hệ thống CHXD bán lẻ dưới nhiều hình thức và nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh xăng dầu trong năm 2023 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	So với TH 2022
1	Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng		134	291%
2	Xây dựng mới và cải tạo CHXD (*)	58 CHXD	326	180%
3	Đầu tư, mua sắm khác		178	171%
	TỔNG CỘNG		638	193%
	Trong đó: - Công ty mẹ		403	267%
	- Công ty con		235	131%
	Đầu tư từ nguồn vốn CSH		517	181%

(*) CHXD được phát triển mới theo các hình thức: xây mới, nhận chuyển nhượng, thuê dài hạn, hợp tác kinh doanh. Giá trị đầu tư kế hoạch được ghi nhận đối với các cửa hàng đầu tư theo hình thức xây mới và nhận chuyển nhượng, đối với CHXD thuê dài hạn, hợp tác kinh doanh chi phí liên quan được tính vào chi phí SXKD.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của PVOIL do công ty TNHH Delloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán. Theo đó, báo cáo có 03 điểm loại trừ của đơn vị kiểm toán và ý kiến giải trình của Ban Tổng giám đốc như sau:

Ý kiến của kiểm toán:

"Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (công ty liên kết của Tổng Công ty) được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất là 272.716.534.896 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 272.915.527.557 đồng). Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí đã được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ. Dựa trên thông tin hiện có, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các thông tin về những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào tài sản thuần của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí sau ngày mua khoản đầu tư đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Giải trình của PVOIL:

Khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (PVB) - là chủ đầu tư dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, đã phát sinh từ trước khi cổ phần hóa PVOIL. Theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.

PVOIL đã có văn bản trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đề xuất được xác định lại khoản đầu tư này về mức 0 đồng khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa (được hiểu là loại khoản đầu tư này ra khỏi công ty cổ phần). Trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản dự án, nếu có phát sinh thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, PVOIL sẽ nộp toàn bộ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Vấn đề này đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xin ý kiến xử lý của Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong công văn số 3540/DKVN-HĐTV ngày 01 tháng 7 năm 2019 về sắp xếp lại, xử lý nhà đất và khó khăn vướng mắc trong quyết toán cổ phần hóa PVOIL.

Chính phủ đã đồng ý việc đưa dự án NLSH Phú Thọ ra khỏi danh sách theo dõi, xử lý của Ban chỉ đạo xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương theo nội dung công văn số 3554/VPCP-KTTH ngày 24/12/2020 của Văn phòng Chính phủ. Đồng thời, giao Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ động quyết định và thực hiện theo thẩm quyền và quy định của pháp luật việc xử lý, cơ cấu lại đối với dự án. Do không thể thực hiện thẩm định giá trị doanh nghiệp làm cơ sở để lập phương án thoái vốn khỏi PVB nên việc triển khai thoái vốn tại PVB không thể thực hiện được.

Đến hiện tại, dự án Nhà máy NLSH Phú Thọ vẫn trong tình trạng dở dang, chưa hoàn thành xây dựng và nghiệm quyết toán nên chưa thể ghi nhận tăng tài sản Dự án trên sổ sách kế toán của Công ty PVB và PVB cũng chưa ghi nhận lỗ phát sinh từ dự án này.

PVOIL đang tiếp tục làm việc với các cổ đông của PVB và các cơ quan có liên quan như Ngân hàng tài trợ vốn, Tòa án,... để xem xét, quyết định phương án xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Ý kiến của kiểm toán:

Như trình bày tại Thuyết minh số 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đang ghi nhận phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 169.785.513.359 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 169.785.513.359 đồng), số dư phải thu khác này liên quan đến khoản thu hồi lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011, là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư ("PETEC" - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn Nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng đến nay vẫn chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Dựa trên thông tin hiện có, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản phải thu khác nói trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Giải trình của PVOIL:

Đây là khoản lỗ trong giai đoạn xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 30/6/2010) đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (ngày 18/05/2011) tại Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (PETEC), theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà

nước, khoản lỗ này sẽ được các cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt khi quyết toán cổ phần hóa PETEC.

PETEC/PVOIL đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Nhà nước về quyết toán cổ phần hóa. Trên cơ sở Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ý kiến của các Bộ có liên quan, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có văn bản số 7164/DVN-TCKT ngày 18/12/2019 gửi Ủy ban quản lý vốn Nhà nước (UBQLVNN) đề nghị xem xét phê duyệt quyết toán cổ phần hóa PETEC.

Trong thời gian tới, PVOIL sẽ tiếp tục nỗ lực cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm việc với UBQLVNN và các cơ quan có thẩm quyền để thúc đẩy việc xem xét phê duyệt quyết toán cổ phần hóa PETEC.

Ý kiến của kiểm toán:

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm giá trị của các lô đất của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty) với tổng số tiền là 29.702.935.030 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 29.702.935.030 đồng). Tuy nhiên, quyền sử dụng đất chưa được cấp, sang tên và các lô đất có quyền sử dụng đất đã hết hạn nhưng chưa được gia hạn chứng nhận quyền sử dụng đất cho PVOIL Sài Gòn. Dựa trên thông tin hiện có, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Giải trình của PVOIL:

Đây là giá trị 06 lô đất do PVOIL Sài Gòn mua để đầu tư, xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu nhưng chưa hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng sang tên PVOIL Sài Gòn hoặc chưa gia hạn thời gian thuê do các nguyên nhân sau: i) Còn mang tên Xí nghiệp XDDK Sài Gòn (là đơn vị tiền thân của PVOIL Sài Gòn) chưa hoàn thành thủ tục chuyển đổi tên; ii) Chưa hoàn thành thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất SXKD nên chưa chuyển quyền sử dụng đất sang PVOIL Sài Gòn; iii) Đã hết thời hạn thuê nhưng PVOIL Sài Gòn chưa làm xong thủ tục với địa phương để ký hợp đồng thuê đất mới.

Đây là vấn đề tồn tại từ trước khi cổ phần hóa PVOIL, thời gian qua PVOIL Sài Gòn đã nỗ lực xử lý và hoàn tất thủ tục được một số lô đất. Giá trị các lô đất bị kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo tài chính đã giảm từ 60,1 tỷ đồng tại thời điểm ngày 31/12/2018 xuống còn 29,7 tỷ đồng tại thời điểm ngày 31/12/2022.

Trong thời gian tới, PVOIL sẽ chỉ đạo PVOIL Sài Gòn quyết liệt hơn nữa trong làm việc với cơ các cơ quan quản lý địa phương nhằm hoàn thiện thủ tục pháp lý các lô đất của PVOIL Sài Gòn, trên cơ sở đó sẽ làm việc với đơn vị kiểm toán để xem xét đưa ra khỏi điểm ngoại trừ trên BCTC.

PHẦN V
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Tổng công ty

Năm 2022 là năm dị biệt đối với thị trường dầu mỏ thế giới và trong nước, thuận lợi và khó khăn đan xen chưa từng có tiền lệ. Trong 6 tháng đầu năm 2022, giá dầu thế giới tăng vọt đáng kể do nhu cầu tăng mạnh sau đại dịch Covid-19 trong khi nguồn cung thiếu hụt nặng do năng lực sản xuất của các nước thành viên OPEC+ chưa kịp phục hồi và chuỗi cung ứng năng lượng toàn cầu bị "đứt gãy" do ảnh hưởng cuộc chiến địa chính trị kéo dài giữa Nga –

Ucraina. Tiếp theo đó, từ đầu quý 3 trở đi, giá dầu thế giới cũng như giá bán lẻ trong nước liên tục giảm do OPEC+ đồng ý tăng sản lượng để kìm hãm giá, nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh do kinh tế thế giới suy thoái và lạm phát. Nguồn hàng trong nước gặp nhiều khó khăn do năng lực cung cấp các Nhà máy lọc dầu nội địa chỉ đáp ứng khoảng 70% tổng nhu cầu, trong khi nguồn nhập khẩu bị hạn chế vì phụ phí quá cao, tín dụng bị siết chặt, giá cơ sở xăng dầu được điều hành nhiều thời điểm chưa sát với thực tế; một số đầu mối không đảm bảo nguồn cung xăng dầu cho hệ thống, nhiều CHXD bán lẻ dừng bán hàng gây "áp lực" rất lớn lên hệ thống phân phối của các đầu mối lớn như: PVOIL, Petrolimex. Trước diễn biến đó, HĐQT PVOIL luôn theo dõi sát sao những biến động của thị trường, đưa ra những chỉ đạo cụ thể, hỗ trợ kịp thời đối với công tác điều hành hoạt động SXKD của Ban Tổng Giám Đốc:

- Nhiệm vụ chính - sản xuất kinh doanh: Do ứng phó tốt với những biến động về giá dầu và nguồn cung trên thị trường, triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, PVOIL đã gia tăng được sản lượng và tối đa hiệu quả kinh doanh trong 6 tháng đầu năm, đồng thời kiểm soát và hạn chế tối thiểu thiệt hại trong quý 3, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, trong đó, chỉ tiêu sản lượng hoàn thành 129% kế hoạch năm và chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất hoàn thành 182% kế hoạch năm; riêng Công ty mẹ hoàn thành 164% kế hoạch năm.
- Công tác đầu tư: Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh việc triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm 2021, đảm bảo tiến độ và hiệu quả; Đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư/ thực hiện đầu tư các dự án mở rộng kho xăng dầu (gồm kho Bạch Hạc Phú Thọ, kho Ba Ngòi, kho tiếp nhiên liệu hàng không tại Cam Ranh) và các dự án trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ERP; Đầu tư phát triển hệ thống CHXD trong toàn hệ thống phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh và phát triển của PVOIL; Cải thiện khả năng tiêu thụ xăng dầu qua kênh bán lẻ, thực hiện nghiêm túc các đề án nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại các kho (808) và CHXD (1114) hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển kinh doanh nhiên liệu bay Jet A1.
- Quản lý chi phí: Tăng cường công tác quản lý chi phí, hạ giá thành/giá vốn hàng hóa để nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng hiệu quả hoạt động từ PVOIL đến các đơn vị thành viên; Chú trọng việc tiết giảm chi phí trong toàn hệ thống PVOIL; Thực hiện việc kiểm toán chi phí xăng dầu theo đúng quy định của Nhà nước.
- Quản lý vốn và rủi ro: Thực hiện tốt công tác quản trị dòng tiền, đảm bảo việc huy động, quản lý, sử dụng vốn an toàn, hiệu quả, linh hoạt và đúng mục đích; Theo dõi, quản lý và xử lý/thu hồi công nợ trong toàn hệ thống, kiểm soát chặt chẽ vấn đề nợ xấu mới; Thường xuyên giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp; Định kỳ rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị thuộc diện kiểm soát đặc biệt, bổ sung vào hoặc đưa ra khỏi diện bị kiểm soát đặc biệt; Tăng cường công tác giám sát việc quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác và công tác quản lý Người đại diện.
- Đổi mới doanh nghiệp, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số: Tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT, tự động hóa và chuyển đổi số một cách toàn diện vào tất cả các lĩnh vực SXKD nhằm tăng hiệu quả vận hành, nâng cao chất lượng quản trị, tạo sự thuận tiện cho khách hàng, nâng cao lợi thế cạnh tranh của PVOIL. Cụ thể: Hoàn thiện và khai thác phần mềm phục vụ khách hàng bán buôn và khách hàng công nghiệp PVOIL B2B; Triển khai mở rộng ứng dụng chữ ký điện tử cho tất cả các đơn vị trong hệ thống PVOIL; Triển khai dự án giải pháp hiện đại hóa trụ bơm cửa hàng xăng dầu; Xây dựng ứng dụng (App) phục vụ bán hàng cho khách hàng cá nhân PVOIL 4U; Xây dựng phương án triển khai ERP tại PVOIL giai đoạn 2021-2025.
- Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, lao động, tiền lương: Thực hiện đầy đủ, đúng yêu cầu công tác tổ chức, công tác cán bộ, tuyển dụng và đào tạo nhân sự; Quản lý lương,

thưởng và chế độ chính sách theo đúng quy định; Công tác thi đua khen thưởng kịp thời và khích lệ Người lao động.

- Công tác An toàn – PCCN: chú trọng công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các văn bản pháp quy của Nhà nước về công tác An toàn sức khỏe môi trường; Phối hợp với Cục Cảnh sát PCCC&CNCH về việc Thanh tra chấp hành các quy định pháp luật về PCCC tại Khối văn phòng PVOIL và các Đơn vị trong hệ thống; Đánh giá/kiểm tra tình hình thực hiện Đề án 1114 tại tất cả các CHXD và Đề án 808 tại toàn bộ các Kho/cảng trong hệ thống; Tổ chức đào tạo về kiểm soát an toàn, huấn luyện tâm lý trong hoạt động chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, và nhận diện, đánh giá chuyên sâu về những mối nguy tràn dầu trong vận hành tại hệ thống kho xăng dầu của PVOIL.
- Công tác tái cấu trúc: Tiếp tục triển khai kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu PVOIL giai đoạn 2020 – 2025, trong đó bao gồm nhóm công việc tái cấu trúc công ty mẹ, nhóm công việc tổ chức/sắp xếp lại các đơn vị thành viên, thoái vốn các doanh nghiệp đầu tư ngoài ngành và nhóm tái cấu trúc các nhà máy nhiên liệu sinh học. Trong năm 2022, đã hoàn tất chuyển đổi PVOIL Trans, PVOIL Trà Vinh, PVOIL Bạc Liêu thành Công ty TNHH MTV; Hoàn tất công tác thẩm định giá trị doanh nghiệp, xây dựng và phê duyệt phương án chuyển đổi PVOIL Thanh Hóa thành Công ty TNHH MTV; Tiếp tục triển khai phương án sáp nhập các đơn vị: PVOIL Tây Ninh – PVOIL Sài Gòn và PVOIL Thái Bình – PVOIL Hải Phòng; Thoái vốn thành công tại Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương (PVTrans-PTT); Thuê tư vấn xây dựng phương án tái cấu trúc hoạt động dài hạn đối với PVOIL Lào; Bám sát/phối hợp các cơ quan có thẩm quyền để đẩy nhanh việc quyết toán cổ phần hóa PVOIL và PETEC.
- Công tác về các dự án nhiên liệu sinh học: Tiếp tục phối hợp với các cổ đông của BSR-BF, OBF và PVB triển khai phương án xử lý đối với các dự án nhiên liệu sinh học theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền và tuân thủ trình tự, quy định của pháp luật; Đồng thời, liên tục cập nhật thông tin về các dự án và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu.
- Công tác nghiên cứu khoa học và ứng phó với xu thế chuyển dịch năng lượng: Tiếp tục nghiên cứu tác động của xu thế chuyển dịch năng lượng đến ngành xăng dầu và tìm kiếm các giải pháp làm cơ sở xem xét điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh của PVOIL nhằm ứng phó phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng và lộ trình phát triển xe điện trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Trong năm 2022, PVOIL đã triển khai hợp tác lắp đặt và kinh doanh trạm sạc xe điện với Vinfast tại nhiều cửa hàng xăng dầu trong hệ thống.
- Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19: PVOIL đã nghiêm túc tuân thủ các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19, thường xuyên cập nhật, dự báo diễn biến của dịch bệnh, xây dựng kế hoạch thích ứng an toàn, kiểm soát dịch bệnh đảm bảo phù hợp chiến lược chuyển trạng thái kinh tế - xã hội của Chính phủ và đặc thù hoạt động của PVOIL.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong bối cảnh năm 2022 hết sức khó khăn, nhiều biến động chưa từng có tiền lệ trên thị trường xăng dầu, Ban Tổng giám đốc đã nắm bắt tốt các cơ hội thị trường, điều hành kinh doanh hiệu quả và quản trị hàng tồn kho hợp lý, kiểm soát và điều chỉnh linh hoạt trong công tác điều độ hàng hóa, hạn chế thiệt hại khi thị trường bất lợi, hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của PVOIL theo đúng các mục tiêu, định hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT. Kết quả đạt được như sau:

- Đảm bảo hoạt động SXKD được diễn ra liên tục, ổn định trên mọi lĩnh vực; Tiếp tục

kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh Covid-19 trong hệ thống, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của PVOIL.

- ĐHĐCĐ năm 2022 của PVOIL đã diễn ra thành công theo đúng kế hoạch; Báo cáo thường niên năm 2021 và công tác công bố thông tin thực hiện minh bạch, đúng thời gian quy định.
- Về kế hoạch SXKD năm 2022, Ban Tổng giám đốc đã triển khai đầy đủ, nghiêm túc và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD được ĐHĐCĐ và HĐQT giao, trong đó các chỉ tiêu chính bao gồm sản lượng kinh doanh xăng dầu (129%), doanh thu (233%) và lợi nhuận trước thuế (182%). Song song với việc thực hiện kế hoạch SXKD, Ban Tổng giám đốc cũng đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ trọng tâm khác được HĐQT giao như: Tái cấu trúc - đổi mới doanh nghiệp; Đầu tư phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu và sắp xếp quy hoạch hệ thống kho cảng; Ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số; Quản trị hệ thống: tiết giảm chi phí, quản lý tài chính an toàn và hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ tại các kho và cửa hàng xăng dầu thông qua việc triển khai Đề án 1114, Đề án 808, triển khai thí điểm các dịch vụ non-oil tại một số CHXD trong hệ thống, an ninh - an toàn, PCCN; Các hoạt động đoàn thể, an sinh xã hội, từ thiện, được quan tâm và triển khai tích cực trong toàn hệ thống với nhiều hoạt động ý nghĩa.

Đánh giá chung: Trong quá trình điều hành hoạt động SXKD năm 2022 của PVOIL, Tổng giám đốc và Ban Điều hành đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, đúng phân cấp quản lý tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của PVOIL cũng như các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; Đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ ; Hoàn thành tốt kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó; Tiếp tục cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống của người lao động

3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2023

Ngày 11/01/2023, HĐQT Tổng công ty đã ban hành Chương trình công tác năm 2023 của HĐQT PVOIL nhằm cụ thể hóa các mặt công tác trong năm của HĐQT phù hợp với định hướng chiến lược phát triển trung, dài hạn; Kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2020 - 2025 và kế hoạch SXKD năm 2023 của Tổng công ty. Năm 2023, HĐQT sẽ tập trung vào các vấn đề sau:

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công Kế hoạch SXKD năm 2023 trên cơ sở đảm bảo luôn cung cấp đủ xăng dầu cho hệ thống, ổn định thị trường; Phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh, nắm bắt các cơ hội phát triển, tận dụng hiệu quả các lợi ích từ chuỗi liên kết sản xuất - vận chuyển - phân phối trong Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam; Nâng cao sản lượng kinh doanh, mở rộng thị phần; Khai thác hiệu quả hệ thống kho xăng dầu. Thường xuyên giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản SXKD thông qua kết quả hoạt động SXKD hàng tháng/quý và cả năm của Tổng công ty và toàn hệ thống. Chỉ đạo các giải pháp cần thiết nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023.
- Công tác quản trị tài chính và rủi ro: Chỉ đạo, giám sát công tác quản trị dòng tiền, đảm bảo việc huy động, quản lý, sử dụng vốn an toàn, hiệu quả; Chỉ đạo, giám sát việc quản lý, xử lý,thu hồi công nợ trong toàn hệ thống, tránh để phát sinh nợ xấu; Chỉ đạo công tác giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp; Giám sát tài chính đặc biệt tại một số đơn vị thành viên theo quy định của pháp luật và các quy định quản lý nội bộ của PVOIL.
- Công tác đầu tư: Chỉ đạo, đôn đốc và giám sát việc triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch bao gồm cả những dự án chuyển tiếp từ năm 2022, đảm bảo tiến độ và hiệu quả; Tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư CHXD phù hợp với chiến lược phát triển của

PVOIL; Tiếp tục nhiệm vụ rà soát, sắp xếp quy hoạch hệ thống kho, cảng trong toàn hệ thống PVOIL nhằm tiết giảm chi phí vận hành, tăng cường hiệu quả sử dụng kho cảng; Tiếp tục chỉ đạo việc triển khai nghiên cứu, xây dựng đề án phát triển kinh doanh nhiên liệu bay Jet A1.

- Công tác tổ chức, lao động và tiền lương: Chỉ đạo các vấn đề liên quan đến đổi mới cơ cấu tổ chức của PVOIL và đơn vị thành viên, nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống; Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt định biên, kế hoạch sử dụng lao động năm 2023 của PVOIL (Công ty mẹ).
- Công tác tái cơ cấu, quyết toán cổ phần hóa: Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu PVOIL giai đoạn 2020 – 2025; Tiếp tục chỉ đạo triển khai các phương án xử lý đối với các dự án Nhiên liệu sinh học OBF, PVB và BSR-BF; Chỉ đạo bám sát và phối hợp các cơ quan có thẩm quyền để đẩy nhanh việc quyết toán cổ phần hóa PVOIL và PETEC.
- Công tác chuyển đổi số, áp dụng công nghệ 4.0 và xây dựng chuỗi liên kết giá trị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam: Tiếp tục giám sát và chỉ đạo đẩy mạnh công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ 4.0 trong hệ thống PVOIL với trọng tâm: Đẩy nhanh việc mở rộng và phát huy nền tảng công nghệ PVOIL Easy sẵn có, xây dựng ứng dụng bán hàng trên nền tảng internet (App bán hàng); Hiện đại hóa trụ bơm kết nối với phần mềm bán hàng; Các ứng dụng phần mềm quản lý kho cảng tiện ích khác; Xây dựng hệ thống ERP trong quản trị doanh nghiệp; Tăng cường sử dụng tối đa hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, công cụ làm việc trực tuyến. Phát triển các hoạt động kinh doanh phi xăng dầu (non-oil) tại các CHXD. Tiếp tục chỉ đạo công tác hợp tác kinh doanh, xây dựng chuỗi liên kết giá trị PVN với các đơn vị trong Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam.
- Công tác kiểm tra, giám sát: Tổ chức giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong hệ thống; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm đảm bảo các đơn vị trong hệ thống vận hành đúng định hướng, mục tiêu đã đặt ra.
- Công tác xây dựng và phát triển thương hiệu: Chỉ đạo thay đổi bộ nhận diện thương hiệu để đồng bộ với thương hiệu của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, phát triển và mở rộng độ phủ của thương hiệu PVOIL.
- Tiếp tục bám sát định hướng phát triển ngành xăng dầu và bối cảnh tình hình thực tế để xây dựng; sửa đổi, bổ sung kịp thời chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của PVOIL cho phù hợp.

PHẦN VI
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Thông điệp phát triển bền vững

Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm và trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. Phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. Điều này càng được chú trọng hơn đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu – một sản phẩm thiết yếu nhưng lại tiềm ẩn nhiều rủi ro ô nhiễm.

Ngay từ những ngày đầu thành lập PVOIL đã kiên định mục tiêu phát triển Tổng công ty một cách bền vững, phát triển kinh doanh đi cùng với bảo vệ môi trường và làm tròn trách nhiệm với xã hội, cộng đồng. Thể hiện cụ thể qua chiến lược phát triển đối với sản phẩm, con người và thực thi trách nhiệm với cộng đồng của Tổng công ty.

Về sản phẩm, ý thức sâu sắc trách nhiệm trong việc gìn giữ bảo vệ môi trường sống, PVOIL là đơn vị tiên phong cả nước giúp Chính phủ từng bước triển khai lộ trình đưa xăng sinh học E5 ra thị trường để thay thế xăng truyền thống. Xăng sinh học E5 đã được PVOIL đưa vào kinh doanh từ 01/8/2010 và từng bước mở rộng tiêu thụ trong hệ thống phân phối của mình. Sau nhiều năm kiên trì đeo đuổi, nỗ lực tuyên truyền lợi ích của việc sử dụng loại sản phẩm "xanh" và thuyết phục người tiêu dùng bằng chính sản phẩm chất lượng của mình, xăng sinh học E5 đã được Chính phủ quyết định đưa vào kinh doanh thay thế hoàn toàn A92 kể từ ngày 01/01/2018 và được người tiêu dùng đón nhận.

Với yếu tố con người, PVOIL xác định nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng, là yếu tố không thể thiếu và là nguồn lực lớn tạo nên thành công, mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, PVOIL chú trọng đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn; đảm bảo ổn định việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động; không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp; hài hòa trong quan hệ lao động.

Đối với cộng đồng, PVOIL xác định sự công nhận của cộng đồng chính là thước đo chuẩn xác cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty. Vì vậy, PVOIL luôn đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, đồng thời thực thi trách nhiệm với xã hội, cộng đồng thông qua nhiều hoạt động thiết thực và bằng cả tấm lòng.

2. Nguyên tắc hoạt động của PVOIL đối với các bên liên quan

	Đối với nhân viên ☑ Đảm bảo việc làm; Xây dựng chính sách đãi ngộ tương xứng với sự cống hiến, đóng góp của Người lao động. ☑ Đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn; Tổ chức giao và đánh giá công việc bằng KPIs, khuyến khích nâng cao năng suất, chất lượng/hiệu quả công việc. ☑ Môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thân thiện.
	Đối với khách hàng PVOIL đảm bảo cung cấp sản phẩm chất lượng và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. PVOIL là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực phát triển kinh doanh xăng sinh học E5 thay thế nhiên liệu hóa thạch, góp phần giảm phát thải, bảo vệ môi trường. Sản phẩm xăng dầu, dầu mỡ nhờn và nhiên liệu sinh học mà PVOIL cung ứng ra thị trường luôn đảm bảo tuyệt đối về chất lượng và đầy đủ về số lượng. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã và sẽ tiếp tục duy trì trong toàn hệ thống các chương trình hành động thiết thực như 1114 và 808 nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu.
	Đối với cổ đông và nhà đầu tư PVOIL luôn hướng tới mục tiêu tối đa hóa giá trị doanh nghiệp với các nỗ lực hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Đồng thời, cung cấp đầy đủ, kịp thời, công khai minh bạch thông tin về tình hình hoạt động của Tổng công ty thông qua các buổi hội thảo, các kênh truyền thông, website và các phương tiện công bố thông tin theo quy định.
	Đối với đối tác kinh doanh Tổng công ty giữ nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng
	Đối với cộng đồng và xã hội Tổng công ty cam kết thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội bằng các hoạt động thiết thực.

3. Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT)

3.1. Duy trì hiệu quả Hệ thống ATSKMT

3.1.1. Bộ máy quản lý công tác ATSKMT

- Bộ máy quản lý công tác ATSKMT tại PVOIL đã được thiết lập, thường xuyên kiện toàn và tổ chức hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ từ Tổng công ty đến các Đơn vị trực thuộc và các Đơn vị thành viên trong toàn hệ thống, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến chuyên viên chuyên trách/bán chuyên trách.
- Xây dựng đội ngũ An toàn vệ sinh viên trong toàn Tổng công ty nhằm hỗ trợ trong công tác đảm bảo ATSKMT trong các hoạt động SXKD.
- Xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá định lượng rủi ro và Kế hoạch ứng phó tình huống khẩn cấp đáp ứng theo quy định của pháp luật.

3.1.2. Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý ATSKMT

- Hệ thống quản lý chất lượng tích hợp (HTQLTH) của PVOIL đã triển khai xây dựng, duy trì và tuân thủ từ năm 2012 trong toàn hệ thống và đã được Viện tiêu chuẩn Anh BSI đánh giá và cấp chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn - Môi trường - Chất lượng theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001:2018, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 và Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Hệ thống đã được cập nhật, sửa đổi và ban hành mới sau khi PVOIL chính thức chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO phiên bản mới.
- Việc triển khai các đề án 1114 "Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD" và đề án 808 "Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu" đã đóng góp tích cực trong việc đảm bảo tuân thủ quy trình nghiệp vụ, thành thạo các quy tắc về an toàn PCCC, an toàn vận hành, sử dụng thành thạo trang thiết bị PCCC và xử lý sự cố tại CHXD và các kho trong toàn hệ thống.
- Việc duy trì tuân thủ và cải tiến HTQLTH được PVOIL thực hiện nghiêm túc, thông qua:
  - Công tác kiểm tra, đánh giá nội bộ của Tổng công ty về ATSKMT được duy trì thực hiện hàng năm.
  - Công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng tháng đối với Đề án 1114 "Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD" và Đề án 808 "Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng tại Kho xăng dầu" với 04 lượt cho tất cả các kho và CHXD trong hệ thống;
  - Hoạt động đánh giá giám sát định kỳ HTQLTH của Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI): Các phát hiện sự không phù hợp và khuyến nghị cải tiến của BSI đều được theo dõi, lập kế hoạch và triển khai khắc phục, phòng ngừa, cải tiến theo Quy trình khắc phục sự không phù hợp.
  - Đào tạo cho CBCNV về các nội dung liên quan. Trong năm 2022, PVOIL đã đào tạo cho các CBNV làm việc trực tiếp tại các kho xăng dầu trong hệ thống khóa "Kiểm soát an toàn và huấn luyện tâm lý trong hoạt động chữa cháy, cứu nạn cứu hộ" và khóa "Nhận diện, đánh giá chuyên sâu về những mối nguy tràn dầu trong vận hành hệ thống kho xăng dầu PVOIL" tại các kho xăng dầu trực thuộc. Tổ chức diễn tập tràn dầu. Tổ chức Hội thi an toàn vệ sinh lao động cho toàn Tổng công ty.

3.2. Công tác An toàn - An ninh, PCCC, ứng cứu tình huống khẩn cấp

Trong năm 2022, PVOIL tiếp tục duy trì triển khai các biện pháp từ phòng ngừa đến sẵn sàng ứng cứu sự cố để đảm an toàn, PCCN trong toàn hệ thống với các hoạt động tiêu biểu sau:

- Tất cả các kho, CHXD trong hệ thống PVOIL định kỳ tổ chức diễn tập phương án PCCC, ứng phó sự cố môi trường và cứu nạn thoát hiểm với sự tham gia của lực lượng chức năng địa phương nhằm nâng cao tính sẵn sàng ứng cứu của lực lượng ứng cứu tại chỗ và ý thức an toàn của CBCNV;
- Tổng công ty đã kết hợp tổ chức các khóa đào tạo trực tiếp về ATSKMT theo quy định pháp luật; triển khai "Đánh giá an toàn kho cảng" theo thông lệ quốc tế, đào tạo "phối hợp chữa cháy giữa tàu và bờ", an toàn vệ sinh lao động, diễn tập, thực tập PCCC định kỳ;
- Đối với công tác Phòng chống lụt bão, thiên tai, PVOIL thường xuyên theo dõi và cảnh báo kịp thời về các tình huống thiên tai, bão lụt nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động làm việc tại các Kho/cảng và giảm thiệt hại về tài sản; Ban chỉ đạo Văn phòng tình huống khẩn cấp thực hiện trực điện thoại 24/24 trong các dịp Lễ, Tết hoặc các thời điểm có bão,

lũ… nhằm kịp thời chỉ đạo, xử lý các tình huống khẩn cấp; Tổ chức lực lượng trực ứng cứu tràn dầu trong quá trình xuất nhập hàng hóa tại tất cả các kho trong thệ thống.

- Năm 2022, Cục cảnh sát PCCC & CNCH đã thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC tại PVOIL theo Quyết định số 439/PCCC&CNCH-TTra ngày 04/3/2022. PVOIL đã khắc phục các tồn tại sau kết luận Thanh tra số 1673/KL-PCCC&CNCH-TTra ngày 04/7/2022.
- PVOIL luôn duy trì chế độ báo cáo hàng tháng, kiểm tra định kỳ và đột xuất công tác an toàn, an ninh và PCCC tại các đơn vị trong toàn hệ thống PVOIL.

3.3. Chăm sóc sức khỏe người lao động

- Định kỳ, Tổng công ty đã tổ chức triển khai đo kiểm tra môi trường lao động định kỳ và công tác bảo hộ lao động hiệu quả, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV; thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động trực tiếp, và khám chuyên sâu đối với một số trường hợp có nghi ngờ về mắc bệnh nghề nghiệp.
- Tổng công ty cũng thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc tại Kho cảng/CHXD.
- Đối với các Đơn vị có bếp ăn tập thể, luôn kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm cho người lao động.
- Ngoài ra, để giúp người lao động được đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện, PVOIL nhiều năm qua đã áp dụng chính sách mua bảo hiểm PVI Care cho CBCNV của mình.

3.4. Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải

- PVOIL thường xuyên theo dõi, cập nhật triển khai các văn bản pháp luật mới ban hành. Tổng công ty đã phổ biến và triển khai trong toàn hệ thống Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản dưới Luật cho các Đơn vị trong toàn hệ thống.
- Định kỳ giám sát chất lượng môi trường, diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu, quản lý chất thải nguy hại, vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải. Kết quả giám sát môi trường tại các đơn vị thành viên trong năm 2022 đều đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.
- Hệ thống xử lý nước thải tại các kho của PVOIL được đầu tư, và nâng cấp và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng.
- Thực hiện nghiêm túc việc phân loại chất thải, trang bị các thùng chứa/nhà chứa chất thải nguy hại để thu gom, lưu giữ một cách an toàn. Việc xử lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại được giao cho các đơn vị có chức năng thực hiện theo đúng quy định. Năm 2022, các đơn vị trong hệ thống PVOIL đã thu gom và chuyển giao cho Đơn vị có chức năng xử lý khoảng 137 tấn khối lượng chất thải nguy hại, khoảng 920 tấn chất thải sinh hoạt và khoảng gần 12 tấn chất thải công nghiệp thông thường.

3.5. Xây dựng văn hóa an toàn sức khỏe, môi trường

Cùng với việc sử dụng công nghệ, PVOIL còn quan tâm đến việc tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV thông qua việc tổ chức các hoạt động thiết thực như:

- Duy trì việc tuyên truyền định kỳ tháng hành động vì an toàn vệ sinh lao động, ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy… Giúp nâng cao nhận

thức của cán bộ công nhân viên về tuân thủ yêu cầu Pháp luật về an toàn – phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động.

- Trong năm 2022, PVOIL đã tổ chức Hội thi tay nghề khối Cửa hàng xăng dầu PVOIL "Đội bán hàng giỏi" lần thứ tư năm 2022 và tham gia hội An toàn vệ sinh viên giỏi lần thứ IX năm 2022 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tổ chức theo kế hoạch.

Hội thi "Đội bán hàng giỏi" lần thứ 4

3.6. Các chỉ số an toàn sức khỏe và nghề nghiệp

Tỷ lệ chấn thương, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ ốm, sự vắng mặt và số trường hợp tử vong có liên quan đến làm việc theo từng khu vực của Tổng công ty trong năm 2022 được thống kê như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
1	**Tai nạn lao động**		**0**
	- Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	0
	- Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	0
	- Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp ...)	Triệu đồng	0
	- Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)	Triệu đồng	0
	- Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động	Ngày	0
2	**Bệnh nghề nghiệp**		**0**
	- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	0
	- Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	Ngày	0
	- Số người phải nghỉ trước tuổi hưu vì bệnh nghề nghiệp	Người	
	- Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (Các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương	Triệu đồng	0

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
	trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp,...)		
3	**Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động**		
	+ Loại I	Người	339
	+ Loại II	Người	1.388
	+ Loại III	Người	3.853
	+ Loại IV	Người	16
	+ Loại V	Người	3
4	**Số ngày nghỉ ốm**	**Ngày**	**0**

3.7. Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT 2023

Những thành tích đạt được trong năm 2022 đã khẳng định những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty trong công tác đảm bảo ATSKMT, củng cố thương hiệu và hình ảnh của PVOIL vì một tương lai an toàn và phát triển bền vững. Để tiếp tục phát huy thành tích đó PVOIL đã xây dựng một số nhiệm vụ chính trong năm 2023 như sau:

- Đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của PVOIL an toàn, chất lượng và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về Chất lượng - ATSKMT.
- Duy trì cập nhật và đánh giá chứng nhận thành công Hệ thống quản lý theo phiên bản mới ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018.
- Tăng cường đào tạo và tập huấn để bổ sung kiến thức về an toàn ATVSLĐ nhằm đáp ứng yêu cầu Pháp luật và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.
- Không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên tại các Đơn vị trong toàn Hệ thống.
- Không để xảy ra sự cố môi trường bị cơ quan chức năng xử phạt và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho CBCNV trong toàn Tổng công ty.
- Củng cố lực lượng Ứng cứu khẩn cấp, nâng cao tính sẵn sàng ứng phó sự cố bão lũ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản trong các cơn bão.

4. Tuân thủ về môi trường

Ý thức được hoạt động kinh doanh xăng dầu tiềm ẩn nhiều rủi ro cho môi trường, Tổng công ty đã tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp để phòng ngừa và hạn chế rủi ro như:

- Trang bị đầy đủ thiết bị, bố trí nhân lực đủ năng lực, các hệ thống xử lý môi trường được vận hành, bảo trì, bảo dưỡng theo đúng quy định
- Tổ chức lực lượng quản lý công tác an toàn, sức khỏe, môi trường và ứng cứu sự cố khẩn cấp tại tất cả các đơn vị trong hệ thống;
- Xây dựng phương án ứng cứu sự cố tràn dầu và thuê lực lượng ứng cứu chuyên nghiệp tại các kho cảng xăng dầu;
- Các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu đều đảm bảo được cơ quan chuyên ngành cấp/cấp lại các giấy phép về an toàn, bảo vệ môi trường (Báo cáo Đánh giá tác động môi

trường, Giấy phép môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước...) trước khi đi vào hoạt động và trong quá trình hoạt động.

- Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp về ATSKMT theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường

5.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: 2.565 tấn CO2
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính của PVOIL:
  - ✓ Lắp đặt mái phao tại các bồn kho xăng dầu;
  - ✓ Thực hiện nghiêm túc việc nhập kín tại các CHXD;
  - ✓ Cải tiến công nghệ thu hồi sản phẩm khí trong quá trình chưng cất làm nhiên liệu cho lò gia nhiệt.

5.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ chính của PVOIL trong năm:
  - ✓ Condensate (Naptha): 141.000 m3
  - ✓ Dầu gốc sản xuất dầu nhớt: 2.244 tấn
  - ✓ Phụ gia sản xuất dầu nhớt: 301 tấn
  - ✓ Bao bì đóng gói sản phẩm dầu nhớt:

Stt	Tên bao bì	Đơn vị tính	Số lượng
1	Vỏ lon/can	Cái	381.944
2	Vỏ xô	Cái	29.962
3	Vỏ phuy	Cái	7.617
4	Hộp carton	Cái	19.572

  - ✓ Nước khoáng: 10.500 m3
- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không áp dụng

5.3. Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 13.128.255 kw, tăng 22% so với năm 2021
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng và thống kê năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: chưa thực hiện

5.4. Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp từ nước thủy cục hoặc giếng khoan.
- Lượng nước sử dụng trong năm 2022 là 317.706 m3, tăng 17% so với năm 2021.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: nước thải tại các kho xăng dầu và CHXD của Tổng công ty phần lớn là nước thải nguy hại (nhiễm dầu), đều đã được xử lý để đảm bảo tiêu chuẩn xả thải ra môi trường. Tuy nhiên, Tổng công ty chưa thực hiện tái chế và tái sử dụng lượng nước thải nêu trên.

5.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6. Báo cáo các vấn đề về xã hội

6.1. Việc làm

Tổng số CBNV PVOIL tính đến ngày 31/12/2022

6.015 người

Thu nhập bình quân tháng của Người lao động

17,73 triệu đồng

Các khoản phúc lợi

- Sức khỏe, bảo hiểm sức khỏe
- Lợi ích/phúc lợi lâu dài: bảo hiểm nhân thọ
- Thăm quan, nghỉ mát
- Tổ chức ăn ca, sinh nhật
- Văn hóa, văn nghệ, thể thao…

Không phân biệt đối xử

PVOIL cam kết không phân biệt đối xử trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, tôn giáo, quan điểm chính trị, nguồn gốc quốc gia hoặc xuất thân xã hội. Trong năm 2022 không có vụ việc phân biệt đối xử xảy ra tại PVOIL.

Không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức

PVOIL cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức, sử dụng lao động đúng theo độ tuổi pháp luật quy định.

6.2. Trách nhiệm sản phẩm, dịch vụ

PVOIL cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, người tiêu dùng biết thông qua các kênh thông tin như: Website, Facebook, pano quảng cáo, PVOIL cũng thực hiện giới thiệu dịch vụ mới qua báo chí và các cuộc hội thảo.

Bên cạnh đó PVOIL cũng duy trì các đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản hồi của khách hàng tại tất cả các CHXD và Kho xăng dầu trong toàn hệ thống.

QUY TRÌNH XỬ LÝ KHIẾU NẠI

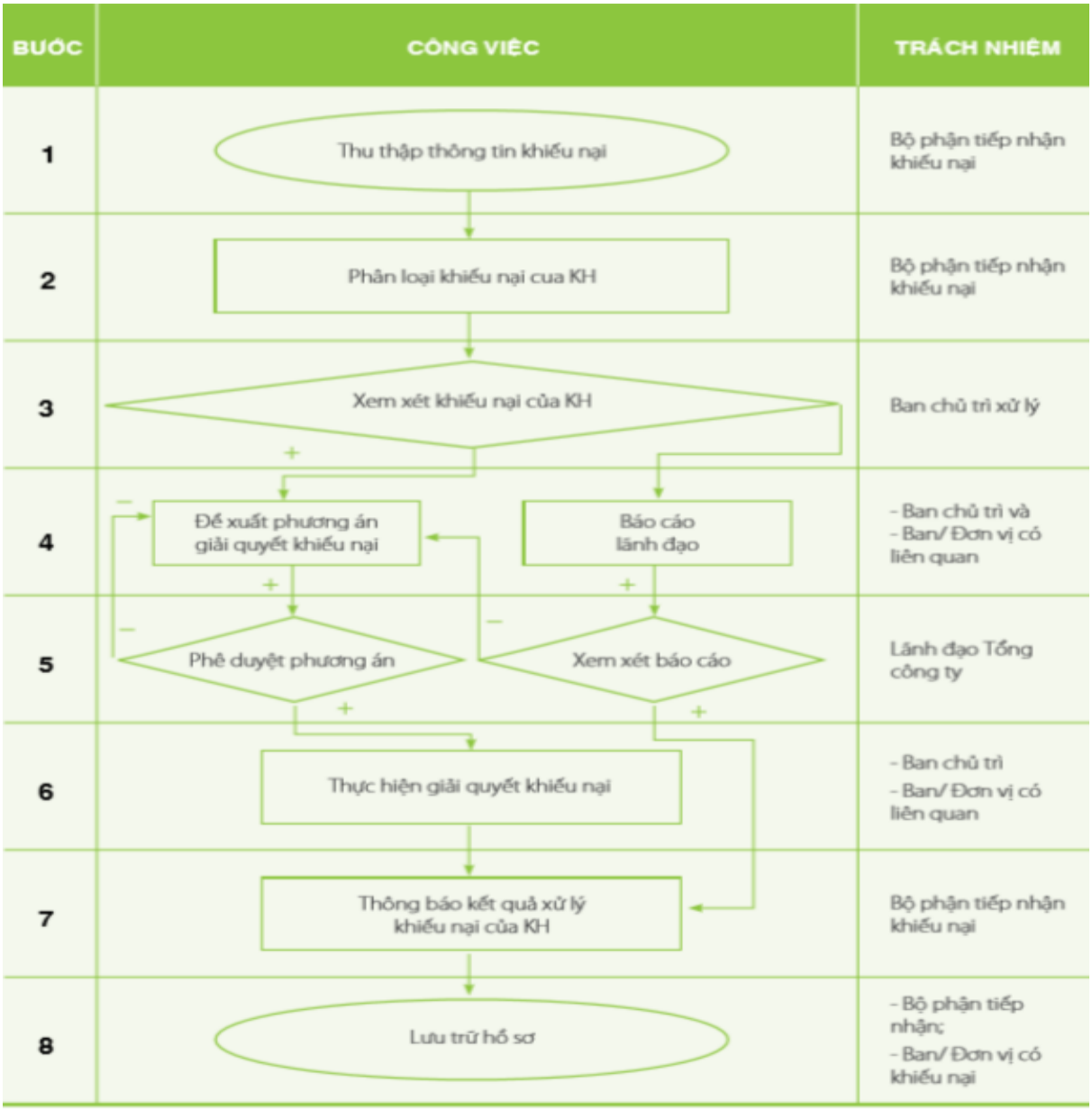

Khách hàng có thể góp ý, khiếu nại thông qua các hình thức sau:

- Gửi thư tới địa chỉ: **Tổng công ty Dầu Việt Nam - Tầng 14-18 Toà nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh**
- Gửi email tới địa chỉ: **contact@pvoil.com.vn**
- Gọi điện tới số: **(84.28) 39119333**
- Phản ảnh, khiếu nại của khách hàng đối với các kho xăng dầu:
  - **0988.43.17.17**: tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Thừa Thiên Huế (kho Chân Mây) trở ra phía Bắc.
  - **0988.21.17.17:** tiếp nhận thông tin phản ánh/ khiếu nại của khách hàng tại các kho xăng dầu từ khu vực Đà Nẵng (kho Liên Chiểu) trở vào phía Nam.
  - **08.96618800** Hỗ trợ PVOIL Easy trên toàn quốc.
- Phản ảnh, khiếu nại của khách hàng đối với CHXD: theo số hotline niêm yết tại cửa hàng.

6.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng

Nhận thức đầy đủ trách nhiệm đối với cộng đồng và mong muốn góp phần xây dựng xã hội ngày một tốt đẹp, nhân ái hơn, trong năm 2022 bên cạnh các chương trình xã hội từ thiện mang tính truyền thống từ nhiều năm qua, PVOIL đã đẩy mạnh các hoạt động ý nghĩa thiết thực nhằm chung tay chia sẻ với cộng đồng. Tổng chi phí ủng hộ cho công tác thiện nguyện trong năm đạt gần **21 tỷ đồng** với các hoạt động cụ thể sau:

- Tham gia các hoạt động tài trợ như xây dựng trường học, các trung tâm y tế và các nhà Đại đoàn kết tại các địa phương trong cả nước: 19,3 tỷ đồng
- Các hoạt động từ thiện, hỗ trợ khác: 1,6 tỷ đồng
  - Phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh Hùng và Mẹ của Liệt sỹ tại huyện Củ Chi;
  - Thăm hỏi tặng quà Tết, quà nhân dịp 27/7 cho Mẹ Việt Nam Anh Hùng và Mẹ, Vợ của các Liệt sỹ tại huyện Củ Chi, các cháu mồ côi do ảnh hưởng Covid-19 tại huyện Nhà Bè; Tặng quà cho người nghèo, người có công, nạn nhân chất độc màu da cam trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Hỗ trợ Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi Thiên Phước;
  - Tổ chức Trại hè thiếu nhi cho các cháu từ 6 – 15 tuổi tại KDL Giang Điền; Thăm khám, phát thuốc, tặng quà cho đồng bào có hoàn cảnh khó khăn tại huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;
  - Chương trình "Cùng PVOIL về quê đón Tết" Xuân Quý Mão 2023 do Đoàn Thanh niên PVOIL phối hợp với Trung tâm hỗ trợ học sinh, sinh viên TP. Hồ Chí Minh và Đoàn trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh… tổ chức. Đây là năm thứ 5 PVOIL thực hiện chương trình rất ý nghĩa này, mỗi năm hỗ trợ gần 1.000 lượt sinh viên về quê đón Tết;
  - Đoàn thanh niên PVOIL phối hợp với Bệnh viện Đại học Y dược TP.HCM tổ chức khám bệnh, phát thuốc miễn phí và tặng quà cho 500 người dân có hoàn cảnh khó khăn tại huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐOÀN VĂN NHUỘM

PHẦN VII - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2022

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	58 - 59
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	60 - 62
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	63 - 66
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	67
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	68 - 69
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	70 - 115

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Hoài Dương	Chủ tịch
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Thành viên
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên
Ông Hạng Anh Minh	Thành viên
Ông Lê Ngọc Quang	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc
Ông Võ Khánh Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoài Lam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Trình	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2023

Deloitte.

Số: 0335 /VN1A-HN-BC

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

Công ty TNHH Kiểm toán
Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : +84 24 7105 0000
Fax : +84 24 6288 5678
www.deloitte.com/vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 07 tháng 3 năm 2023, từ trang 6 đến trang 53 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 08 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đang ghi nhận phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 169.785.513.359 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 169.785.513.359 đồng), số dư phải thu khác này liên quan đến khoản thu hồi lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011, là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư ("PETEC" - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn Nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng đến nay vẫn chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Dựa trên thông tin hiện có, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản phải thu khác nói trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm giá trị của các lô đất của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty) với tổng số tiền là 29.702.935.030 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 29.702.935.030 đồng). Tuy nhiên, quyền sử dụng đất chưa được cấp, sang tên và các lô đất có quyền sử dụng đất đã hết hạn nhưng chưa được gia hạn chứng nhận quyền sử dụng đất cho PVOIL Sài Gòn. Dựa trên thông tin hiện có, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về quyền sử dụng và thời gian sử dụng các lô đất này tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (công ty liên kết của Tổng Công ty) được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất là 272.716.534.896 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 272.915.527.557 đồng). Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí đã được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ. Dựa trên thông tin hiện có, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các thông tin về những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào tài sản thuần của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí sau ngày mua khoản đầu tư đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính riêng khoản góp vốn cổ phần vào PETEC lớn hơn giá trị PETEC đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi PETEC thực hiện xong công tác quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ tại công ty con để loại trừ khoản chênh lệch này trước khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa Công ty mẹ do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Công ty mẹ chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2023-001-1

Tôn Thất Tiến
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4326-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 07 tháng 3 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**23.233.060.749.388**	**21.549.982.060.668**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5**	**4.081.852.242.021**	**2.990.894.028.577**
1.	Tiền	111		2.638.123.341.287	2.731.437.695.084
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.443.728.900.734	259.456.333.493
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**6**	**7.666.467.404.942**	**7.925.663.754.088**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		168.047	33.414.563
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(118.547)	(36.197)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.666.467.355.442	7.925.630.375.722
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**8.090.943.360.395**	**7.761.018.081.791**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.575.901.110.322	4.277.619.452.540
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		132.872.929.853	88.002.386.699
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.201.127.497.883	4.195.391.436.352
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(823.109.117.237)	(804.492.677.302)
5.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.150.939.574	4.497.483.502
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**10**	**2.941.456.384.799**	**2.578.271.658.502**
1.	Hàng tồn kho	141		2.961.539.417.245	2.579.364.637.993
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.083.032.446)	(1.092.979.491)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**452.341.357.231**	**294.134.537.710**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	39.947.250.445	33.108.480.349
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12	207.489.507.333	155.956.761.188
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	204.904.599.453	105.069.296.173

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**5.577.117.315.740**	**5.647.581.826.801**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**22.609.346.501**	**24.812.466.496**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	19.718.254.473	21.888.407.938
2.	Phải thu dài hạn khác	216	8	22.820.546.501	25.023.666.496
3.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(19.929.454.473)	(22.099.607.938)
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**3.651.453.863.973**	**3.747.949.930.914**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	14	2.017.864.050.619	2.153.041.993.983
	- Nguyên giá	*222*		*6.553.665.985.072*	*6.468.508.878.504*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(4.535.801.934.453)*	*(4.315.466.884.521)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		4.277.717.118	2.268.507.172
	- Nguyên giá	*225*		*4.857.749.317*	*2.424.911.135*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		*(580.032.199)*	*(156.403.963)*
3.	Tài sản cố định vô hình	227	15	1.629.312.096.236	1.592.639.429.759
	- Nguyên giá	*228*		*1.924.392.953.676*	*1.861.746.293.589*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(295.080.857.440)*	*(269.106.863.830)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**	**16**	**104.913.549.923**	**108.543.572.613**
	- Nguyên giá	*231*		*139.314.852.250*	*139.314.852.250*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		*(34.401.302.327)*	*(30.771.279.637)*
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**116.970.343.744**	**109.572.796.582**
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		585.993.545	585.993.545
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	116.384.350.199	108.986.803.037
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**762.803.468.765**	**801.330.548.617**
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	689.714.063.531	708.439.333.186
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	108.911.654.132	118.979.564.661
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(35.822.248.898)	(26.088.349.230)
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**918.366.742.834**	**855.372.511.579**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	916.961.827.207	849.242.720.938
2.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		21.363.636	21.363.636
3.	Lợi thế thương mại	269	20	1.383.551.991	6.108.427.005
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**28.810.178.065.128**	**27.197.563.887.469**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**17.482.969.684.097**	**16.012.422.052.620**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**17.214.876.762.847**	**15.724.500.056.614**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	9.264.285.413.714	6.399.024.107.514
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		71.644.441.481	76.230.816.531
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	355.827.312.509	1.074.337.936.651
4.	Phải trả người lao động	314		266.831.603.549	191.836.089.512
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	216.193.333.461	48.689.699.837
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		9.871.308.187	6.477.136.557
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	23	4.587.995.670.639	3.917.626.254.876
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	2.701.313.740.248	4.633.571.013.891
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	66.120.284.378	46.453.453.571
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		188.192.597.380	106.943.725.929
11.	Quỹ bình ổn giá	323	26	(513.398.942.699)	(776.690.178.255)
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**268.092.921.250**	**287.921.996.006**
1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		20.021.212.102	23.677.570.475
2.	Phải trả dài hạn khác	337		25.583.007.894	26.302.334.547
3.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27	62.657.782.898	104.319.315.734
4.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	28	156.900.774.086	130.346.505.498
5.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.930.144.270	3.276.269.752

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**11.327.208.381.031**	**11.185.141.834.849**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**29**	**11.327.208.381.031**	**11.185.141.834.849**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.342.295.000.000	10.342.295.000.000
2.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		23.612.446.327	18.967.801.779
3.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(163.981.446.150)	(163.981.446.150)
4.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(55.282.039.140)	(21.113.618.263)
5.	Quỹ đầu tư phát triển	418		228.667.036.228	211.457.940.243
6.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.494.008.664	19.805.997.473
7.	(Lỗ) lũy kế	421		(185.534.886.956)	(401.912.043.108)
	- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(717.906.233.428)*	*(926.446.535.288)*
	- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*532.371.346.472*	*524.534.492.180*
8.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	5.326.859.943
9.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	30	1.116.938.262.058	1.174.295.342.932
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**28.810.178.065.128**	**27.197.563.887.469**

Phùng Tố Vân	Nguyễn Ngọc Ninh	Đoàn Văn Nhuộm
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Ngày 07 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**33**	**104.220.729.403.371**	**57.848.309.273.527**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	6.932.771.650	12.331.415.165
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**	33	**104.213.796.631.721**	**57.835.977.858.362**
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	34	100.146.857.289.738	54.657.677.585.567
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**4.066.939.341.983**	**3.178.300.272.795**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	36	567.132.645.135	412.733.591.573
7.	Chi phí tài chính	22	37	330.081.514.103	201.054.954.166
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*179.692.092.511*	*144.565.099.296*
8.	Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24	18	3.038.860.143	71.038.203.622
9.	Chi phí bán hàng	25	38	2.370.193.962.567	1.833.758.314.419
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	1.041.591.430.338	728.224.901.968
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))**	**30**		**895.243.940.253**	**899.033.897.437**
12.	Thu nhập khác	31	39	52.494.988.208	49.849.048.626
13.	Chi phí khác	32	39	35.523.003.026	21.037.786.992
14.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**	39	**16.971.985.182**	**28.811.261.634**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**912.215.925.435**	**927.845.159.071**
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	40	162.463.829.922	164.841.585.527
17.	Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	26.554.268.588	(9.859.793.510)
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**723.197.826.925**	**772.863.367.054**
	Trong đó:				
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		651.194.275.895	604.820.984.180
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		72.003.551.030	168.042.382.874
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	493	477

Phùng Tố Vân	Nguyễn Ngọc Ninh	Đoàn Văn Nhuộm
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0305795054 - C.T.C.P - TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Ngày 07 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***912.215.925.435***	***927.845.159.071***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	02	336.185.567.199	346.471.338.897
	Các khoản dự phòng	03	64.837.152.250	(27.102.874.081)
	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.643.614.546	22.196.102.434
	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(434.753.627.189)	(459.537.989.046)
	Chi phí lãi vay	06	179.692.092.511	144.565.099.296
	Các khoản điều chỉnh khác (i)	07	263.291.235.556	(1.215.802.131.109)
3.	***Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***1.327.111.960.308***	***(261.365.294.538)***
	(Tăng) các khoản phải thu	09	(471.597.849.237)	(2.941.667.607.364)
	(Tăng) hàng tồn kho	10	(382.174.779.252)	(750.117.732.281)
	Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.212.572.583.259	5.109.494.414.161
	(Tăng) chi phí trả trước	12	(74.557.876.365)	(11.301.269.532)
	Giảm chứng khoán kinh doanh	13	33.246.516	764.224.764
	Tiền lãi vay đã trả	14	(181.349.487.318)	(141.240.244.916)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(189.854.635.137)	(112.882.729.112)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	149.653.418
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(63.966.241.562)	(168.582.775.148)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***3.176.216.921.212***	***723.250.639.452***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(399.801.532.580)	(268.110.299.455)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.713.152.383	16.564.342.962
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.681.585.144.417)	(9.255.083.844.529)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.940.748.164.697	7.251.032.201.694
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(23.460.140.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	13.271.000.000	2.445.480.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	414.075.497.129	370.536.839.331
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***268.960.997.212***	***(1.882.615.279.997)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	20.855.220.371.519	22.375.464.298.697
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.740.964.770.411)	(21.731.239.596.360)
3.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(719.234.184)	(1.003.914.430)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(384.052.050.191)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(2.270.515.683.267)***	***643.220.787.907***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**1.174.662.235.157**	**(516.143.852.638)**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**2.990.894.028.577**	**3.533.617.033.987**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.541.579.847)	(26.579.152.772)
	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	62	(81.162.441.866)	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62)	**70**	**4.081.852.242.021**	**2.990.894.028.577**

(i) Bao gồm chênh lệch giữa số trích lập với số sử dụng Quỹ Bình ổn giá và lãi tính trên số dư âm Quỹ Bình ổn giá với số tiền lần lượt là 759.352.582.961 đồng, 493.802.375.690 đồng và 2.258.971.715 đồng.

Phùng Tố Vân	Nguyễn Ngọc Ninh	Đoàn Văn Nhuộm
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty" hoặc "PVOIL"), trước đây là Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được thành lập trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí và Công ty TNHH Một thành viên Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ.

Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005189 ngày 26 tháng 6 năm 2008 và thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 với vốn điều lệ là 7.220.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 16 tháng 01 năm 2016, vốn điều lệ điều chỉnh của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên là 10.884.251.000.000 đồng.

Từ ngày 01 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần với tên gọi là Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 8 năm 2018. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được chấp thuận giao dịch trên Thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") vào ngày 07 tháng 3 năm 2018 với mã chứng khoán là OIL.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên tại Tổng Công ty (không bao gồm các công ty con) là 700 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 699 người).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Kinh doanh sản phẩm dầu: Kinh doanh và xuất nhập khẩu sản phẩm Ethanol; Kinh doanh và xuất nhập khẩu dầu và dầu thô trong và ngoài nước; Phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Sản xuất sản phẩm Ethanol, sản phẩm dầu; Kinh doanh nhiên liệu máy bay; Xuất nhập khẩu sản phẩm dầu và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, hóa chất; Kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư thiết bị trong chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Mua bán phân bón; Kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu.
- Dịch vụ: Cho thuê kho bãi; Cho thuê xe ô tô, xe có động cơ khác, kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu, hệ thống thiết bị pha chế xăng dầu; Đại lý tàu biển; Môi giới và cung ứng tàu biển, vận tải dầu khô và sản phẩm dầu; Hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương, vận tải đường thủy nội địa; Hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe ô tô; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, mô tô, xe máy; Tư vấn đấu thầu; Xây dựng các hệ thống bồn, bể chứa sản phẩm dầu; Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu xăng dầu; Quảng cáo tại các kho xăng dầu, cửa hàng xăng dầu và trên các phương tiện vận tải xăng dầu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty gồm Công ty mẹ và 27 công ty con. Danh sách các công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu nội địa PVOIL Lào	Lào	100,00 %	100,00 %	Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Lào	Lào	100,00 %	100,00 %	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan.
Công ty TNHH MTV Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (ii)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00 %	100,00 %	Vận tải hàng hoá đường bộ. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí. Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu (ii)	Bạc Liêu	100,00 %	100,00 %	Bán buôn thực phẩm. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh (ii)	Trà Vinh	100,00 %	100,00 %	Kinh doanh xăng dầu. Kinh doanh hàng tiêu dùng.
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (i)	Tp. Hồ Chí Minh	94,78%	95,09%	Xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu; chi tiết xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ; xuất nhập khẩu phân bón; cung cấp dịch vụ hàng hải.
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Cần Thơ	89,37%	89,37%	Xây dựng tổng kho xăng dầu. Chế biến và kinh doanh các sản phẩm dầu khí, xuất nhập khẩu các sản phẩm dầu mỏ.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Quảng Ninh	80,19%	80,19%	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận tải hàng hoá và đường bộ và thuỷ.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Bình Thuận	79,68%	79,68%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Tây Ninh	78,62%	78,62%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	Quảng Ngãi	72,29%	72,29%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Hải Phòng	Hải Phòng	72,00%	72,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	71,84%	71,84%	Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Dịch vụ kho cảng. Vận tải hàng hoá.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Phú Thọ	71,68%	71,68%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Vận chuyển các sản phẩm dầu khí.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	68,00%	68,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Xây dựng nhà các loại.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Vũng Tàu	67,64%	67,64%	Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Sản xuất chế biến nhiên liệu và dung môi. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Phú Yên	67,13%	67,13%	Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan; mua bán khí đốt; vận tải hàng hoá.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	65,18%	66,93%	Kinh doanh xăng dầu. Khai thác dầu thô. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên. Sản xuất hoá chất cơ bản.
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	Tp. Hồ Chí Minh	62,67%	62,67%	Khai thác, sản xuất, vận chuyển, bán buôn và bán lẻ các sản phẩm liên quan đến xăng, dầu và khí đốt.

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	57,18%	57,18%	Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm có liên quan. Sản xuất chế biến nhiên liệu và dung môi. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hoá	56,86%	56,86%	Kinh doanh xăng, dầu các loại; kinh doanh thương mại, dịch vụ thương mại; kinh doanh xuất nhập khẩu; khai thác, chế biến khoáng sản; kinh doanh bất động sản…
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Nam Định	56,75%	56,75%	Mua bán, kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ. Đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu. Kinh doanh nhiên liệu sinh học.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Hà Tĩnh	56,50%	56,50%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá bằng đường thuỷ nội địa.
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Tp. Hồ Chí Minh	51,01%	51,01%	Kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt. Kinh doanh vận tải xăng dầu. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng.
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu Quốc tế Singapore	Singapore	51,00%	51,00%	Mua bán, kinh doanh các loại dầu thô và các sản phẩm dầu trên thị trường quốc tế. Tham gia mua bán và cung cấp dầu thô tại Việt Nam.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	51,00%	51,00%	Bán buôn và kinh doanh nước khoáng.
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Campuchia	Campuchia	51,00%	51,00%	Đang trong quá trình thành lập

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty ghi nhận và phản ánh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty khoản góp vốn cổ phần vào PETEC lớn hơn giá trị PETEC đang theo dõi và hạch toán với số tiền 111.225.298.544 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản chênh lệch này sẽ được xử lý khi PETEC thực hiện xong công tác quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ tại công ty con để loại trừ khoản chênh lệch này trước khi thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 1474/NQ-DKVN thông qua chủ trương về việc Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (“PVGAS”) nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Thương mại và Kỹ thuật Đầu tư – CTCP (“PETEC”). Ngày 31 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có công văn số 1574/DKVN-KTĐT đề nghị Người đại diện phần vốn của Tập đoàn tại PVGAS và Tổng Công ty báo cáo Thủ tướng Chính

phủ và chỉ đạo tổ chức triển khai các bước tiếp theo đảm bảo lợi ích của Tổng Công ty và PVGAS. Tổng Công ty đang phối hợp chặt chẽ với PVGAS tiến hành trình tự các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng vốn nêu trên.

(ii) Trong năm 2022, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng thành công số cổ phần từ các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh, Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu và Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam, qua đó nâng tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty con này lên 100%, đồng thời chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của các công ty con này từ công ty cổ phần sang công ty TNHH một thành viên.

Danh sách các công ty liên doanh sở hữu trực tiếp:

Tên công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Bình Phước	30,20%	Sản xuất kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	19,00%	Đầu tư xây dựng kho ngầm chứa xăng dầu
Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA	Đồng Nai	15,00%	Sản xuất và kinh doanh dầu hoá dẻo DOP

Danh sách các công ty liên kết sở hữu trực tiếp:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Phú Yên	47,79%	47,79%	Sản xuất, chế biến hàng nông sản xuất khẩu,...
Công ty Cổ phần Thương mại Thạch Hãn	Quảng Trị	45,00%	45,00%	Kinh doanh xăng dầu, công nghệ phẩm, nông sản, thực phẩm,…
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	Tp. Hồ Chí Minh	44,87%	44,94%	Xuất nhập khẩu xăng dầu, vận chuyển hàng hóa
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí	Hà Nội	39,76%	39,76%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	34,28%	34,28%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	Tp. Hồ Chí Minh	29,00%	29,00%	Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Ninh Bình	20,26%	33.30%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chuẩn bị mặt bằng. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN MỚI BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 08/2023/TT-BTC (“Thông tư 08”) bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường. Theo đó, số dư Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường (Chi tiết tại Thuyết minh số 25) đã trích lập nhưng chưa sử dụng hết kể từ thời điểm Thông tư 08 có hiệu lực thi hành được hạch toán vào thu nhập khác của năm tài chính 2023. Thông tư 08 có hiệu lực từ ngày 24 tháng 3 năm 2023 và áp dụng cho năm tài chính 2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 08 đối với Báo cáo tài chính hợp nhất tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập (có pháp nhân hoặc không có pháp nhân) trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và bên tham gia được hưởng lợi nhuận được chia phát sinh từ hoạt động của hợp tác kinh doanh.

Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên doanh sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên doanh vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên doanh đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên doanh đó) không được ghi nhận.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư góp vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là cổ phiếu niêm yết được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 7

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	Số năm
Phương tiện vận tải	4 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn quy định trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị tiền thuê đất, thuê văn phòng, giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý, và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất, thuê văn phòng, thuê tài sản thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý thể hiện giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê trả tiền hàng năm. Giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại hoặc theo thời gian sử dụng của tài sản cố định trên đất.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí san lấp mặt bằng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức của các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này.

Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định hiện hành về kinh doanh xăng dầu.

Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở theo các quy định hiện hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều niên độ kế toán cho hàng hóa hay dịch vụ chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Tổng Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022. Tỷ giá này có sự khác biệt so với tỷ giá quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, sự khác biệt này không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo trừ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Tổng Công ty.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh khi Tổng Công ty thực hiện hoạt động tại nước ngoài được kế toán như tài sản và nợ phải trả liên quan đến hoạt động tại nước ngoài và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc hoạt động này.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí chịu thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	55.656.848.688	27.883.342.955
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	2.574.868.084.789	2.703.326.926.079
Trong đó:		
Số dư tài khoản Quỹ Bình ổn giá xăng dầu (ii)	-	-
Tiền đang chuyển	7.598.407.810	227.426.050
Các khoản tương đương tiền (i)	1.443.728.900.734	259.456.333.493
	4.081.852.242.021	**2.990.894.028.577**

(i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 1% đến 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 0,2% đến 3,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số tiền 3.237.076.131 Việt Nam đồng, 3.776.074 Đô la Mỹ là tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 5.200.417.367 Việt Nam đồng và 3.776.074 Đô la Mỹ) và 1.014.000.000 Việt Nam đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.014.000.000 Việt Nam đồng) là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng ("tương đương tiền"); đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 274.849.364.697 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 274.312.164.697 đồng) là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 06) tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương) bị hạn chế chi trả theo chỉ thị số 600/2015/CT-TGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Ngân hàng TMCP Đại Dương về việc tạm dừng cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tiến hành rà soát, thẩm định hồ sơ thanh toán của khách hàng. Hiện nay, Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương đã chuyển thành ngân hàng sở hữu 100% vốn bởi Nhà nước, theo đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong thời gian tới khi có quyết định từ phía Ngân hàng Nhà nước.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Chứng khoán kinh doanh	**Giá gốc**	**Giá trị hợp lý**	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Giá trị hợp lý**	**Dự phòng**
Tổng giá trị cổ phiếu	**168.047**	**49.500**	**(118.547)**	**33.414.563**	**93.331.850**	**(36.197)**
Công ty Cổ phần Thép Pomina (i)	168.047	49.500	(118.547)	168.047	131.850	(36.197)
TCT Cổ phần Phong Phú (i)	-	-	-	1.128.000	2.640.000	-
TCT Việt Thắng - Công ty Cổ phần (i)	-	-	-	32.118.516	90.560.000	-

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	**Giá trị ghi sổ**	**Giá gốc**	**Giá trị ghi sổ**
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	7.666.467.355.442	7.666.467.355.442	7.925.630.375.722	7.925.630.375.722

i. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh này được xác định dựa trên giá trị niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc năm kế toán.

ii. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng từ thời điểm báo cáo và hưởng lãi suất từ 3,5% đến 8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,5% đến 6%/năm).

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
BCP Trading Pte Ltd	673.701.299.680	-
Vitol Asia Pte Ltd	662.440.823.040	872.496.099.678
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	278.849.547.063	300.322.010.800
PTT (Lao) Co., Ltd	241.219.979.408	115.789.128.818
Công ty Xây dựng Công nghiệp mỏ - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	136.407.035.228	69.187.967.254
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai	124.364.484.210	122.107.366.506
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	124.164.578.894
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xăng dầu Tiền Phong	118.524.357.430	118.524.357.430
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	87.946.610.123
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	77.865.356.829
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	72.338.010.316	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.438.325.811	69.638.325.811
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Vũ Anh	43.257.741.001	43.257.741.001
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	30.553.040.000	7.772.460.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	29.381.135.000	13.004.944.000
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	28.887.525.624	55.835.953.922
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	26.916.080.480	10.155.652.621
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (i)	23.825.807.585	26.633.159.847
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	17.832.514.001	15.245.629.544
Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	16.945.910.883	31.472.425.045
Chevron U.S.A Inc Singapore Branch	-	511.900.518.721
Các khách hàng khác	1.691.040.947.716	1.604.299.165.696
	4.575.901.110.322	**4.277.619.452.540**
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đỉnh Phong	12.839.699.605	12.839.699.605
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	6.315.000.000
Công ty Cổ phần Itasco Lâm Đồng	-	2.169.153.465
Các khách hàng khác	563.554.868	564.554.868
	19.718.254.473	**21.888.407.938**
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 43)	538.886.994.347	438.525.634.364

(i) Phản ánh khoản phải thu về phí ủy thác và tiền dầu thô liên quan đến việc thực hiện các hoạt động mua, nhập khẩu ủy thác và bán hàng cho Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất khẩu ủy thác	3.091.244.397.289	3.305.468.257.964
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô nhập khẩu ủy thác	5.824.487.025	24.509.682.717
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	172.131.795.269	172.131.795.269
- Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	*169.785.513.359*	*169.785.513.359*
- Lợi nhuận tạm phân phối Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	*2.346.281.910*	*2.346.281.910*
Thuế tiêu thụ đặc biệt chờ khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi chờ hoàn (ii)	69.999.994.102	7.687.919.694
Phải thu về cổ phần hóa (iii)	6.253.479.545	6.253.479.545
Hợp đồng BCC số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 (iv)	456.849.917.501	387.558.110.831
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ	36.325.894	37.469.894
Phải thu khác	398.787.101.258	292.242.720.438
	4.201.127.497.883	**4.195.889.436.352**
b. Phải thu dài hạn khác		
Phải thu về chuyển nhượng dự án Petroland	14.758.071.200	15.458.071.200
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.127.438.000	2.722.438.000
Chi phí phân bổ tài sản dùng để hợp tác kinh doanh	423.022.385	460.347.905
Cảng cá Ba Tri - Bến Tre	4.189.672.916	4.260.918.637
Phải thu khác dài hạn	2.322.342.000	2.121.890.754
	22.820.546.501	**25.023.666.496**
Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 43)	*3.302.535.799.338*	*3.537.162.337.312*

(i) Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thể hiện khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 - là thời điểm Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư ("PETEC" - Công ty con của Tổng Công ty) chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại PETEC tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

(ii) Phản ảnh số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên vật liệu condensate và hàng pha chế chờ được khấu trừ, thuế bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt chờ hoàn từ Ngân sách Nhà nước.

(iii) Phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

(iv) Phản ánh khoản phải thu liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 ("Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh" hoặc "BCC") ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần ("PVGAS") để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên theo thỏa thuận của Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh dưới hình thức chia lợi nhuận sau thuế. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng Hợp tác Kinh doanh và phân chia lợi nhuận sau thuế cho Tổng Công ty và PVGAS theo tỷ lệ lần lượt là 65% và 35%. Chi tiết khoản phải thu ngắn hạn khác liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu khác liên quan đến việc thực hiện BCC	456.849.917.501	348.526.382.332
Phần lợi nhuận sau thuế được chia từ kết quả kinh doanh của BCC	-	39.031.728.499
	456.849.917.501	**387.558.110.831**

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu khó đòi theo đối tượng				
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	-	124.164.578.894	-
Công ty Cổ phần ĐT và PT Xăng dầu Tiên Phong	118.524.357.430	-	118.524.357.430	-
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	-	87.946.610.123	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	-	77.865.356.829	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam	69.438.325.811	-	69.538.325.811	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Vũ Anh	43.257.741.001	-	43.257.741.001	-
Công ty Cổ phần Song Phát	26.371.285.621	-	26.371.285.621	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cẩm Giàng	20.010.740.366	-	20.010.740.366	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	20.065.312.035	14.950.507.466	1.753.496.221	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân	19.576.761.700	-	19.576.761.700	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đỉnh Phong	12.839.699.605	-	12.839.699.605	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Anh Thúy	12.047.043.901	-	12.047.043.901	-
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	9.996.785.688	-	10.206.785.688	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Ninh Bình	8.906.024.795	-	8.906.024.795	-
Công ty Cổ phần TMHD Nam Sông Hậu	7.799.179.244	-	7.799.179.244	-
Công ty TNHH Xây dựng thương mại và Dịch vụ 1932	6.875.172.043	-	6.875.172.043	-
Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	-	6.315.000.000	6.315.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Kiên Giang	4.412.890.390	-	4.412.890.390	-
Công ty Cổ phần Vận tải Thành Phát	4.270.513.122	-	4.270.513.122	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	3.681.404.379	3.681.404.379	3.681.404.379	3.681.404.379
Công ty Cổ phần Thương mại Phượng Hoàng	3.287.903.374	-	3.287.903.374	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Hồng Việt	3.145.082.500	-	3.145.082.500	-
Công ty TNHH Công nghiệp Ngôi sao xanh	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Trung Nam	2.516.000.000	-	2.516.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Hưng Nghiệp	2.255.318.300	836.000.000	2.255.318.300	836.000.000
Đỗ Văn Trực	2.066.082.640	-	2.066.082.640	-
Võ Hữu Thuyên	1.104.148.576	-	1.104.148.576	-
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	-	-	16.604.952.041	-
Khách hàng nợ Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông tại Kiên Giang chờ xử lý	-	-	7.839.154.020	-
Công ty Cổ phần Itasco Lâm Đồng	-	-	2.169.153.465	-
Công ty TNHH Kumho Samco Buslines	-	-	1.712.601.433	1.712.601.433
Khách hàng khác	173.529.985.694	10.608.711.969	135.718.888.385	13.590.763.630
	874.969.304.061	**32.776.623.814**	**847.482.251.897**	**28.835.769.442**

Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu như sau:

Dựa trên giá trị sổ sách trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập đối với những khoản phải thu không có tài sản đảm bảo.

Đối với các khoản công nợ phải thu có giá trị tài sản đảm bảo lớn hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi xác định bằng giá gốc của khoản phải thu. Đối với các khoản công nợ có tài sản đảm bảo nhỏ hơn giá trị phải thu, giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá trị sổ sách trừ giá trị của tài sản đảm bảo và trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	229.861.314.947	-	122.371.537.818	-
Nguyên liệu, vật liệu	576.460.705.712	(1.014.618.341)	452.687.455.503	(1.014.618.341)
Công cụ, dụng cụ	14.272.495.197	-	12.824.858.645	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	199.987.532	-		
Thành phẩm tồn kho	230.377.319.447	-	156.837.458.917	-
Hàng hóa	1.907.590.996.324	(19.068.414.105)	1.831.080.811.128	(78.361.150)
Hàng gửi đi bán	2.776.598.086	-	3.562.515.982	-
	2.961.539.417.245	**(20.083.032.446)**	**2.579.364.637.993**	**(1.092.979.491)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 20.083.032.446 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.092.979.491 đồng) đối với các mặt hàng có giá trị thuần thấp hơn giá gốc tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 78.361.150 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: hoàn nhập 734.206.893 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	3.741.061.509	4.977.219.523
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.380.848.778	1.012.470.632
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	30.825.340.158	27.118.790.194
	39.947.250.445	**33.108.480.349**
b. Dài hạn		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	437.300.064.723	423.172.265.521
Giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý (i)	306.906.076.019	263.497.684.069
Chi phí san lấp mặt bằng	17.328.066.370	17.936.068.702
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	32.139.761.774	23.897.816.566

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ	26.954.818.752	28.567.182.145
Chi phí trả trước dài hạn khác	96.333.039.569	92.171.703.935
	916.961.827.207	**849.242.720.938**

(i) Bao gồm giá trị thương hiệu và lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP ("PETEC" - một công ty con của Tổng Công ty) khi cổ phần hóa ngày 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 162.640.683.830 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 198.162.166.312 đồng).

12. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là phần thuế giá trị gia tăng đầu vào mà Tổng Công ty chưa thực hiện khấu trừ. Việc khấu trừ khoản thuế này trong năm tiếp theo sẽ phụ thuộc vào việc kê khai của Tổng Công ty và sự kiểm tra, phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số được khấu trừ/đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Các khoản thuế phải thu Nhà nước	**105.069.296.173**	**36.407.381.881**	**136.242.685.161**	**204.904.599.453**
Thuế GTGT hàng bán nội địa	249.547.293	249.547.293	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	88.804.812.029	-	66.267.679.199	155.072.491.228
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.132.291.752	243.505.451	35.221.098.888	49.109.885.189
Thuế thu nhập cá nhân	483.099.004	495.085.439	54.083.935	42.097.500
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.398.546.047	35.400.243.698	34.681.823.139	680.125.488
Các loại thuế khác	1.000.048	19.000.000	18.000.000	48
	105.069.296.173	**36.407.381.881**	**136.242.685.161**	**204.904.599.453**
Các khoản thuế phải trả, phải nộp Nhà nước	**1.073.927.390.784**	**8.175.939.046.574**	**8.894.449.724.715**	**355.416.712.643**
Thuế GTGT hàng bán nội địa	103.471.084.964	868.910.990.019	921.580.280.385	50.801.794.598
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	503.661.968.255	503.661.968.255	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.566.149.422.646	1.566.149.422.646	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.452.435.316	131.893.378.788	154.633.536.249	31.712.277.855
Thuế thu nhập cá nhân	5.039.042.747	37.730.931.931	35.771.764.328	6.998.210.350
Thuế tài nguyên	41.250.000	628.540.000	626.560.000	43.230.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	78.000.000	86.123.931.149	86.201.931.149	-
Thuế môn bài	-	861.345.409	860.845.409	500.000
Các loại thuế khác	910.845.577.757	4.979.978.538.377	5.624.963.416.294	265.860.699.840
Các khoản phải nộp khác	**410.545.867**	**10.785.041.779**	**10.784.987.780**	**410.599.866**
Các khoản phí, lệ phí	410.545.867	10.785.041.779	10.784.987.780	410.599.866
	1.074.337.936.651	**8.186.724.088.353**	**8.905.234.712.495**	**355.827.312.509**
Trong đó: chi tiết các khoản phải thu/phải trả với cơ quan thuế tại nước ngoài như sau:				
Các khoản thuế phải thu	-	-	-	-
Các khoản thuế phải trả	*4.775.761.858*	*1.517.395.689.809*	*1.497.611.790.060*	*24.559.661.607*

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, TB truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	**4.470.182.448.810**	**1.387.458.263.865**	**462.708.406.765**	**105.785.739.856**	**42.374.019.208**	**6.468.508.878.504**
Tăng trong năm	39.481.161.635	30.712.439.047	30.844.386.744	9.578.796.251	1.163.629.311	111.780.412.988
ĐTXD cơ bản hoàn thành	53.059.736.007	4.330.687.110	2.788.589.630	48.602.819	1.308.423.296	61.536.038.862
Phân loại lại	-	1.505.000.000	(1.505.000.000)	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(9.731.175.718)	(5.938.520.377)	(5.332.584.726)	(73.239.396)	-	(21.075.520.217)
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	(31.529.881.734)	(25.408.749.284)	(5.886.946.792)	(3.259.684.002)	(1.969.409.786)	(68.054.671.598)
Tăng/(giảm) khác	(719.137.569)	2.179.528.612	-	120.257.170	(609.801.680)	970.846.533
Số dư cuối năm	**4.520.743.151.431**	**1.394.838.648.973**	**483.616.851.621**	**112.200.472.698**	**42.266.860.349**	**6.553.665.985.072**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	**2.797.401.742.420**	**1.040.723.583.487**	**355.681.989.909**	**83.735.923.631**	**37.923.645.074**	**4.315.466.884.521**
Khấu hao trong năm	196.109.761.793	71.185.408.320	20.948.789.877	6.747.900.286	1.405.267.194	296.397.127.470
Phân loại lại	-	1.505.000.000	(1.505.000.000)	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(4.841.107.261)	(5.902.103.550)	(5.192.004.275)	(73.239.396)	-	(16.008.454.482)
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	(25.585.611.124)	(22.744.041.411)	(5.861.255.025)	(3.328.876.126)	(1.890.980.797)	(59.410.764.483)
Tăng/(giảm) khác	(368.996.832)	(327.650.884)	(55)	53.789.207	(9)	(642.858.573)
Số dư cuối năm	**2.962.715.788.996**	**1.084.440.195.962**	**364.072.520.431**	**87.135.497.602**	**37.437.931.462**	**4.535.801.934.453**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	**1.672.780.706.390**	**346.734.680.378**	**107.026.416.856**	**22.049.816.225**	**4.450.374.134**	**2.153.041.993.983**
Tại ngày cuối năm	**1.558.027.362.435**	**310.398.453.011**	**119.544.331.190**	**25.064.975.096**	**4.828.928.887**	**2.017.864.050.619**

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.146.085.353.148 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 776.788.291.181 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và Thuyết minh số 27, các tài sản cố định hữu hình được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 191.538.564.195 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 341.775.722.390 đồng).

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TS cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	**1.756.898.120.276**	**103.474.437.562**	**1.373.735.751**	**1.861.746.293.589**
Tăng trong năm	123.052.043.222	11.878.115.994	-	134.930.159.216
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	42.727.273	-	42.727.273
Phân loại lại	(49.993.069.960)	-	-	(49.993.069.960)
Thanh lý, nhượng bán	(125.819.914)	-	-	(125.819.914)
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	(10.850.758.421)	-	-	(10.850.758.421)
Tăng/(giảm) khác	(11.425.125.209)	68.547.102	-	(11.356.578.107)
Số dư cuối năm	**1.807.555.389.994**	**115.463.827.931**	**1.373.735.751**	**1.924.392.953.676**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	**202.128.465.473**	**65.847.601.115**	**1.130.797.242**	**269.106.863.830**
Khấu hao trong năm	27.216.321.273	7.040.459.637	27.232.879	34.284.013.789
Phân loại lại	(7.423.293.700)	-	-	(7.423.293.700)
Thanh lý, nhượng bán	(23.704.980)	-	-	(23.704.980)
Tăng/(giảm) khác	(885.870.532)	22.849.033	-	(863.021.499)
Số dư cuối năm	**221.011.917.534**	**72.910.909.785**	**1.158.030.121**	**295.080.857.440**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	**1.554.769.654.803**	**37.626.836.447**	**242.938.509**	**1.592.639.429.759**
Tại ngày cuối năm	**1.586.543.472.460**	**42.552.918.146**	**215.705.630**	**1.629.312.096.236**

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 20.442.371.084 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 17.324.093.385 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 và số 27, giá trị quyền sử dụng đất của Tổng Công ty và các công ty con với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 227.828.730.937 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 105.148.890.701 đồng) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, chi tiết các lô đất chưa được cấp/sang tên và chưa được gia hạn quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn - Công ty con của Tổng Công ty) như sau:

STT	Lô đất	Địa chỉ	Chủ sở hữu	Nguyên giá tại ngày 31/12/2022	Ghi chú
				VND	
1	CHXD số 5	Ấp Tân Bình 1, xã Long Phú, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Chưa được cấp quyền sử dụng đất	334.915.334	Tổng diện tích lô đất là 1.154,5m2. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn đã thực hiện xong việc xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 854,5m2, còn lại 300m2 nằm trong phạm vi hành lang an toàn đường thủy nên không được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.
2	CHXD số 40	Ấp Nàng Rền, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạch Trị, tỉnh Sóc Trăng	Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	1.918.019.831	Hiện nay, lô đất này đang đứng tên Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (đơn vị tiền thân của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn).
3	CHXD số 63	5/4, ấp 1B, Bến Lức, Long An	Ông Nguyễn Văn Chúng	384.695.116	Tổng diện tích lô đất là 1.632m2, trong đó chỉ còn 300m2 đất ở, 200m2 đất trồng lúa chưa sang tên cho Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn. CHXD hoạt động trên 1.132m2 đất sản xuất kinh doanh đã sang tên.
4	Lô đất Cần Giờ	Thành phố Hồ Chí Minh	Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	14.950.957.950	Hiện nay, Lô đất này đang đứng tên Xí nghiệp XDDK Sài Gòn (đơn vị tiền thân của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn). Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn đã nộp hồ sơ xin cấp lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.
5	Lô đất Ba Láng	Cần Thơ	Bà Hoàng Hải Hà	10.592.491.299	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn chưa hoàn thiện việc chuyển mục đích sử dụng đất. Tổng diện tích lô đất là 1.967,8m2. Trong đó mới chỉ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được 618,3m2, bao gồm 300m2 đất ở và 318,3m2 đất sản xuất kinh doanh.
6	CHXD số 31	Tỉnh lộ 38, ấp Thào Lạng, xã Vĩnh Thạnh, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu		1.521.855.500	Quyền sử dụng đất hết hạn tháng 12/2016, chưa gia hạn quyền sử dụng đất.
				29.702.935.030	

16. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Khác	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	**138.543.596.361**	**771.255.889**	**139.314.852.250**
Số dư cuối năm	**138.543.596.361**	**771.255.889**	**139.314.852.250**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	**30.000.023.748**	**771.255.889**	**30.771.279.637**
Khấu hao trong năm	3.630.022.690	-	3.630.022.690
Số dư cuối năm	**33.630.046.438**	**771.255.889**	**34.401.302.327**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**108.543.572.613**	**-**	**108.543.572.613**
Tại ngày cuối năm	**104.913.549.923**	**-**	**104.913.549.923**

Trong năm, Tổng Công ty thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 34.110.232.681 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 27.452.506.572 đồng). Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 21.093.446.346 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 14.978.587.035 đồng).

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 886.142.245 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 886.142.245 đồng).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

17. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (i)	56.164.171.321	56.164.171.321
Đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu	37.471.135.796	29.282.481.081
Kho Trung chuyển xăng dầu Hợp Thịnh - Kỳ Sơn, Hòa Bình (ii)	5.683.769.124	5.683.769.124
Công trình khác	17.065.273.958	17.856.381.511
	116.384.350.199	**108.986.803.037**

(i) Thể hiện giá trị san lấp mặt bằng giai đoạn 02 của Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP ("PETEC"- một công ty con của Tổng Công ty) đã dừng thực hiện dự án từ năm 2012 và đang chờ quyết định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc tiếp tục triển khai dự án này trong thời gian tới.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ ("PV Oil Phú Thọ" - một công ty con của Tổng Công ty) đã chấm dứt việc tiếp tục triển khai dự án này theo Quyết định số 46/QĐ-SKHĐT ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình. Tại ngày 22 tháng 6 năm 2021, PV Oil Phú Thọ cùng Công ty TNHH Petro Bình Minh và Ủy ban nhân dân Xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình đã thực hiện bàn giao đất trên thực địa.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

a. Đầu tư vào công ty liên kết

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	**624.998.871.670**	**668.958.734.421**
Phần lãi/(lỗ) phát sinh trong năm	5.198.503.895	22.818.354.615
Cổ tức được chia trong năm	(15.909.695.000)	(6.075.606.000)
Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong năm	(5.847.148.572)	(4.492.640.653)
Phần lãi phát sinh do thanh lý công ty liên kết trong năm	-	2.405.480.000
Phần (lỗ) phát sinh do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết trong năm	-	(58.615.450.713)
Số dư cuối năm (*)	**608.440.531.993**	**624.998.871.670**

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí (công ty liên kết của Tổng Công ty) được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất với giá trị là 272.716.534.896 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 272.915.527.557 đồng). Theo Thông báo số 385/TB-VPCP ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ, Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí được đề nghị xem xét phương án giải thể, phá sản theo quy định pháp luật. Ngày 24 tháng 10 năm 2018, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã gửi văn bản trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc triển khai phương án phá sản Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí. Ngày 10 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty đã gửi Công văn số 211/DVN-TCKT cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để đề xuất được xác định lại khoản đầu tư này về mức không đồng (0 đồng) khi thực hiện quyết toán cổ phần hóa và trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản dự án, nếu có phát sinh thu hồi từ thanh lý tài sản tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, Tổng Công ty sẽ nộp toàn bộ về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Vấn đề này đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xin ý kiến xử lý của Ủy Ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trong Công văn số 3540/DKVN-HĐTV ngày 01 tháng 7 năm 2019 về sắp xếp lại, xử lý nhà đất và khó

khăn vướng mắc trong quyết toán cổ phần hóa PVOIL. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ủy Ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các cơ quan có thẩm quyền về việc triển khai phương án phá sản Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng tài sản	5.050.680.381.979	5.148.338.862.279
Tổng công nợ	4.117.462.415.261	3.973.252.402.563
Tài sản thuần	933.217.966.718	1.175.086.459.716
Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết	**608.440.531.993**	**624.998.871.670**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu	11.581.477.741.821	7.270.964.815.886
(Lỗ) thuần	(177.902.394.768)	(73.168.707.412)
Phần lãi/(lỗ) thuần của Tổng Công ty trong công ty liên kết	**5.198.503.895**	**22.818.354.615**

b. Góp vốn liên doanh

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	**83.440.461.516**	**38.639.257.647**
Phần lãi phát sinh trong năm	(2.159.643.752)	48.219.849.007
Cổ tức được chia trong năm	-	(1.971.202.500)
Các khoản trích quỹ và điều chỉnh khác trong năm	(7.286.226)	(1.447.442.638)
Số dư cuối năm	**81.273.531.538**	**83.440.461.516**

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên doanh của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng tài sản	2.397.927.606.474	2.322.976.531.396
Tổng công nợ	3.318.192.286.187	2.883.019.018.307
Tài sản thuần	(920.264.679.713)	(560.042.486.911)
Phần tài sản thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh	**81.273.531.538**	**83.440.461.516**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu	3.573.862.981.645	3.709.624.507.738
Lãi/(lỗ) thuần	(210.295.525.761)	172.962.092.487
Phần lãi thuần của Tổng Công ty trong công ty liên doanh	**(2.159.643.752)**	**48.219.849.007**

19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	47.241.749.605	47.556.518.371
Công ty Cổ phần Âu Lạc	26.482.144.914	26.482.144.914
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	10.549.395.047	10.549.395.047
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	7.263.016.037	7.263.016.037
Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	4.736.610.000	4.736.610.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (i)	-	9.753.141.763
Đầu tư dài hạn khác	5.638.738.529	5.638.738.529
	108.911.654.132	**118.979.564.661**
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(35.822.248.898)	(26.088.349.230)
	73.089.405.234	**92.891.215.431**

(i) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện chào bán ra công chúng toàn bộ 1.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 122/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 5 năm 2022. Theo Thông báo số 1166/SGDHCM-NY ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Tổng Công ty đã chào bán và chuyển nhượng thành công toàn bộ lượng cổ phần nói trên.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chưa thu thập được thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Giá trị
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	**226.918.247.290**
Tăng do sáp nhập công ty con	(3.274.100.000)
Số dư cuối năm	**223.644.147.290**
HAO MÒN	
Số dư đầu năm	**220.809.820.285**

Phân bổ lợi thế thương mại trong năm	1.450.775.014
Số dư cuối năm	**222.260.595.299**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	**6.108.427.005**
Số dư cuối năm	**1.383.551.991**

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	4.428.096.708.696	4.428.096.708.696	2.365.350.973.092	2.365.350.973.092
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.627.601.138.308	2.627.601.138.308	1.806.200.083.832	1.806.200.083.832
Brunei Shell Petroleum Company Sdn Bhd	669.361.981.680	669.361.981.680	495.227.255.954	495.227.255.954
Hợp đồng BCC số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 (i)	497.537.359.621	497.537.359.621	365.782.587.556	365.782.587.556
Elico Oil Pte Ltd	230.028.905.253	230.028.905.253	64.033.107.747	64.033.107.747
Glencore Singapore Pte Ltd	212.124.525.471	212.124.525.471	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	55.308.480.038	55.308.480.038	47.420.381.577	47.420.381.577
Premier Oil Vietnam Offshore B.V	-	-	263.368.204.760	263.368.204.760
Santos Petroleum Ventures B.V	-	-	158.020.069.499	158.020.069.499
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	-	111.922.794.103	111.922.794.103
Gazprom EP International B.V	-	-	83.374.458.284	83.374.458.284
Các đối tượng khác	544.226.314.647	544.226.314.647	638.324.191.110	638.324.191.110
	9.264.285.413.714	**9.264.285.413.714**	**6.399.024.107.514**	**6.399.024.107.514**
Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 43)	*7.125.844.415.522*	*7.125.844.415.522*	*4.347.989.498.078*	*4.347.989.498.078*

(i) Phản ánh khoản phải trả tiền mua xăng nền RON91 theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 13/2021/PVGAS/TT-PVOIL/D4 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần ("PVGAS").

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí mua hàng, tài sản trích trước	173.599.775.578	8.296.731.600
Chi phí trích trước sản phẩm dầu	1.510.511.604	1.687.418.143
Chi phí lãi vay	5.693.138.040	7.345.113.135
Các khoản chi phí phải trả khác	35.389.908.239	31.360.436.959
	216.193.333.461	**48.689.699.837**
Trong đó: Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 43)	*50.127.079.768*	*9.253.261.611*

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất khẩu ủy thác	4.396.993.671.925	3.816.547.115.093
Thu hộ, trả hộ tiền dầu nhập khẩu ủy thác	-	228.409.628
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ	46.229.366.244	54.774.371.679
Tiền chuyển nhượng cổ phiếu nhận trước (i)	33.139.404.640	-
Phải trả tiền thu từ bán cổ phần (ii)	6.508.956.732	6.508.956.732
Phải trả về cổ phần hóa (iii)	5.078.241.760	5.078.241.760
Phải trả, phải nộp khác	100.046.029.338	34.489.159.984
	4.587.995.670.639	**3.917.626.254.876**
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 43)	*2.153.423.050.232*	*1.836.876.517.104*

(i) Phản ánh tiền nhận trước về việc chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Petec Bình Định (Công ty liên kết gián tiếp của Tổng Công ty).

(ii) Phản ánh số tiền Tổng Công ty thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và phải trả cho chủ sở hữu số tiền thu từ việc chào bán cổ phần này. Khoản tiền thu về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

(iii) Phản ánh khoản phải trả về cổ phần hóa sau khi ghi nhận đủ số vốn điều lệ của Tổng Công ty sau cổ phần hóa là 10.342.295.000.000 đồng theo Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền.

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch giảm do chuyển đổi báo cáo tài chính	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	4.606.439.015.665	4.606.439.015.665	20.832.714.494.690	22.669.610.772.576	89.365.558.857	2.680.177.178.922	2.680.177.178.922
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 27)	27.131.998.226	27.131.998.226	64.776.288.211	71.353.997.835	-	20.554.288.602	20.554.288.602
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 27)	-	-	1.301.506.908	719.234.184	-	582.272.724	582.272.724
	4.633.571.013.891	**4.633.571.013.891**	**20.898.792.289.809**	**22.741.684.004.595**	**89.365.558.857**	**2.701.313.740.248**	**2.701.313.740.248**

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng để bổ sung vốn lưu động của Tổng Công ty và Công ty con. Các khoản vay từ các ngân hàng có thể rút bằng Đồng Việt Nam, KIP Lào hoặc Đô la Mỹ theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay từ các ngân hàng chịu lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 dao động từ 2,6%/năm đến 6,9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 2,6%/năm đến 3%/năm) đối với Đô la Mỹ, dao động từ 6,1%/năm đến 9,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 1,75%/năm đến 9,5%/năm) đối với Đồng Việt Nam và dao động từ 8% đến 9,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 7,2%/năm đến 8%/ năm) đối với đồng KIP Lào.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay bằng VND	2.443.327.162.670	4.293.539.371.743
Vay bằng LAK	141.461.180.657	292.713.309.922
Vay bằng USD	95.388.835.595	20.186.334.000
	2.680.177.178.922	**4.606.439.015.665**

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay tín chấp	2.307.404.273.910	4.248.244.554.436
Vay có tài sản đảm bảo của Tổng Công ty	372.772.905.012	358.194.461.229
	2.680.177.178.922	**4.606.439.015.665**

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi. Các khoản vay ngắn hạn được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay tín chấp	2.307.404.273.910	4.248.244.554.436
Vay có tài sản đảm bảo của Tổng Công ty	372.772.905.012	358.194.461.229
	2.680.177.178.922	**4.606.439.015.665**

25. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ dự phòng rủi ro và bồi thường thiệt hại môi trường	66.120.284.378	44.737.637.099
Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	-	1.715.816.472
	66.120.284.378	**46.453.453.571**

26. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	**(776.690.178.255)**	**438.962.299.436**
Trích quỹ trong năm	759.352.582.961	119.681.213.700
Lãi phát sinh	-	149.653.418
Sử dụng quỹ trong năm	(493.802.375.690)	(1.335.483.344.809)
Lãi tính trên số dư Quỹ bình ổn giá âm	(2.258.971.715)	-
Số dư cuối năm	**(513.398.942.699)**	**(776.690.178.255)**

Trong đó:		
Số dư đã chuyển tiền gửi ngân hàng	*-*	*-*
Số dư tài khoản Quỹ Bình ổn chưa được kết chuyển	*(513.398.942.699)*	*(776.690.178.255)*

Việc trích lập và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu được thực hiện theo các quy định của Bộ Tài chính tại các thời điểm khác nhau (như trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4 - Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, mục “Quỹ bình ổn giá xăng dầu”). Trong năm, Tổng Công ty thực hiện trích lập và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu theo các quy định hiện hành. Phần chênh lệch trích và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu phát sinh sẽ được thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính trong thời gian tiếp theo.

27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản vay dài hạn (i)	**130.002.625.663**	**130.002.625.663**	**87.282.165.040**	**136.130.286.046**	**81.154.504.657**	**81.154.504.657**
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 24)	*27.131.998.226*	*27.131.998.226*	*64.776.288.211*	*71.353.997.835*	*20.554.288.602*	*20.554.288.602*
Số phải trả sau 12 tháng	*102.870.627.437*	*102.870.627.437*	*22.505.876.829*	*64.776.288.211*	*60.600.216.055*	*60.600.216.055*
b. Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	**1.448.688.297**	**1.448.688.297**	**3.211.892.362**	**2.020.741.092**	**2.639.839.567**	**2.639.839.567**
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 24)	-	-	*1.301.506.908*	*719.234.184*	*582.272.724*	*582.272.724*
Số phải trả sau 12 tháng	*1.448.688.297*	*1.448.688.297*	*1.910.385.454*	*1.301.506.908*	*2.057.566.843*	*2.057.566.843*
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	***104.319.315.734***	***104.319.315.734***	***24.416.262.283***	***66.077.795.119***	***62.657.782.898***	***62.657.782.898***
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 24)	***27.131.998.226***	***27.131.998.226***	***66.077.795.119***	***72.073.232.019***	***21.136.561.326***	***21.136.561.326***
	131.451.313.960	**131.451.313.960**	**90.494.057.402**	**138.151.027.138**	**83.794.344.224**	**83.794.344.224**

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

i. Các khoản vay dài hạn cho mục đích tài trợ các dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu tại Tổng Công ty và các Công ty con. Các khoản vay chịu lãi suất từ 6,5%/năm đến 12%/năm (năm 2021 từ 6%/năm đến 11%/năm) đối với các khoản vay bằng Đồng Việt Nam. Các khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại các cửa hàng xăng dầu và các tài sản cố định khác.

ii. Khoản nợ thuê tài chính dài hạn cuối năm là khoản vay có thời hạn 36 tháng của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn và khoản vay có thời hạn 48 tháng của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP đối với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng thuê tài chính.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng Công ty phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay tín chấp	2.902.000.000	7.897.000.000
Vay có tài sản đảm bảo	80.892.344.224	123.554.313.960
	83.794.344.224	**131.451.313.960**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	21.136.561.326	27.131.998.226
Trong năm thứ hai	20.921.272.277	34.592.838.649
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	31.392.504.055	56.440.734.014
Sau năm năm	10.344.006.566	13.285.743.071
	83.794.344.224	**131.451.313.960**
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay dài hạn đến hạn trả - Thuyết minh số 24)	21.136.561.326	27.131.998.226
Số phải trả sau 12 tháng	**62.657.782.898**	**104.319.315.734**

28. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc niên độ kế toán và thu nhập/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	156.900.774.086	130.346.505.498
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**156.900.774.086**	**130.346.505.498**
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm	**26.554.268.588**	**(9.859.793.510)**

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU:

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (i)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(Lỗ) lũy kế	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021										
Số dư đầu năm	**10.342.295.000.000**	**(167.017.350.614)**	**206.532.733.644**	**(10.231.885.928)**	**10.658.454.084**	**(898.817.340.742)**	**5.959.092.576**	**(1.782.841.473)**	**1.078.259.173.369**	**10.565.855.034.916**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	772.863.367.054	-	-	-	772.863.367.054
Trích các quỹ trong năm	-	-	7.397.735.814	-	-	(126.675.539.817)	-	-	(26.418.808.994)	(145.696.612.997)
Phân loại lại giữa các quỹ	-	-	-	8.641.050.778	-	(8.641.050.778)	-	-	-	-
Tăng do sáp nhập công ty con	-	-	-	21.396.832.623	-	-	-	-	-	21.396.832.623
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(168.042.382.874)	-	-	168.042.382.874	-
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	(2.432.646.270)	-	9.736.431.944	28.851.455.264	-	-	-	36.155.240.938
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(41.508.051.369)	-	-	-	(9.736.431.944)	(51.244.483.313)
Tăng vốn công ty con bằng cổ tức	-	-	-	-	-	(2.765.183.252)	-	2.765.183.252	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(30.474.486.541)	(30.474.486.541)
Khác	-	3.035.904.464	(39.882.945)	-	(452.922)	1.314.632.037	(632.232.633)	17.985.460.000	(5.376.485.832)	16.286.942.169
Số dư cuối năm	**10.342.295.000.000**	**(163.981.446.150)**	**211.457.940.243**	**19.805.997.473**	**(21.113.618.263)**	**(401.912.043.108)**	**5.326.859.943**	**18.967.801.779**	**1.174.295.342.932**	**11.185.141.834.849**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022										
Số dư đầu năm	**10.342.295.000.000**	**(163.981.446.150)**	**211.457.940.243**	**19.805.997.473**	**(21.113.618.263)**	**(401.912.043.108)**	**5.326.859.943**	**18.967.801.779**	**1.174.295.342.932**	**11.185.141.834.849**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	723.197.826.925	-	-	-	723.197.826.925
Trích các quỹ ngoài biểu vốn (ii)	-	-	-	-	-	(154.516.574.057)	-	-	(11.335.181.638)	(165.851.755.695)
Trích các quỹ trong biểu vốn (ii)	-	-	16.521.807.227	-	-	(16.521.807.227)	-	-	-	-
Phân loại lại giữa cổ đông không kiểm soát và cổ đông công ty mẹ	-	-	-	-	-	74.911.754.923	-	-	(74.911.754.923)	-
Phân loại lại giữa các nguồn vốn	-	-	5.326.859.943	-	13.429.502.443	(13.429.502.443)	(5.326.859.943)	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(72.003.551.030)	-	-	72.003.551.030	-
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát	-	-	(5.692.527.227)	-	(4.124.081.749)	17.027.708.865	-	-	-	7.211.099.889
Chênh lệch do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(43.473.841.571)	-	-	-	4.124.081.749	(39.349.759.822)
Điều chỉnh cho cổ đông không kiểm soát do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp	-	-	-	-	-	17.316.822.175	-	-	(17.316.822.175)	-
Tăng vốn công ty con bằng nguồn lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	4.644.644.548	-	4.644.644.548
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(361.980.325.000)	-	-	(31.651.461.098)	(393.631.786.098)
Khác	-	-	1.052.956.042	688.011.191	-	2.374.803.021	-	-	1.730.506.181	5.846.276.435
Số dư cuối năm	**10.342.295.000.000**	**(163.981.446.150)**	**228.667.036.228**	**20.494.008.664**	**(55.282.039.140)**	**(185.534.886.956)**	**-**	**23.612.446.327**	**1.116.938.262.058**	**11.327.208.381.031**

(i) Chênh lệch đánh giá lại tài sản thể hiện khoản điều chỉnh hợp nhất cho khoản chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết phát sinh từ việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với giá trị vốn chủ sở hữu tại các công ty nhận đầu tư.

(ii) Theo Nghị quyết số 12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 350 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế của năm 2021. Thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-ĐHĐCĐ nói trên, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 58/NQ-DVN ngày 5 tháng 7 năm 2022 về việc phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 350 VND/cổ phiếu, theo đó ngày thực hiện chi trả cổ tức là ngày 10 tháng 8 năm 2022. Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức theo các Nghị quyết trên.

(iii) Theo Nghị quyết số 12 nói trên và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông/Nghị quyết của Hội đồng thành viên của các công ty con, Tổng Công ty và các công ty con đã trích Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2021 với số tiền 166.302.784.319 VND. Đồng thời, căn cứ mức độ hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2022, Tổng Công ty và các công ty con đã thực hiện tạm trích Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo quy định hiện hành với số tiền 118.970.577.170 VND, số trích Quỹ chính thức sẽ được trình Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.445.036	200.445.036
Cổ phiếu phổ thông	*200.445.036*	*200.445.036*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.034.229.500	1.034.229.500
Cổ phiếu phổ thông	*1.034.229.500*	*1.034.229.500*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 8 năm 2018, vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 10.342.295.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số lượng	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	832.803.564	80,52%	8.328.035.640.000
Các cổ đông khác	201.425.936	19,48%	2.014.259.360.000
	1.034.229.500	**100%**	**10.342.295.000.000**

30. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	1.062.856.004.465	1.077.895.869.664
Thặng dư vốn cổ phần	22.444.504.530	22.444.504.530
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(4.607.193.602)	(8.731.275.350)
Quỹ đầu tư phát triển	132.936.335.644	127.697.912.715
(Lỗ) lũy kế	(96.691.388.979)	(47.099.382.003)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	2.087.713.376
	1.116.938.262.058	**1.174.295.342.932**

31. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tại ngày kết niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cho tổng diện tích thuê 3.459,11 m^2 tại số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 70.622.316 đồng/m^2/50 năm. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn là 50 năm từ ngày 10 tháng 01 năm 2010 cho phần diện tích 2.952,67 m^2 và 48 năm từ ngày 24 tháng 7 năm 2012 cho phần diện tích 506.44 m^2. Toàn bộ số tiền thuê văn phòng không gồm thuế GTGT đã được thanh toán với giá trị 244.290.357.799 đồng.

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
- Xăng Ron 95	Lít	36.117.785	38.525.490
- Xăng Ron 92	Lít	28.712.031	20.790.629
- Xăng E5	Lít	3.743.861	2.656.503
- Dầu DO 0,05%	Lít	63.922.497	71.366.947
- Dầu FO	Kg	9.432.718	365.520
- Jet A1	Kg	10.312.105	8.907.489
- Xăng E100	Lít	320.053	135.025
- Naptha	Lít	6.527.331	-
- Condensate	Lít	5.299.429	-
- DO đáy	Lít	554.302	-
- Dung môi	Lít	118.352	112.550
2. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)	USD	22.588.818	34.903.215
- Đồng Euro (EUR)	EUR	320	331
- Đô la Singapore (SGD)	SGD	536.780	173.774
- KIP Lào (KIP)	KIP	16.989.485.187	26.089.044.869
- Bath Thái (THB)	THB	32.693.611	1.007.307

32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu là hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô, xăng dầu.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động tại khu vực nội địa và nước ngoài. Dưới đây là phân tích doanh thu của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nội địa	80.591.035.055.606	38.729.539.017.310
Quốc tế	23.622.761.576.115	19.106.438.841.052
	104.213.796.631.721	**57.835.977.858.362**

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Nội địa	3.606.492.213.429	3.676.187.701.932	308.000.989.569	390.391.518.379
Quốc tế	40.683.933.426	69.493.721.810	288.348.770	1.947.411.922
	3.647.176.146.855	**3.745.681.423.742**	**308.289.338.339**	**392.338.930.301**

33. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**104.220.729.403.371**	**57.848.309.273.527**
- Doanh thu bán hàng	103.698.410.043.928	57.440.228.905.098
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	414.665.615.355	298.792.011.497
- Doanh thu từ ủy thác xuất khẩu dầu thô	107.653.744.088	109.288.356.932
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(6.932.771.650)**	**(12.331.415.165)**
- Chiết khấu thương mại	(6.932.771.650)	(12.331.415.165)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**104.213.796.631.721**	**57.835.977.858.362**
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 41)	*15.540.557.767.486*	*4.614.389.092.944*

34. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán	99.835.650.334.116	54.484.679.623.418
Giá vốn dịch vụ cung cấp	311.206.955.622	172.997.962.149
	100.146.857.289.738	**54.657.677.585.567**

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.364.554.197.098	4.231.751.456.434
Chi phí nhân công	1.222.395.970.409	1.065.817.831.915
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	336.185.567.199	346.471.338.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.044.224.901.454	816.937.114.147
Chi phí khác bằng tiền	836.510.869.321	465.698.439.349
	13.803.871.505.481	**6.926.676.180.742**

36. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	417.778.258.963	381.782.147.908
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	134.363.223.241	18.734.026.038
Cổ tức được chia	5.080.150.600	4.035.215.678
Lãi bán hàng trả chậm	2.193.520	2.088.863.065
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.517.858.237	2.405.480.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.390.960.574	3.687.858.884
	567.132.645.135	**412.733.591.573**

37. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	179.692.092.511	144.565.099.296
Lỗ chênh lệch tỷ giá	132.102.526.944	40.170.177.631
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	9.733.982.018	988.128.960
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết và bán chứng khoán kinh doanh	-	9.415.955.804
Chi phí tài chính khác	8.552.912.630	5.915.592.475
	330.081.514.103	**201.054.954.166**

38. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng	**2.370.193.962.567**	**1.833.758.314.419**
Chi phí nhân viên bán hàng	802.901.506.813	683.649.770.118
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	193.168.533.399	76.626.992.876
Chi phí vận chuyển	200.574.891.131	137.176.022.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	537.995.005.950	433.712.537.354
Chi phí khấu hao tài sản cố định	236.518.316.074	246.373.119.216
Các khoản dự phòng	21.342.647.279	17.395.091.219
Các khoản chi phí bán hàng khác	377.693.061.921	238.824.781.012
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**1.041.591.430.338**	**728.224.901.968**
Chi phí nhân viên quản lý	392.375.602.719	343.132.441.582
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	34.691.190.937	21.622.698.623
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.182.571.171	38.941.579.854
Trích lập/(hoàn nhập) các khoản dự phòng	23.669.301.711	(44.894.213.923)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.176.778.311	94.939.156.170
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	406.495.985.489	274.483.239.662
	3.411.785.392.905	**2.561.983.216.387**

39. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	**52.494.988.208**	**49.849.048.626**
Tiền bồi thường nhận được	13.550.877.396	1.788.108.912
Thu nhập từ kiểm kê thừa hàng tồn kho	11.597.952.840	5.498.458.629
Thu từ thanh lý tài sản cố định	5.338.499.246	9.692.897.642
Vận chuyển nhân sự các lô dầu	5.126.578.695	10.308.960.378
Phí lưu tàu	-	6.230.726.288
Các khoản thu nhập khác	16.881.080.031	16.329.896.777
Chi phí khác	**35.523.003.026**	**21.037.786.992**
Chi phí hủy bỏ, thu hồi dự án	11.926.593.168	11.958.238.459
Các khoản tiền phạt	8.652.591.071	643.087.989
Phí lưu tàu	3.443.471.527	-
Các khoản chi phí khác	11.500.347.260	8.436.460.544
Lợi nhuận khác	**16.971.985.182**	**28.811.261.634**

40. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	162.463.829.922	164.841.585.527
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**162.463.829.922**	**164.841.585.527**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là số liệu tạm tính. Số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức phải nộp sẽ phụ thuộc vào kết quả quyết toán thuế với cơ quan thuế.

41. LỖ/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	651.194.275.895	604.820.984.180
- Trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận (VND) (*)	(141.608.608.637)	(111.244.539.669)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	**509.585.667.258**	**493.576.444.511**
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.034.229.500	1.034.229.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	**493**	**477**

(*) Cho mục đích trình bày chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, số liệu liên quan đến việc trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được ước tính dựa vào kế hoạch kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2022 của Tổng Công ty đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt theo Nghị quyết số 7292/NQ-DKVN ngày 15 tháng 12 năm 2021 và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông/Nghị quyết của Hội đồng thành viên của các công ty con.

Tổng Công ty thực hiện tính toán lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước để phản ánh khoản thực trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 theo Nghị quyết số 12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông/Nghị quyết của Hội đồng thành viên của các công ty con, chi tiết như sau:

	Năm trước	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	604.820.984.180	604.820.984.180
- Trích các quỹ ngoài biểu vốn từ nguồn lợi nhuận (VND)	(80.286.492.000)	(111.244.539.669)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	**524.534.492.180**	**493.576.444.511**
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	1.034.229.500	1.034.229.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	**507**	**477**

42. CAM KẾT VỐN

Theo Nghị quyết số 12/NQ-ĐHĐCĐ (“Nghị quyết 12”) ngày 28 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, trong đó, giá trị đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản trong năm 2022 với số tiền 540 tỷ đồng. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện giải ngân đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản với tổng giá trị là khoảng 356 tỷ đồng và đang triển khai các công việc cần thiết để hoàn thành đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản theo đúng Nghị quyết 12 nói trên.

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Các công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Các công ty liên kết	Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	**15.540.557.767.486**	**4.614.389.092.944**
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	7.934.166.265.804	1.157.067.600.960
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	4.851.797.885.166	2.060.346.629.707
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	2.115.358.936.361	925.089.681.820
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	176.796.831.483	177.872.307.277
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	148.495.117.625	90.926.138.050
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	108.589.153.679	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	80.284.235.136	57.850.717.742
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	46.265.549.497	30.821.759.088
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	24.746.478.399	11.656.990.067
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	6.991.338.944	3.898.761.797
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.750.000.000	20.617.287.150
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	6.323.295.447	3.097.509.820
Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí quốc tế	5.294.425.545	2.056.363.636
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	5.124.575.079	8.106.880.094
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	4.359.156.908	320.200.000
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu Khí	3.115.232.656	1.670.781.935
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	3.068.297.182	3.067.133.185
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	49.039.443.205
Các đối tượng khác	13.030.992.575	10.882.907.411
Mua hàng, sử dụng dịch vụ	**63.866.933.056.104**	**34.155.310.160.396**
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	30.905.023.052.679	14.682.286.709.476
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	29.234.897.234.227	16.069.038.029.231
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	2.612.598.378.813	2.833.742.244.899
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	612.115.321.354	432.972.029.564
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	288.201.758.739	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	68.923.064.132	5.228.747.513
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	51.194.766.783	30.398.476.862
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	33.155.117.777	14.849.260.894
Công ty Cổ phần Giám định năng lượng Việt Nam	19.768.586.276	15.631.234.322
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	10.112.961.696	1.581.006.820
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển	9.159.325.654	9.105.457.782
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	7.555.817.374	6.189.884.094
Công ty TNHH MTV Chế biến Khí Vũng Tàu	3.013.076.833	1.384.284.853
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	2.049.981.060	2.377.629.928
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	1.438.009	44.823.141.637
Các đối tượng khác	9.163.174.698	5.702.022.521

Tiền lương, phụ cấp và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm Tổng Giám đốc; tiền lương của Ban Kiểm soát, của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng trong năm tại Công ty Mẹ như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương, phụ cấp và thù lao của Hội đồng Quản trị (bao gồm Tổng Giám đốc)	**7.599.906.421**	**7.519.426.389**
Ông Cao Hoài Dương	1.417.358.885	1.417.244.812
Ông Đoàn Văn Nhuộm	1.417.358.885	1.417.244.812
Ông Lê Văn Nghĩa	1.132.145.346	1.132.054.228
Ông Nguyễn Mậu Dũng	1.188.752.613	1.108.774.081
Ông Hạng Anh Minh	1.132.145.346	1.132.054.228
Ông Lê Ngọc Quang	1.132.145.346	1.132.054.228
Ông Trần Hoài Nam	180.000.000	180.000.000
Tiền lương của Ban Kiểm soát	**3.143.880.538**	**3.143.627.510**
Ông Nguyễn Đức Kện	1.132.145.346	1.132.054.228
Bà Trần Thị Phượng	1.005.867.596	1.005.786.641
Ông Phạm Thanh Sơn	1.005.867.596	1.005.786.641
Tiền lương của các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	**6.932.213.041**	**7.327.874.100**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**538.886.994.347**	**438.525.634.364**
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	278.849.547.063	300.322.010.800
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	72.338.010.316	-
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	30.553.040.000	7.772.460.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	29.381.135.000	13.004.944.000
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	26.916.080.480	10.155.652.621
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	23.825.807.585	26.633.159.847
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	17.832.514.001	15.245.629.544
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	15.886.940.146	9.785.831.739
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	11.966.516.086	25.497.452.652
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	7.045.330.439	2.847.776.720
Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí quốc tế	4.439.568.400	5.636.562.660
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	3.931.142.623	1.194.271.997
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	2.603.970.025	3.111.867.305
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	2.543.770.086	2.553.770.086
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	2.437.766.930	796.504.130
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	2.072.896.390	119.961.798
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.362.230.984	1.362.230.984
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	914.117.180	1.203.192.950
Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	7.762.133.610
Các đối tượng khác	3.986.610.613	3.520.220.921

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn khác	**3.302.535.799.338**	**3.537.162.337.312**
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	3.092.519.548.663	3.310.104.646.789
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	172.131.795.269	172.287.240.951
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	23.134.972.605	22.978.080.279
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	8.545.468.176	17.927.132.472
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	7.121.381	10.239.032.046
Các đối tượng khác	6.196.893.244	3.626.204.775
Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn	**7.125.844.415.522**	**4.347.989.498.078**
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	4.428.096.708.696	2.365.350.973.092
Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.627.601.138.308	1.806.200.083.832
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	55.308.480.038	47.420.381.577
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	4.801.068.120	4.800.000.000
Công ty Cổ phần Giám định năng lượng Việt Nam	3.469.834.229	2.879.786.850
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	3.362.687.487	4.127.817.392
Ban Quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.954.237.323	1.954.237.323
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	660.837.537	1.739.107.502
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	111.922.794.103
Các đối tượng khác	589.423.784	1.594.316.407
Phải trả ngắn hạn khác	**2.153.423.050.232**	**1.836.876.517.104**
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	1.819.686.460.776	1.640.353.495.391
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	327.015.456.822	195.594.690.666
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	5.742.593.422	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	724.387.802	724.387.802
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	155.100.000	-
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	99.051.410	203.943.245
Vay	**11.829.300.352**	**14.195.160.422**
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	11.829.300.352	14.195.160.422
Chi phí phải trả ngắn hạn	**50.127.079.768**	**9.253.261.611**
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	48.694.214.435	-
Tổng Công ty bảo hiểm PVI	931.602.514	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	246.340.000	2.616.728.119
Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	4.431.885.502
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	1.916.419.330
Các đối tượng khác	254.922.819	288.228.660

Phùng Tố Vân	Nguyễn Ngọc Ninh	Đoàn Văn Nhuộm
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2023